

THƯ VIỆN T.P. CẦN THƠ
T 5088
1991

CHỐNG KHỦNG BỐ

LỊCH SỬ

LỚP
PHỔ THÔNG



Nhà xuất bản Giáo dục
• 1985

3(075)
L 302

LỊCH SỬ

LỚP CHÍN PHỔ THÔNG

Hệ 12 năm
(In lần thứ chín)

thuongmaitruongxua.vn

THƯ VIỆN GIA ĐÌNH

98/87217 NH

1/01/2018

PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN
THƯ VIỆN
THÀNH PHỐ - CÁN THỢ

TR 1219/88

16/8806 M. N



Nhà xuất bản Giáo dục
*1985

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

(Nguyên dạng hoặc chuyển tự)

Đờ-cu	<i>Decoux</i>
Đờ Ca-xơ-ri	<i>De Castries</i>
Đờ Tác-xi-nhi	<i>De Tassigny</i>
Grôn-xơn	<i>Johnson</i>
Giờ-ne-vơ	<i>Genève</i>
In-đô-nê-xi-a	<i>Indonésia</i>
Lê-nin	<i>Lenin</i>
Mác	<i>Marx</i>
Na-va	<i>Navarre</i>
Ních-xơn	<i>Nixon</i>
Pa-ri	<i>Paris</i>

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ KHI ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG RA ĐỜI ĐẾN NAY

CHƯƠNG I

THỜI KÌ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỪ 1930 ĐẾN 1945

BÀI 1

SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

1. Hội nghị thành lập Đảng (3-2-1930).

Sau khi ba tổ chức cộng sản (1) ra đời, phong trào công nhân và nông dân ngày càng phát triển mạnh mẽ. Những cuộc bãi công liên tiếp nổ ra, và trong đấu tranh, ý thức giai cấp, ý thức chính trị cùng tinh thần đoàn kết của công nhân ngày càng rõ. Nhưng ba tổ chức nói trên lại hoạt động riêng rẽ, ảnh hưởng không tốt đến phong trào cách mạng.

Trước tình hình đó, Quốc tế cộng sản gửi một bức thư cho những người cộng sản Đông Dương vạch ra sự cần thiết phải hợp lại thành một đảng cộng sản thống nhất.

Để thực hiện chỉ thị của Quốc tế cộng sản nhằm đáp ứng yêu cầu cách mạng của cả nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, với

(1) Đông Dương Cộng sản đảng ở Bắc Kỳ, Đông Dương Cộng sản liên đoàn ở Trung Kỳ, An Nam Cộng sản đảng ở Nam Kỳ.

tư cách đại diện cho Quốc tế cộng sản, đến *Hương Cảng* triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản ở Đông Dương để bàn việc lập một đảng thống nhất. Ngày 3-2-1930, cuộc hội nghị hợp nhất họp ở *Cửu Long*, bên cạnh *Hương Cảng*, dưới sự chủ tọa của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trong hội nghị có đại biểu của *Đông Dương Cộng sản đảng* và *An Nam Cộng sản đảng*, còn *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* thì không kịp cử đại diện đến dự.

Sau khi nghe báo cáo của các đại biểu và nhận rõ chủ trương của Quốc tế cộng sản, hội nghị nhất trí tán thành thống nhất ba tổ chức cộng sản trong nước thành một đảng cộng sản duy nhất, lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, hội nghị thông qua *chính cương sách lược tóm tắt* của Đảng do Người thảo ra. Các văn kiện đó đã vạch ra đường lối cơ bản cho cách mạng Việt Nam, làm cơ sở cho Trung ương, viết bản *Luận cương chính trị* sau này.

Hội nghị còn cử ra Ban chấp hành trung ương lâm thời để lãnh đạo toàn Đảng.

Hội nghị hợp nhất có giá trị như một Đại hội thành lập Đảng.

2. Đường lối, nhiệm vụ cách mạng Việt Nam do Đảng vạch ra.

Để thực hiện nghị quyết của Quốc tế cộng sản và để tăng cường lãnh đạo phong trào cách mạng đang sôi sục trong cả nước, tháng 10-1930, Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ nhất để thông qua bản *Luận cương chính trị* của Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư đầu tiên của Đảng khởi thảo. Luận cương vạch rõ Đông Dương là một xã hội đặt dưới sự thống trị của đế quốc Pháp cấu kết với phong kiến trong nước. Mâu thuẫn chính là giữa công nhân, nông dân và tầng lớp lao khổ với đế quốc, phong kiến và tư sản mại bản. Vì vậy, tính chất của cách mạng Đông Dương là cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhiệm vụ là đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập và xóa bỏ chế độ phong kiến, đem

lại ruộng đất cho nông dân. Lực lượng cách mạng chủ yếu là công nhân và nông dân. Luận cương còn nói rõ, sau khi hoàn thành cách mạng dân chủ tư sản, cách mạng Việt Nam chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đảng phải thường xuyên đưa quần chúng ra đấu tranh giành quyền lợi thiết thực hằng ngày, qua đó mà giáo dục cách mạng cho quần chúng. Khi có thời cơ, Đảng phải lãnh đạo quần chúng đứng lên khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Bản Luận cương chính trị đã vạch ra cho giai cấp công nhân và nhân dân Đông Dương đường lối, nhiệm vụ cách mạng rõ ràng, soi sáng con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam, và cách mạng Đông Dương.

Về nhiệm vụ chính trị trước mắt, Hội nghị trung ương lần thứ nhất quyết định phải lãnh đạo quần chúng chống khủng bố trắng, chống sưu thuế, chống thủ đoạn lừa bịp của địch, chống chiến tranh đế quốc và ủng hộ Liên Xô.

Hội nghị quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, vì cách mạng của 3 nước Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào liên quan mật thiết với nhau. Hội nghị còn quyết định thành lập *Hội phản đế đồng minh Đông Dương* (một hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất) và tổ chức các đoàn thể quần chúng xung quanh Đảng (công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ) có quy củ hơn trước.

3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.

Việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 có một ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn.

Nó đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam, mở đầu thời kì cách mạng Việt Nam do giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo.



Trần Phú

Từ đây giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam có một *chính đảng duy nhất* của mình, một bộ *tham mưu chân chính cách mạng* để lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập và dân chủ đi đến thắng lợi. Từ đây lịch sử của dân tộc gắn liền với lịch sử Đảng.

Cách mạng Việt Nam do giai cấp công nhân lãnh đạo, theo đường lối của chủ nghĩa Mac — Lenin, trở thành *một bộ phận của cách mạng thế giới*, và từ đây mỗi bước tiến của cách mạng Việt Nam đều gắn chặt và góp phần vào thắng lợi của cách mạng thế giới.



Trụ sở Chi bộ Công sản đầu tiên (Số nhà 5D đường Hàm Long — Hà Nội)

CÂU HỎI

1. Tại sao có Hội nghị 3-2-1930 tại Cửu Long? Kết quả của hội nghị đó như thế nào?

2. Hội nghị Trung ương lần thứ nhất của Đảng đã đề ra đường lối, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam như thế nào? Hội nghị đó có tầm quan trọng như thế nào?
3. Tại sao nói sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930 là một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam?

BÀI 2

CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 — 1931

1. Tình hình Việt Nam đầu năm 1930 và cao trào cách mạng năm 1930 — 1931.

Năm 1930, nhân dân ta gặp những khó khăn lớn, một mặt phải chịu gánh nặng của cuộc khủng hoảng kinh tế của thế giới tư bản⁽¹⁾, mặt khác đang phải trải qua sự khủng bố tàn khốc của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái. Mâu thuẫn xã hội phát triển đến mức vô cùng gay gắt; Đảng nắm ngay cơ hội đó, phát động một cao trào đấu tranh của quần chúng.

Ngay từ đầu năm 1930, đã nổ ra các cuộc bãi công, biểu tình của công nhân đồn điền Phú Riềng, công nhân nhà máy sợi Nam Định, công nhân nhà máy điện và nhà máy cưa Bến Thủy.

Thực dân Pháp ra sức khủng bố, đàn áp, nhưng vẫn không dập tắt được phong trào. Đúng ngày 1-5-1930, ở nhiều nơi khắp trong nước, từ nông thôn đến thành thị, đều có bãi công của công nhân, biểu tình của nông dân. Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm, khẩu hiệu xuất hiện ở nhiều nơi.

2. Xô viết Nghệ — Tĩnh, đỉnh cao nhất của phong trào.

Sự kiện lớn nhất của cao trào cách mạng 1930 — 1931 là phong trào công nông Nghệ — Tĩnh với đỉnh cao nhất là Xô viết Nghệ — Tĩnh. Phong trào nhóm lên từ cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1930. Công nhân Bến Thủy

(1) Từ năm 1929 đến năm 1933 nền kinh tế ở các nước tư bản khủng hoảng lớn.

(Nghệ An) cùng hàng vạn nông dân các vùng lân cận rầm rộ biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu thuế, chống khủng bố, v.v... Cũng ngày hôm đó, nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra ở nhiều nơi khác trong tỉnh, đặc biệt nông dân huyện Thanh Chương đã kéo đến phá đồn điền của Kỳ Viên là tên địa chủ lớn gian ác trong vùng, và đòi trả lại ruộng đất. Thực dân Pháp đàn áp dữ dội, nhưng phong trào cứ ngày càng quyết liệt và lan rộng trong hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh⁽¹⁾.



Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930-1931)

Đến tháng 9 thì phong trào lên cao nhất với cuộc biểu tình của hàng vạn nông dân huyện Hưng Nguyên kéo về Vinh ngày 12-9. Giặc Pháp vừa đưa binh lính đến khủng bố, vừa cho máy bay ném bom vào đám biểu tình làm chết hơn 270 người. Đến chiều đồng bào đi nhặt xác những người bị hi sinh lại bị máy bay địch ném bom lần nữa, chết thêm 13

(1) Nay là tỉnh Nghệ Tĩnh.

người. Ngọn lửa căm thù bốc cao cực độ. Suốt tháng 9 và tháng 10, nông dân các huyện không ngớt nổi lên vũ trang đánh phá huyện lỵ, đồn điền, trại kiểm lâm, nhà ga, nhà giam, v.v... Bộ máy chính quyền của đế quốc và phong kiến ở nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh dần dần tan rã. Quan lại chạy trốn, hào lý đầu hàng cách mạng.

*«Kia Bến Thủy đứng đầu dậy trước,
Nọ Thanh Chương tiếp bước bước lên,
Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên,
Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi
Không có lẽ ta ngồi chịu chết,
Phải cùng nhau cương quyết một phen.
Tông này xã nọ kết liên
Ta hò ta hét, thét lên thử nào».*

Để thay thế chính quyền do họ vừa bị sụp đổ, nhiều nơi lần lượt tổ chức những ủy ban gọi là Xô viết. Các Xô viết hoặc do nhân dân cử, hoặc do chỉ huy Đảng hay nông hội địa phương đảm nhiệm đều gồm những bần nông, cố nông và một số ít trung nông.

Dưới chính quyền mới, nhân dân bắt đầu sống một cuộc đời hoàn toàn khác trước: bãi bỏ sưu thuế, đình chỉ nợ nần, ruộng đất công đem chia cho dân cày nghèo. Việc sản xuất được đẩy mạnh để chống nạn đói đang đe dọa. Địa tô tuy chưa quy định, nhưng chủ ruộng đứng trước sức mạnh của phong trào phải để nông dân tùy ý định đoạt. Các tổ chức quần chúng, nhất là nông hội, phát triển mạnh. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị cho quần chúng được chú ý đặc biệt; những tục lệ phiến phũ tàn kém như ma chay, cưới xin, đình đám, và những tệ nạn như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp của xã hội cũ đều bị trừ bỏ và bắt dần. Mỗi làng đều lập những đội tự vệ vũ trang bằng bất cứ vũ khí nào để bảo vệ chính quyền, cán bộ và nhân dân. Tuy chỉ tồn tại được 9 tháng, chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh với những thành tích trên đã tỏ rõ đó là một chính quyền cách mạng thực sự của dân và vì dân mà phục vụ.



Tranh Xô viết Nghệ — Tĩnh

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, khắp nơi sôi nổi hưởng ứng phong trào Nghệ — Tĩnh.

Tại Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, nhiều cuộc biểu tình của nông dân và bãi công của công nhân đã nổ ra liên tiếp. Cho đến giữa năm 1931 các cuộc đấu tranh đó vẫn không ngớt diễn ra ở các nơi.

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cao trào cách mạng 1930 — 1931.

Cao trào cách mạng 1930—1931, đặc biệt là phong trào Xô viết Nghệ — Tĩnh có một ý nghĩa lịch sử rất quan trọng. Nó đã khẳng định trong thực tiễn vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với cách mạng nước ta. Đảng ta vừa thành lập đã tỏ ra có đủ khả năng phát động một cao trào cách mạng rộng lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nhân và nông dân đã biểu dương lực lượng cách mạng hùng hậu của mình, có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc phong kiến và xây dựng một cuộc sống mới. Có thể nói Xô viết Nghệ — Tĩnh là một cuộc tổng diễn tập đầu tiên của cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám sau này.

Cao trào cách mạng 1930 — 1931, đặc biệt là phong trào Xô viết Nghệ — Tĩnh, đã cho chúng ta những bài học kinh nghiệm quý báu.

Muốn đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân thì đảng của giai cấp công nhân:

— Phải phát động cho được lực lượng nông dân là một lực lượng chủ yếu của cách mạng, bằng những khẩu hiệu đấu tranh thiết thực; xây dựng cho được khối liên minh công nông vững chắc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

— Phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng để lật đổ chính quyền của đế quốc phong kiến, xây dựng chính quyền cách mạng của quần chúng do Đảng lãnh đạo.

CÂU HỎI

1. Cao trào 1930—1931 đã bùng nổ trong hoàn cảnh nào? Và mở đầu bằng những cuộc đấu tranh nào?
2. Cao trào 1930—1931 đã phát triển như thế nào?
3. Tại sao lại nói Xô viết Nghệ—Tĩnh là đỉnh cao nhất của phong trào?
4. Những hoạt động và thành tích của Xô viết Nghệ—Tĩnh?
5. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cao trào cách mạng 1930—1931.

BÀI 3

CAO TRÀO DÂN CHỦ (1936 — 1939)

1. Ảnh hưởng của tình hình thế giới trong những năm 1935 — 1936 đến cách mạng Việt Nam.

Cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài từ năm 1929 đến năm 1933 đã đẩy hệ thống tư bản chủ nghĩa vào chỗ bế tắc. Để cứu vãn tình hình nguy ngập đó, các đế quốc Đức, Ý, Nhật, lần lượt đi vào con đường phát-xít. Bên trong, chúng đàn áp phong trào nhân dân, bên ngoài chúng âm mưu gây chiến tranh mới hòng chia lại thị trường thế giới. Trước nguy cơ đó, tháng 7-1935, Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ bảy chủ trương thành lập ở các nước những Mặt trận nhân dân nhằm đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh chống phát-xít bảo vệ dân chủ và hòa bình.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp, mà Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và lên nắm chính quyền. Sự kiện đó có ảnh hưởng đến cách mạng nước ta. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp ban bố những chính sách tự do dân chủ, áp dụng cho cả các thuộc địa. Vì thế bọn thực dân ở nước ta, trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, cũng phải nới tay hơn trước: công nhận một số

quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thi hành «ân xá» tù chính trị, thả một số chiến sĩ cách mạng bị giam giữ từ trước.

2. Mặt trận dân chủ Đông Dương ra đời thúc đẩy phong trào đấu tranh ngày càng phát triển.

Vào mùa hè năm 1936, Hội nghị Trung ương Đảng họp, đề ra việc thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương. Mặt trận này nhằm chống bọn phản động thuộc địa và bọn Việt gian tay sai, chống phát-xít và chống chiến tranh. Trong nước Mặt trận phải đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, ngoài nước phải liên kết chặt chẽ với phong trào chống phát-xít, chống chiến tranh trên toàn thế giới, đặc biệt với phong trào Mặt trận nhân dân Pháp. Hội nghị quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu «đánh đổ đế quốc Pháp» và «tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày». Mục tiêu trước mắt bấy giờ là duy trì hòa bình, đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân và phòng thủ Đông Dương chống phát-xít Nhật đang lấn le vào xâm lược.

Lợi dụng triệt để hoàn cảnh mới có nhiều thuận lợi, giữa năm 1926, Đảng phát động ở Nam Kỳ một phong trào đấu tranh công khai gọi là «Đông Dương đại hội» nhằm thu thập những nguyện vọng đòi quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, đề trình bày cho một phái đoàn điều tra Pháp sắp sang. Hàng trăm Ủy ban hành động được thành lập ở khắp các tỉnh để lãnh đạo phong trào. Phong trào nhanh chóng lan ra ở Trung, Bắc Kỳ. Nhưng bọn phản động thuộc địa đã tìm mọi cách phá hoại. Đông Dương đại hội vì vậy về sau không họp được.

Hình thức đấu tranh bằng nghị trường cũng mang lại một số kết quả. Trong cuộc vận động tranh cử năm 1937, hai đảng viên cộng sản và một số đại biểu nhân dân lao động đã được bầu vào các Hội đồng dân biểu ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Tại nghị trường, họ đã lớn tiếng tố cáo trước dư luận Đông Dương và Pháp chính sách đàn áp bóc lột tàn nhẫn của thực dân. Phong trào báo chí hoạt động khá sôi nổi. Nhiều tờ báo của Đảng, của Mặt trận dân chủ Đông Dương, của Đoàn



Cuộc mít-tinh ở Đấu xảo (Hà Nội)

thanh niên dân chủ xuất bản công khai và phát hành rộng rãi. Hội truyền bá quốc ngữ cũng hoạt động mạnh nhằm nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân. Những tổ chức nửa công khai dưới hình thức Hội ái hữu, Hội tương tế được thành lập có tác dụng giáo dục chính trị cho quần chúng.

Nhưng quan trọng hơn là phong trào đã đi sâu vào quần chúng. Nông dân khắp nơi liên tiếp biểu tình đòi bỏ thuế thân, giảm các thứ thuế khác, chia công điền, chống đi xâu, v.v... Đặc biệt sâu rộng và có tổ chức nhất là phong trào công nhân. Nhiều cuộc bãi công đã xảy ra, lớn nhất là ở nhà máy dệt Nam Định, mỏ than Hồng Gai, nhà máy xe lửa Trường Thi, các xí nghiệp lớn ở Hà Nội, Sài Gòn. Thực dân buộc phải thỏa mãn một phần nào những yêu sách của công nhân như cấm dùng công nhân trẻ con dưới 10 tuổi, không được bắt công nhân phụ nữ làm việc ban đêm, bớt giờ làm, tăng tiền lương, cấm phạt tiền v.v... Ở Hà Nội, năm 1938 hai vạn rưỡi người thuộc 25 đoàn thể quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã tổ chức một cuộc mít-tinh lớn tại quảng trường nhà Đấu xảo để kỉ niệm ngày 1-5, đòi «Cơm áo, Hòa bình, Tự do».

Tóm lại, cao trào dân chủ là một thời kì đấu tranh của quần chúng trong một hoàn cảnh đặc biệt, kết hợp các mặt công khai, nửa công khai và bí mật đã đem lại những kinh nghiệm rất phong phú. Cao trào dân chủ 1936 — 1939 là cuộc tổng diễn tập thứ hai của cách mạng Việt Nam, chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám sau này.

3. Cách mạng Việt Nam lại chuyển sang một giai đoạn mới.

Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp không đứng vững được lâu. Vào cuối năm 1937, một chính phủ phản động đã lên cầm quyền ở Pháp.

Tại Đông Dương, bọn phản động thuộc địa được thế, quay trở lại đàn áp cách mạng. Chúng thủ tiêu dần một số quyền lợi mà nhân dân lao động nước ta vừa giành được, chúng ra lệnh truy tố các chiến sĩ cách mạng. Nhưng Đảng đã kịp thời rút vào bí mật, bảo toàn các cán bộ của Đảng và tiếp tục lãnh đạo phong trào chuyển sang một giai đoạn mới.

CÂU HỎI

1. Tình hình thế giới trong những năm 1935 — 1936 đã có những biến chuyển quan trọng nào ảnh hưởng đến nước ta? Ảnh hưởng như thế nào?
2. Mặt trận dân chủ Đông Dương đã ra đời như thế nào? Chủ trương của nó ra sao?
3. Lấy sự việc cụ thể để chứng minh rằng cao trào dân chủ là thời kì đấu tranh, đủ các mặt công khai, nửa công khai, bí mật.

BÀI 4

CAO TRÀO CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1939 — 1945)

I — NHỮNG CUỘC KHỞI NGHĨA VŨ TRANG BẢO HIỆU MỘT GIAI ĐOẠN MỚI

1. Chiến tranh thế giới bùng nổ. Chủ trương của Đảng.

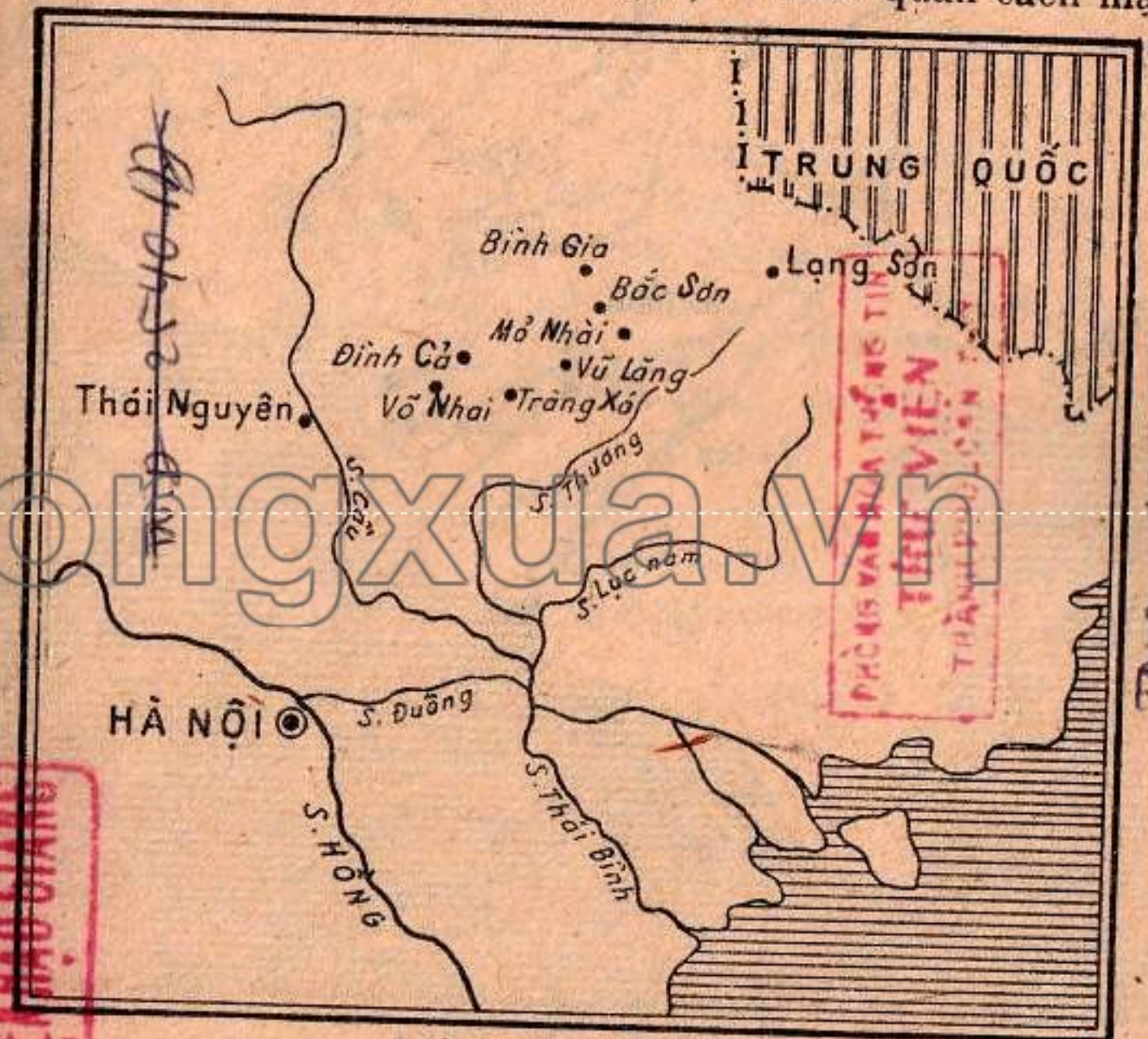
Tháng 9 năm 1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, bắt đầu ở châu Âu và ngày càng lan rộng ra khắp nơi. Ở Viễn Đông, bọn quân phiệt Nhật cũng mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc và trực tiếp uy hiếp Đông Dương. Trong lúc đó, thực dân Pháp đang lo phòng thủ Đông Dương chống nguy cơ xâm lược của Nhật thì lại thẳng tay đàn áp cách mạng và ra sức bắt lính, vơ vét của cải đổ vào chiến tranh ở châu Âu.

Tháng 11-1939, Trung ương Đảng họp nhận định tình hình, nhấn mạnh vấn đề giải phóng dân tộc, đề ra chủ trương thành lập *Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương* để đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân và các dân tộc Đông Dương chống phát-xít, chống chiến tranh đế quốc.

Đến tháng 6-1940, quân Pháp bị đánh bại, chính phủ Pháp đầu hàng phát-xít Đức. Ở Đông Dương, thực dân Pháp cũng đầu hàng Nhật. Hoàn cảnh ấy đã tạo điều kiện mới để Đảng đẩy mạnh phong trào đấu tranh.

2. Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương anh dũng khởi nghĩa.

Vào cuối tháng 9-1940, trước khi được Pháp thỏa thuận, quân Nhật đã kéo vào Lạng Sơn. Chính quyền Pháp tan rã, quân lính bỏ chạy tán loạn qua vùng Bắc Sơn. Ngày 27-9-1940, nhân dân Bắc Sơn do Đảng bộ Cộng sản địa phương lãnh đạo, nổi dậy tước vũ khí của số lính Pháp chạy qua đây và vũ trang khởi nghĩa. Quân chúng kéo đến đánh Mỏ Nhài, Bình Gia, giải tán chính quyền địch, tổ chức quân cách mạng,

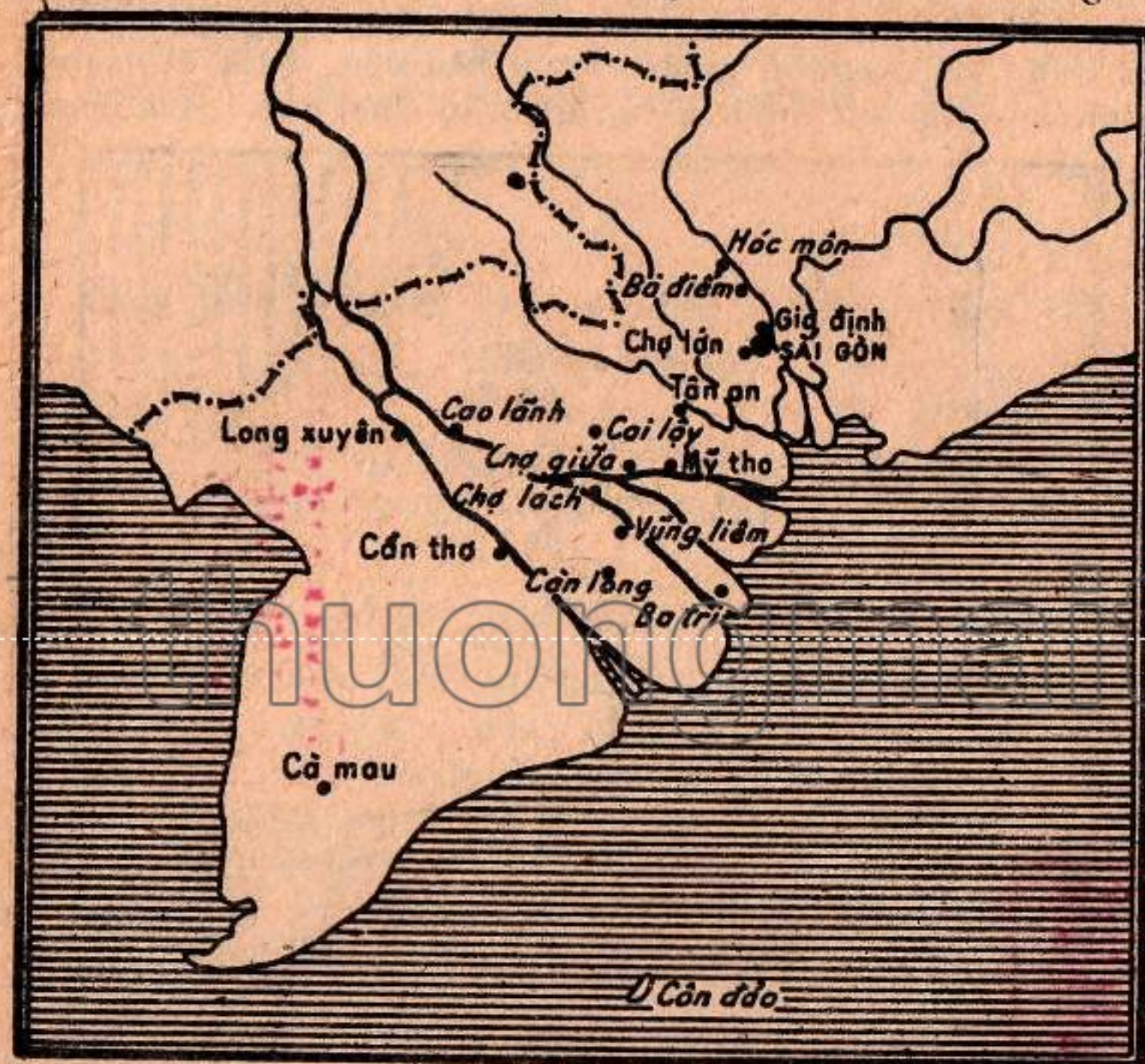


Khởi nghĩa Bắc Sơn

bảo vệ trật tự, an ninh trong vùng. Sau đó, quân khởi nghĩa đánh chiếm Vũ Lăng. Giặc Pháp vội vã đầu hàng Nhật, và trở lại tấn công cách mạng. Dần dần chúng lập lại được chính quyền ở các nơi, rồi đánh úp Vũ Lăng. Giặc Pháp khủng bố cực kì dã man. Riêng ở thị xã Lạng Sơn, chúng đã bắn hàng trăm người kể cả đàn bà và trẻ em rồi vùi xác xuống hồ. Nhưng nhân dân Bắc Sơn đâu có chịu khuất phục. Một số

quân cách mạng đã kịp thời rút vào rừng, tiếp tục đánh du kích lâu dài với giặc.

Trong khi khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ thì phong trào ở Nam Kỳ cũng phát triển rất mạnh. Lúc này, thực dân Pháp đang ráo riết bắt lính và tập trung anh em binh lính người



Nam Kỳ khởi nghĩa

Việt định đưa họ đi đánh nhau với bọn quân phiệt Thái Lan, làm bia đỡ đạn thay cho chúng. Sẵn lòng oán ghét thực dân, lại được Đảng bộ Cộng sản Nam Kỳ lãnh đạo, anh em binh lính người Việt bèn nổi dậy đấu tranh, được đồng bào hưởng ứng. Mặc dù kế hoạch bị lộ, cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra sáng 23-11-1940 ở nhiều tỉnh và nhiều vùng thuộc Mỹ Tho, Gia Định. Quân khởi nghĩa đã giành được chính quyền ở một số

xã, huyện. Trong cuộc khởi nghĩa này, lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên đã xuất hiện.

Giặc Pháp đàn áp cực kì man rợ. Nhiều làng mạc bị chúng dội bom và bắn nát, có thôn xóm không còn ai sống sót. Nhà tù, trại giam không chứa hết số người bị bắt, chúng đã dùng dây thép xâu tay nhiều người vào nhau rồi đem phơi nắng cho chết khô, hay chất lên sà lan đưa đi nhận chìm ngoài biển. Đảng bị tổn thất nặng, nhưng một số cán bộ và quần chúng cách mạng cũng đã kịp thời rút vào rừng và tổ chức lại để chờ cơ hội nổi dậy.

Phong trào chống Pháp hồi này cũng lan đến anh em binh lính ở Trung Kỳ. Ngày 13-1-1941, Nguyễn Văn Cung (tức Đội Cung) lãnh đạo một số binh lính nổi dậy ở đồn Chợ Rạng rồi tiến đánh Đò Lương (Nghệ Tĩnh). Nghĩa quân đã cướp súng và xe của địch rồi kéo về Vinh hô hào binh lính ở đây khởi nghĩa. Công việc không thành. Đội Cung và một số đồng đội bị bắt và bị xử tử.

Cuộc khởi nghĩa Đò Lương là một cuộc khởi nghĩa tự phát, nhưng nhân dân vẫn hoan nghênh và cảm phục tinh thần yêu nước của Đội Cung cùng những người cộng tác với ông.

3. Những bài học của ba cuộc khởi nghĩa.

Ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đò Lương đã đánh dấu một bước tiến mới của cách mạng Việt Nam và đã cho những bài học quý giá về khởi nghĩa vũ trang. Riêng cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã cho những kinh nghiệm quý báu về chiến tranh du kích. Những lực lượng du kích Bắc Sơn được Đảng duy trì và bồi dưỡng, về sau lớn lên đã trở thành lực lượng vũ trang đầu tiên đánh Pháp, đuổi Nhật trong thời kì chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

CÂU HỎI

1. Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương đã được thành lập trong hoàn cảnh lịch sử nào? và nhằm mục đích gì?
2. Kể lại cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn? Vì sao nó thất bại?

3. Nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ? Nêu lên sự tàn ác của Pháp trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó?
4. Vì sao cuộc khởi nghĩa Đô Lương đã thất bại nhanh chóng?
5. Rút ra những bài học từ ba cuộc khởi nghĩa trên.

II — NHÂN DÂN ĐÔNG DƯƠNG DƯỚI HAI TẦNG ÁP BỨC BỐC LỘT CỦA PHÁP — NHẬT

1. Pháp đầu hàng Nhật và câu kết với Nhật đàn áp bóc lột nhân dân ta.

Sau khi Pháp đầu hàng Nhật ở Lạng Sơn (9-1940), thấy Pháp đã suy yếu rõ rệt, Nhật tiếp tục lấn bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

Trong những tháng cuối năm 1941, toàn quyền Đơ-cu đã kí với Nhật «Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương» thừa nhận cho Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương, chính phủ Pháp lại kí với Nhật một hiệp ước thừa nhận cho chúng quyền sử dụng tất cả các sân bay và hải cảng ở Đông Dương vào mục đích quân sự, rồi toàn quyền Đơ-cu lại kí thêm một hiệp ước nữa, cam kết hợp tác với Nhật về mọi phương diện.

Từ đây, cả hai bọn giặc Nhật và Pháp câu kết chặt chẽ với nhau trong việc áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương.

Bọn Nhật đã bắt Pháp vơ vét mọi nguồn lợi của Đông Dương dâng cho chúng để chúng đeo đuổi chiến tranh. Nền kinh tế Đông Dương dần dần lệ thuộc hoàn toàn vào nền kinh tế của Nhật. Hàng Nhật bắt đầu tràn vào thị trường Đông Dương. Những thứ cần thiết cho đời sống của nhân dân ta như gạo, ngô... đều bị Nhật vơ vét. Chúng còn bắt nông dân phá hàng vạn hec-ta lúa và hoa màu để trồng đay, thầu dầu, gai nhằm lấy nguyên liệu công nghiệp phục vụ chiến tranh.

Bọn Pháp mặc dầu bị Nhật ức hiếp vẫn tiến hành việc buôn bán chợ đen gần như công khai, thu những món lãi rất lớn trên xương máu đồng bào ta.

2. Đời sống của các tầng lớp nhân dân dưới ách Pháp — Nhật.

Dưới hai tầng áp bức bóc lột nặng nề của Pháp — Nhật, các tầng lớp nhân dân nói chung, nông dân và công nhân nói riêng phải sống cuộc đời cơ cực.

Nông dân làm ra thóc gạo mà không đủ cơm ăn, dệt ra vải vóc mà không có áo mặc, dựng lên nhà cửa mà phải sống trong những túp lều lụp xụp, tối tăm. Đầu năm 1945 hơn hai triệu nông dân bị chết đói vì chính sách vơ vét lương thực của bọn Nhật — Pháp.

Công nhân hưởng đồng lương chết đói, nhưng luôn luôn bị nạn thất nghiệp đe dọa. Bọn chủ còn tìm cách hạ tiền lương, tăng giờ làm, đồng thời đối xử tàn tệ với anh em như đánh đập, «cúp phạt», mỗi khi chúng không vừa ý.

Đời sống của các tầng lớp tiểu tư sản, đặc biệt là công chức, cũng rất bấp bênh. Ngay cả giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ nói chung cũng đều sa sút, phá sản dần.

Nói tóm lại, trừ bọn đại địa chủ, tư sản mại bản, bọn quan lại cường hào tham nhũng và bọn dân cơ tích trữ, còn mọi tầng lớp nhân dân đều rên xiết dưới hai tầng áp bức bóc lột tàn tệ của lũ giặc Nhật, Pháp.

3. Những thủ đoạn chính trị lừa bịp của Nhật — Pháp.

Song song với việc bóc lột kinh tế và đàn áp cách mạng, Pháp — Nhật còn thi nhau giở những trò bịp bợm về chính trị và đầu độc về văn hóa. Với những khẩu hiệu xảo trá như «Cách mạng quốc gia», «Pháp Việt phục hưng», «Cần lao, gia đình, tổ quốc», giặc Pháp đã cố xoa dịu mối căm thù của nhân dân ta đối với chúng. Chúng còn khuấy lên một phong trào thể thao, thể dục nhằm ru ngủ thanh niên, lôi kéo thanh niên xa rời con đường cứu nước.

Bọn Nhật cũng tung ra những luận điệu lừa bịp như «Khu vực thịnh vượng chung», «Đại đồng Á», cho xuất bản rất nhiều sách học tiếng Nhật, mở trường dạy tiếng Nhật, mở phòng triển lãm, chiếu phim Nhật, để tuyên truyền gây ảnh

hưởng thân Nhật trong nhân dân. Chúng lập ra những đảng phái làm tay sai cho chúng như Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc xã, Việt Nam ái quốc, Phục quốc,... Chúng lợi dụng cả các tôn giáo có xu hướng chống Pháp như Cao Đài, Hòa Hảo ở Nam Kỳ, để lôi kéo những người của các tôn giáo đó theo chúng, ủng hộ chúng. Nhưng tuyệt đại đa số nhân dân ta không hề mắc những mưu mô xấu xa đó và chỉ chờ cơ hội vùng dậy, lật đổ chúng.

CÂU HỎI

1. Nêu những thủ đoạn cướp bóc, vơ vét về kinh tế của Nhật và Pháp.
2. Dưới hai tầng áp bức của Nhật — Pháp đời sống nhân dân ta đã khổ cực như thế nào?
3. Nêu rõ những thủ đoạn bịp bợm của Pháp — Nhật về chính trị và văn hóa.

III — MẶT TRẬN VIỆT MINH ĐƯỢC THÀNH LẬP

1. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 và Mặt trận Việt minh.

Trước tình hình thế giới và trong nước mỗi ngày một khàn trương, tháng 2-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 họp vào tháng 5 năm 1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương.

Để tập hợp lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân chống kẻ thù chính trước mắt của nhân dân là đế quốc phát-xít Pháp — Nhật, Hội nghị chủ trương thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt minh) bao gồm các tổ chức cứu quốc như Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc v.v... Đồng thời đề phân hóa hàng ngũ của giai cấp địa chủ hơn nữa, Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu « tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày » và chỉ đề ra khẩu hiệu : tịch thu ruộng

đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện « người cày có ruộng ».

Hội nghị còn quyết định thành lập, phát triển và tăng cường lãnh đạo các tổ chức vũ trang và nửa vũ trang, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên đồng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước.

Tại Hội nghị, Mặt trận Việt minh chính thức được thành lập (19-5-1941) và chỉ sau một thời gian ngắn Mặt trận đã gây được uy tín và ảnh hưởng ngày càng lớn trong nhân dân.

2. Xây dựng lực lượng cách mạng.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8, Cao Bằng được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt minh. Đến năm 1942, khắp 9 châu của Cao Bằng đều có hội Cứu quốc, trong đó có 3 châu « hoàn toàn », nghĩa là mọi người đều gia nhập tổ chức Việt minh, xã nào cũng có Ủy ban Việt minh. Rồi Ủy ban Việt minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt minh lâm thời liên tỉnh Cao — Bắc — Lạng được thành lập.

Song song với việc xây dựng lực lượng chính trị, Đảng và Mặt trận coi trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang. Từ cuối năm 1940, sau khi khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, theo chủ trương của Đảng, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành các đội du kích hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn — Vũ Nhai, sau thống nhất lại thành đội Cứu quốc quân. Để đối phó với sự vây quét của địch, Cứu quốc quân đã phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (7-1941 đến 2-1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng và tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền, gây cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn.

Mặt khác, Đảng vẫn tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu nước. Năm 1943 Đảng đưa ra bản

Đề cương văn hóa Việt Nam; vận động thành lập *Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam*, *Đảng dân chủ Việt Nam* đứng trong Mặt trận Việt minh. Đảng cũng chủ trương tăng cường công tác vận động binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp và tranh thủ cả những người ngoại kiều ở Đông Dương chống phát-xít.

Báo chí của Đảng và của Mặt trận Việt minh phát triển rất phong phú, đã đóng góp một phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, đấu tranh chống mọi thủ đoạn chính trị, văn hóa của địch, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

3. Tiến lên vũ trang đấu tranh.

Từ giữa năm 1944 tình hình cuộc chiến tranh thế giới đang biến chuyển có lợi cho cách mạng.

Ngày 7-5-1944, Tổng bộ Việt minh ra «Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa» đề đẩy mạnh phong trào tiến lên một bước nữa. Không khí cách mạng sôi sục ở Vũ Nhai (Thái Nguyên), một cuộc khởi nghĩa đã nổ ra quá sớm (11-1944) sau đó, đã chuyển thành chiến tranh du kích.

Ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn cũng trong thời gian tròn một cuộc khởi nghĩa sắp được phát động thì lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về ra chỉ thị hoãn lại vì chưa đúng thời cơ. Sau đó cũng theo chỉ thị của Người ngày 22-12-1944, đội «*Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*» được thành lập, nhằm phát động một phong trào đấu tranh kết hợp cả chính trị và quân sự, thúc đẩy quá trình cách mạng tiến lên mạnh mẽ hơn nữa. Thành lập được hai hôm thì đội quân đó đã lần lượt hạ các đồn Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng).

Tin thắng lợi của đội quân giải phóng truyền đi khắp nơi. Nhân dân Cao — Bắc — Lạng càng nức lòng phấn khởi và hăng hái tham gia cách mạng. Các đội vũ trang tuyên truyền và tự vệ chiến đấu cũng phát triển mạnh. Bọn địch ở các đồn hoang mang lo sợ. Một số Việt gian ra thù hoặc xin trả của cải đã cướp cho nhân dân.

Đồng thời ở Thái Nguyên, đội Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích, hạ các đồn và tràn về vùng Vĩnh Yên,

Phủ Thọ. Chính quyền nhân dân được thành lập suốt một vùng từ bờ sông Lô đến quốc lộ số 3, phía nam đến tỉnh lỵ Thái Nguyên và Vĩnh Yên. Từ đó, lực lượng vũ trang lớn dần lên trong chiến đấu để làm chỗ dựa cho cách mạng.



Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (22-12-1944)

CÂU HỎI

1. Căn cứ trên tình hình như thế nào mà lúc này Đảng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và chủ trương thành lập Mặt trận Việt minh?
2. Mặt trận Việt minh đã đoàn kết và tổ chức toàn dân đấu tranh như thế nào?
3. Từ năm 1941 đến năm 1945 lực lượng chính trị và vũ trang của cách mạng đã được xây dựng và phát triển như thế nào?

IV — NHẬT ĐẢO CHÍNH PHÁP, KHỞI NGHĨA TỪNG PHẦN TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA (3-1945 — 8-1945)

1. Nhật hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương.

Hai tên giặc Nhật và Pháp nhất trí với nhau trong việc bóc lột nhân dân và đàn áp cách mạng ta. Nhưng giống như hai con thú tranh nhau một miếng mồi ngon, bọn chúng không tránh khỏi húc hặc, xâu xé nhau. Nhất là từ cuối năm 1944 khi phe phát-xít bị bại trận liên tiếp, nước Pháp đã được giải phóng, thì mâu thuẫn Nhật — Pháp càng trở nên gay gắt. Thực dân Pháp ở Đông Dương ngóc đầu dậy, chuẩn bị lật đổ Nhật, làm tay trong cho quân Đồng minh đang sửa soạn đánh vào Đông Dương. Nhưng vị trí Đông Dương lại rất quan trọng, là chiếc cầu nối liền đất Nhật với các miền Nhật chiếm đóng ở In-đô-nê-xi-a, Mã Lai... nên song song chúng cũng phải cố giữ lấy. Vì những lẽ đó, Nhật lo lật đổ Pháp trước. Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đánh úp, Pháp đã đầu hàng nhanh chóng trên khắp Đông Dương.

Chính quyền thực dân Pháp bị thủ tiêu. Giặc Nhật đưa ra cái bánh vẽ «Việt Nam độc lập», rồi đưa tay sai Trần Trọng Kim lên lập chính phủ bù nhìn, dưới quyền chỉ huy của viên «cố vấn tối cao» người Nhật.

Chiếm xong Đông Dương, Nhật càng ra sức đàn áp bóc lột nhân dân ta. Nạn đói khủng khiếp xảy ra ở miền Bắc từ cuối năm 1944 do chính sách bóc lột của Nhật — Pháp, đến nay càng trầm trọng hơn.

2. Cao trào chống Nhật cứu nước.

Ngay sau ngày Nhật đảo chính Pháp, kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân ta là phát-xít Nhật. Mặt trận Việt minh, do Đảng lãnh đạo, liền phát động một cao trào chống Nhật cứu nước, khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Mặt trận Việt minh nêu khẩu hiệu «Đánh đuổi phát-xít Nhật». Nhiều hình thức đấu tranh quyết liệt được tiến hành. Những cuộc biểu tình tuần hành, mít tinh công khai, bãi

công, bãi thị, bãi khóa diễn ra rầm rộ. Những hoạt động vũ trang và nửa vũ trang phát triển mạnh. Nhiều kho thóc của giặc bị đánh chiếm, đem chia cho dân nghèo. Du kích phá đường giao thông, đánh đồn lẻ, cướp khí giới của giặc, tiêu trừ Việt gian ở nhiều nơi. Tại Việt Bắc, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân không ngừng hoạt động, vừa đánh Nhật và trước khi giới của quân Pháp thua chạy, vừa tuyên truyền cách mạng. Ở Thái Nguyên, đội Cứu quốc quân cũng phát động chiến tranh du kích mạnh mẽ. Tại Trung Kỳ, từ chính trị ở nhà lao Ba Tơ (Quảng Ngãi) nổi dậy, đánh chiếm đồn giặc, lập chính quyền cách mạng và tổ chức đội du kích Ba Tơ. Tại Nam Kỳ, Việt minh hoạt động mạnh ở Mỹ Tho, ở Hậu Giang. Phong trào chống Nhật cứu nước ngày một lên cao, các hội Cứu quốc phát triển rất nhanh. Anh em tù chính trị ở một số nhà lao, trại giam cũng phá ngục ra ngoài hoạt động.

3. Gấp rút chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

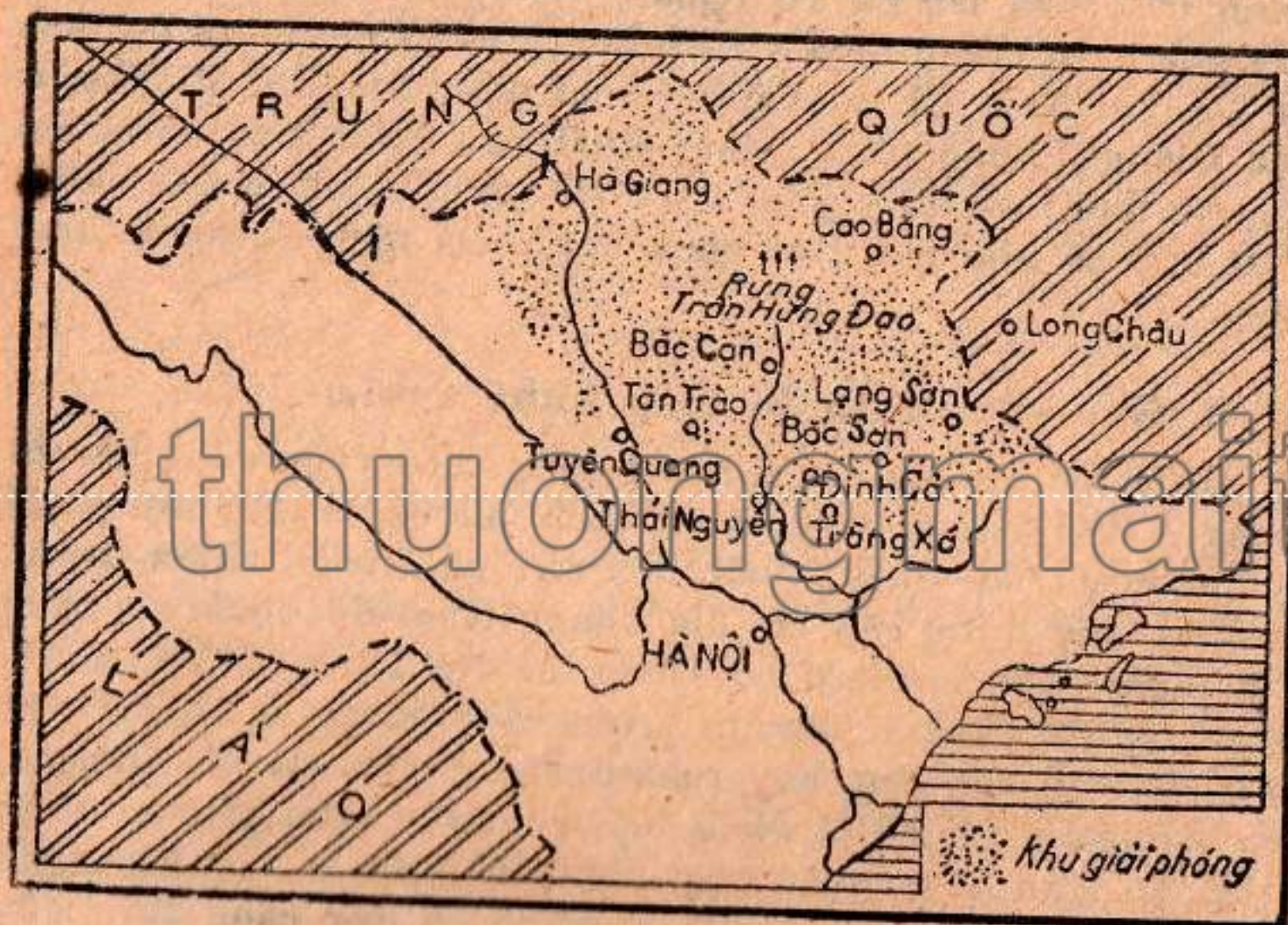
Giữa lúc cao trào cách mạng đang cuộn cuộn dâng lên thì tháng 4-1945 Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp và đề ra nhiệm vụ cấp thiết: phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật để chuẩn bị tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ. Cùng lúc đó, Tổng bộ Việt minh lại ra chỉ thị tổ chức chính quyền cách mạng ở những nơi quân du kích làm chủ, hay quân địch suy yếu, tan rã. Tiếp đó, đến tháng 5-1945, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân cùng với Cứu quốc quân hợp nhất, lấy tên là Việt Nam giải phóng quân. Cuộc đấu tranh vũ trang do đây càng được đẩy mạnh thêm.

Đến đầu tháng 6, chính quyền Nhật và tay sai đã bị lật đổ ở một vùng nông thôn rộng lớn thuộc 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên. Việt minh quyết định lập vùng này thành Khu giải phóng Việt Bắc, thống nhất chính quyền cách mạng và chấn chỉnh quân sự toàn khu, củng cố nó thành một căn cứ địa chống Nhật vững chắc.

Trong khu giải phóng, hơn một triệu đồng bào đã được sống dưới một chế độ hoàn toàn mới. Tài sản của nhân dân

được đảm bảo. Cửa cái của Pháp — Nhật và tay sai bị tịch thu đem làm của chung hay chia cho dân nghèo. Thuế má và phu phen bãi bỏ, địa tô giảm nhẹ. Những quyền tự do dân chủ, quyền nam nữ bình đẳng được ban bố. Các lớp học chữ quốc ngữ được mở ra. Đồng bào chăm lo sản xuất và tiếp tế cho bộ đội. Thanh niên hăng hái vào Việt Nam giải phóng quân. Một nước Việt Nam mới, thật sự độc lập, tự do, đang nảy nở.

Ngoài khu giải phóng, phong trào các nơi cũng lên cao. Không khí chuẩn bị tổng khởi nghĩa tràn ngập trong cả nước.



Khu giải phóng Việt Bắc

CÂU HỎI

1. Vì sao Nhật đảo chính Pháp? Cuộc đảo chính ấy có ảnh hưởng gì đến phong trào cách mạng của ta?
2. Trình bày những nét lớn về cao trào chống Nhật cứu nước sau ngày Nhật đảo chính?
3. Ý nghĩa của việc thành lập Khu giải phóng Việt Bắc?
4. Qua những sự việc diễn ra từ ngày Nhật đảo chính, nhận xét vai trò lãnh đạo của Đảng và của Việt minh trong giai đoạn này?

V— CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 THÀNH CÔNG. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI.

1. Giờ tổng khởi nghĩa đã đến.

Sau ngày 9-3-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương luôn luôn chỉ cho nhân dân cả nước thấy rằng Nhật đảo chính là một dấu hiệu suy yếu của chúng, các khẩu hiệu «giải phóng», «độc lập» của chúng chỉ là những cái bánh vẽ, Đảng và Mặt trận Việt minh hô hào nhân dân chuẩn bị sẵn sàng chờ thời cơ đến là nổi dậy giành độc lập thật sự.

Bị Hồng quân Liên Xô tấn công như bão táp, tháng 5-1945 phát-xít Đức ở châu Âu đã bị đánh bại hoàn toàn, rồi ngày 15-8-1945 đến lượt phát-xít Nhật ở châu Á phải đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Tại Đông Dương, Nhật và bè lũ tay sai vô cùng hoang mang, dao động. Cơ hội ngàn năm có một cho quân và dân ta vùng dậy giành lại quyền độc lập của nước nhà đã tới!

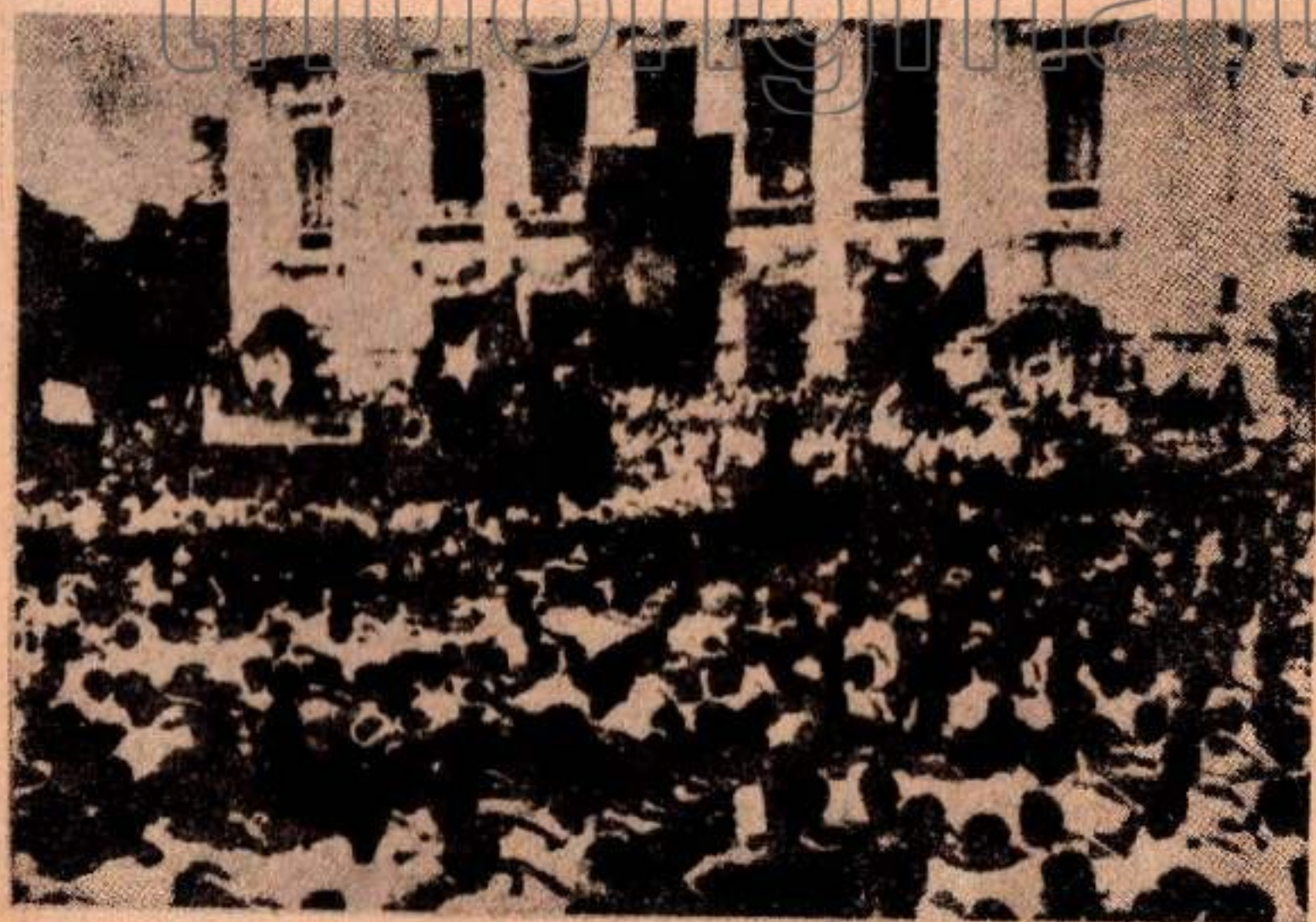
Trước tình hình diễn biến nhanh chóng như thế, ngày 13-8-1945, Đảng họp hội nghị đại biểu toàn quốc. Hội nghị đã quyết định phải nắm lấy thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa dưới các khẩu hiệu: «Đả đảo xâm lược», «Việt Nam hoàn toàn độc lập», «Thành lập chính quyền nhân dân». Một Ủy ban khởi nghĩa được thành lập, và ngay 11 giờ đêm hôm đó, mệnh lệnh tổng khởi nghĩa đã được ban bố. Ngày 14, Tổng bộ Việt minh kêu gọi đồng bào cả nước «đưa xương máu ra đánh đuổi giặc Nhật, đòi lấy tự do hạnh phúc cho nhân dân». Tiếp đó là Quốc dân đại hội do Tổng bộ Việt minh triệu tập họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) ngày 16 tháng 8 có 60 đại biểu Bắc, Trung, Nam, gồm đủ các đoàn thể, các dân tộc, các giới về dự. Đại hội phần khởi thông qua bản nghị quyết lịch sử: *Giành chính quyền toàn quốc và thi hành mười chính sách lớn của Việt minh*, đồng thời bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức chính phủ lâm thời) do lãnh tụ Hồ Chí Minh (tức Nguyễn Ái Quốc) làm chủ tịch.

2. Tổng khởi nghĩa thắng lợi rực rỡ trong cả nước.

Đứng trước tình hình quân Nhật hoang mang cực độ, nhân dân cả nước sôi sục khí thế cách mạng. Sau khi lệnh tổng khởi nghĩa được đưa ra, ở khắp nơi, các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang của quần chúng nhất tề đứng dậy, không có sức gì ngăn nổi.

Ngày 16-8, một đội Việt Nam Giải phóng quân từ Tân Trào kéo về đánh thị xã Thái Nguyên. Tại Hà Nội ngay chiều ngày 17, nhân một cuộc mít-tinh trước Nhà hát lớn, hàng vạn đồng bào đã biểu lộ mối tình cảm sâu sắc với cách mạng. Khi lá cờ đỏ sao vàng hiện ra và đại biểu Việt minh lên nói chuyện thì những tràng pháo tay và những tiếng hoan hô vang dậy như sấm. Sau đó, một đoàn biểu tình khổng lồ, có trật tự, mang cờ Việt minh đi diễu qua các phố. Trong hàng ngũ biểu tình còn có cả anh em binh lính của chính quyền bù nhìn bỗng sùng đi theo. Cuộc tuần hành kéo dài đến 9 giờ tối mới giải tán.

Sáng ngày 18, không khí chuẩn bị khởi nghĩa càng sục sôi khắp trong thành phố. Bọn Việt gian phản động không

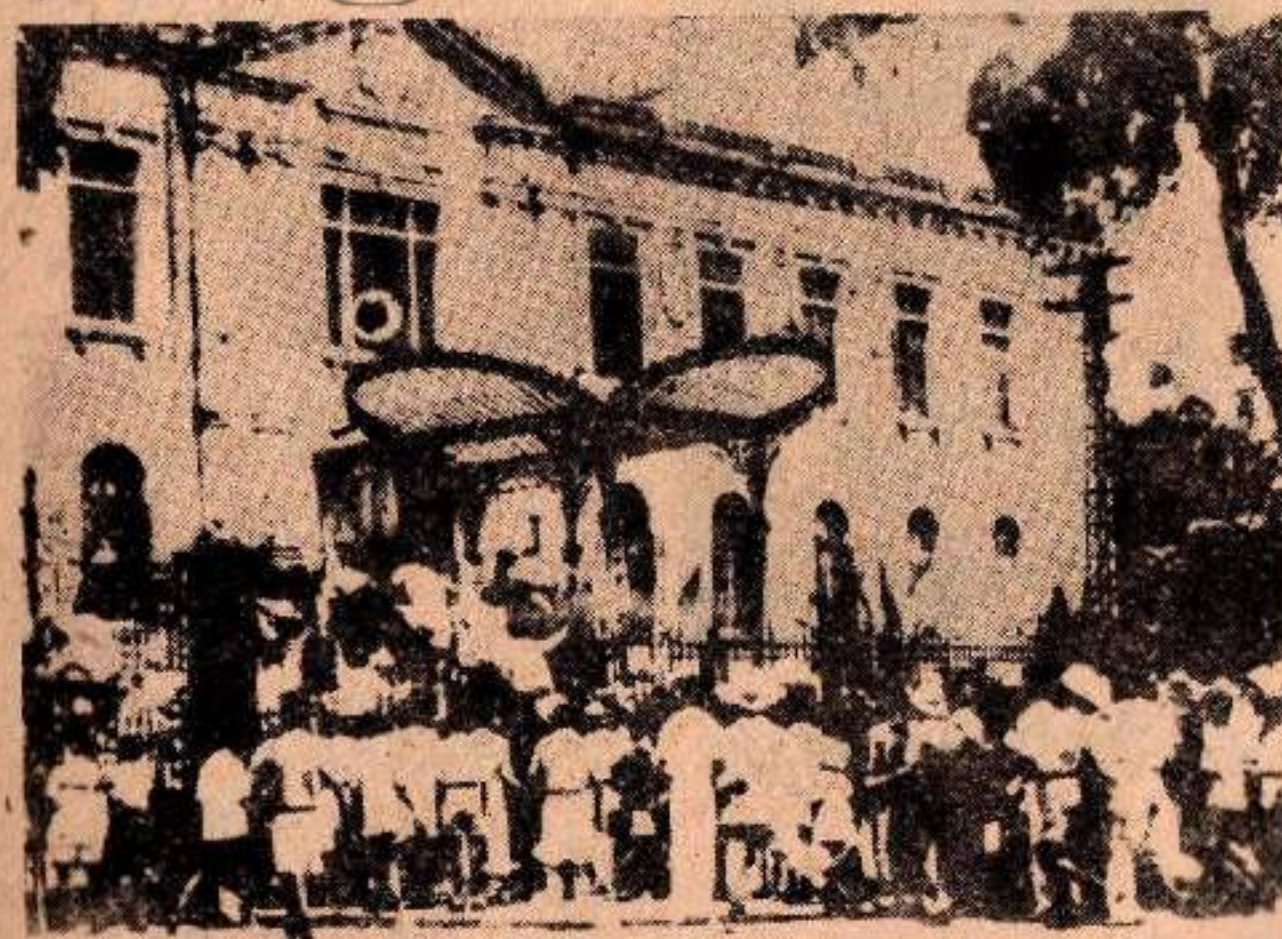


Cuộc mít-tinh tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội 19-8-1945

đám chống đối. Sáng ngày 19-8, theo kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa, 20 vạn nhân dân Hà Nội cùng các đội tự vệ chiến đấu họp mít tinh cũng tại quảng trường Nhà hát lớn giữa một rừng cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ. Cuộc mít-tinh kết thúc bằng một cuộc biểu tình vũ trang tuần hành chia đi các ngã để chiếm các cơ quan trong thành phố. Chính quyền cách mạng đã được thành lập ở thủ đô ngay trong ngày 19-8 lịch sử.

Tin thủ đô được giải phóng lan đi nhanh chóng trong cả nước. Ngày 23, Việt minh lãnh đạo nhân dân nổi dậy ở Huế, buộc nội các bù nhìn Trần Trọng Kim từ chức, vua Bảo Đại xuống ngôi. Ngày 25, chính quyền cách mạng thành lập ở Sài Gòn sau một cuộc biểu tình tuần hành đồ sộ có hơn một triệu người tham gia. Thế là chỉ trong vòng 10 ngày, cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn trong cả nước.

Ngày 2-9-1945, trước nửa triệu đồng bào Hà Nội và các vùng lân cận tập hợp ở vườn hoa Ba Đình lịch sử, Hồ Chủ tịch đã trình trọng công bố trước đồng bào toàn quốc và thế giới bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh cho nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử Tổ quốc. Ngày 2-9-1945 mãi mãi là một trong những ngày vẻ vang nhất của dân tộc.



Đoàn biểu tình chiếm phủ Khâm sai ngày 19-8-1945

3. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám.

Cách mạng tháng Tám có một ý nghĩa lịch sử vĩ đại.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã kết thúc hơn 80 năm thống trị của chủ nghĩa đế quốc và hàng nghìn năm áp bức của vua chúa phong kiến và đã lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đưa nhân dân ta từ địa vị nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà. Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc (Hồ Chí Minh).

Cách mạng tháng Tám thành công đã ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng của hai nước láng giềng Lào và Cam-pu-chia, và có tiếng vang mạnh mẽ ở Đông Nam Á và trên thế giới.



Hồ Chủ tịch đọc bản
Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945

Cách mạng tháng Tám thành công rực rỡ và nhanh chóng là nhờ có hoàn cảnh khách quan thuận lợi sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng chủ yếu là do tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết chiến đấu của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Hồ Chủ tịch. Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, đã đoàn kết rộng rãi nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất, đã xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh và đã lãnh đạo cách mạng một cách khoa học ;

chuẩn bị chu đáo, đón lấy thời cơ, phát động khởi nghĩa đúng lúc, kịp thời, mau lẹ, kết hợp đấu tranh vũ trang với

đấu tranh chính trị, khởi nghĩa nông thôn với khởi nghĩa thành thị, vừa đạt kết quả tốt đẹp vừa tiết kiệm xương máu của nhân dân.

CÂU HỎI

1. Phát-xít Nhật thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo cho cách mạng ta thời cơ thuận lợi như thế nào ? Tại sao nhân dân ta đón được và tận dụng được thời cơ thuận lợi đó ?
2. Cuộc tổng khởi nghĩa đã diễn ra ở Hà Nội và các địa phương như thế nào ?
3. Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa lịch sử lớn lao như thế nào ?
4. Cách mạng tháng Tám thành công do những nguyên nhân gì ? Nguyên nhân nào là chủ yếu ?

CHƯƠNG II

NƯỚC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG ĐẾN CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC PHÁP THẮNG LỢI (9-1945 — 7-1954)

BÀI 5

NƯỚC VIỆT NAM NĂM ĐẦU TIÊN SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I— BƯỚC ĐẦU Củng cố nền ĐỘC LẬP, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN

1. Những khó khăn lớn trước mắt được giải quyết nhANH chóng.

Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám rất gay go và phức tạp. Chế độ cũ đã để lại một di sản mục nát tột

cùng; nạn đói khủng khiếp còn dây dưa trầm trọng ở miền Bắc, tình cảnh nghèo túng, thiếu hụt lan tràn khắp thành thị và thôn quê; nạn đói bao trùm gần 95% dân số; nền tài chính khô cạn. Nhưng khó khăn và nguy hiểm lớn nhất lúc bấy giờ là sự đe dọa của bè lũ đế quốc và tay sai đối với nền độc lập của ta mới giành được.

Ở miền Bắc, hai chục vạn quân của Tưởng Giới Thạch tràn vào. Chúng lợi dụng danh nghĩa đồng minh làm nhiệm vụ tước vũ khí của quân đội Nhật ở Đông Dương, để thực hiện âm mưu thâm độc là tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt minh và giúp bọn phản động trong nước lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ bù nhìn làm tay sai cho chúng.

Ở miền Nam, quân đội Anh kéo đến, cũng mượn tiếng tước vũ khí quân đội Nhật, kì thật là đội mở đường cho thực dân Pháp cướp lại nước ta, giúp thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, chuẩn bị kế hoạch chiếm lại toàn bộ Đông Dương.

Vì vậy ngay sau khi giành được chính quyền, Hồ Chủ tịch đã chỉ thị cho cán bộ và nhân dân phải kịp thời đối phó với giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và noi gương Người, nhân dân cả nước đã «nhường cơm xẻ áo» giúp đỡ đồng bào miền Bắc bị đói. Bên cạnh biện pháp cấp bách và tạm thời đó, Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn dân ra sức tăng gia sản xuất để giải quyết nạn đói một cách lâu dài và căn bản. Chỉ bốn tháng sau ngày Cách mạng thành công, nhân dân ta đã thu hoạch vụ ngô, khoai, sắn đầu tiên thắng lợi. Chúng ta đã hạn chế được giặc đói.

Chính quyền ta cũng hết sức chú ý chống nạn dốt. Một tuần lễ sau ngày độc lập, Chính phủ ra sắc lệnh thành lập cơ quan Bình dân học vụ. Tinh thần ham học sẵn có của nhân dân ta cộng với sự tận tụy của cán bộ và giáo viên đã làm cho phong trào chống nạn mù chữ thu được những kết quả to lớn đầu tiên.

Để giải quyết khó khăn về tài chính. Chính phủ kêu gọi nhân dân đóng góp. «Tuần lễ vàng» tổ chức vào trung tuần

tháng 9-1945 đã thu cho Nhà nước hơn 400 kg vàng. Đến tháng 2-1946, Chính phủ phát hành tờ giấy bạc Việt Nam được nhân dân triệt để tin nhiệm, và từ đó trên cơ sở tiền tệ độc lập, nền tài chính của ta đi dần vào chỗ ổn định.

Một vấn đề quan trọng bậc nhất là phải đoàn kết được toàn dân để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Mặt trận Việt minh mở rộng, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động gia nhập Mặt trận Việt minh và Chính phủ kêu gọi mọi đảng phái, mọi tôn giáo đoàn kết một lòng, tạo thành sức mạnh to lớn, sẵn sàng chống hiểm họa ngoại xâm.

2. Chế độ mới được xây dựng bước đầu.

Song song với những việc trên, Chính phủ còn lo đến những việc lâu dài, nhằm đặt nền móng đầu tiên cho chế độ mới. Những quyền tự do dân chủ cho nhân dân: quyền bầu cử, ứng cử, quyền bình đẳng giữa nam và nữ, giữa các dân tộc, quyền tự do tín ngưỡng, v.v... lần lượt được ban bố. Chính phủ ra lệnh cấm đầu cơ tích trữ gạo, bỏ những thuế bất công, giảm tô cho nông dân, bỏ những giao kèo bất công giữa chủ và thợ, v.v...

Sự kiện quan trọng nhất là cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ngày 6-1-1946. Hơn 90% tổng số cử tri đi bỏ phiếu và đã bầu những người xứng đáng thay mặt mình lo việc nước. Đặc biệt Hồ Chủ tịch ứng cử ở thủ đô đã tập trung gần 98% số phiếu. Thắng lợi của Tổng tuyển cử chứng tỏ nhân dân ta đã có đủ trình độ giác ngộ chính trị để sử dụng quyền làm công dân của một nước thực sự độc lập và tự do. Nó biểu dương ý chí thống nhất của toàn dân đoàn kết chung quanh Hồ Chủ tịch để bảo vệ nền độc lập và dân chủ mới giành được.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên nhất tri bầu Cu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và thông qua danh sách Chính phủ chính thức do Hồ Chủ tịch đứng đầu. Tháng 10, Quốc hội họp kì thứ hai thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

Trong hơn một năm xây dựng chính quyền nhân dân, chúng ta đã đạt được những thành tích to lớn, bước đầu, tỏ rõ sức sống dồi dào của dân tộc và của chế độ mới, bảo đảm cho những thắng lợi trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

CÂU HỎI

1. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, chúng ta đã gặp những khó khăn gì?
2. Chính phủ đã lãnh đạo nhân dân chiến thắng giặc đói và đánh lui giặc dốt như thế nào?
3. Để giải quyết những khó khăn về tài chính, Chính phủ đã có những biện pháp gì?
4. Chính phủ đã làm những gì để đặt nền móng lâu dài cho chế độ mới?
5. Ý nghĩa quan trọng của việc bầu cử Quốc hội ngay sau khi Cách mạng thành công?

II— CUỘC ĐẤU TRANH QUÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

1. Thực dân Pháp trở lại xâm lược miền Nam.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nguy cơ trước mắt và cấp bách nhất đối với nước ta là nạn xâm lăng của thực dân Pháp.

Ngay từ khi chiến tranh thế giới chưa chấm dứt, thực dân Pháp đã tìm mọi cách để quay lại chiếm nước ta một lần nữa. Được bọn đế quốc Anh và Mỹ giúp đỡ, chúng đã tổ chức sẵn trên đất Pháp một đội quân xâm lược, cử tướng tá và sắp đặt các người sang cai trị nước ta như cũ, chỉ chờ có cơ hội là hành động.

Tại Nam Bộ, sau khi quân Anh tới trước vũ khí của Nhật thì bọn thực dân Pháp cũng tăng cường khiêu khích. Ngày 2-9-1945, trong khi nhân dân Sài Gòn, Chợ Lớn nô nức biểu tình mừng «Ngày độc lập» thì chúng đã hèn nhát bắn trộm vào đám

đông. Đến ngày 22-9, bọn Anh ở Sài Gòn ra lệnh thiết quân luật trong thành phố, bọn Pháp được chúng phát cho vũ khí nên dễ dàng đóng giữ các nơi. Sáng ngày 23-9, giặc Pháp dùng vũ lực chiếm các cơ quan của chính quyền cách mạng. Từ hôm đó, bắt đầu cuộc kháng chiến oanh liệt của đồng bào miền Nam chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.

2. Nhân dân miền Nam anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược. Cả nước một lòng ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến.

Thực dân Pháp, dựa vào sự bao che của quân đội Anh, chiếm đóng Sài Gòn, Chợ Lớn, làm cơ sở để đánh rộng ra các nơi, chiếm Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, rồi cả nước ta.

Nhưng ngay từ phút đầu, nhân dân ta đã tỏ rõ quyết tâm bảo vệ nền độc lập vừa mới giành lại được. Sau ngày 23-9, Đảng và Chính phủ kịp thời đề ra các khẩu hiệu «Trường kì kháng chiến» và «Đoàn kết kháng chiến». Ủy ban kháng chiến Nam Bộ được thành lập. Vốn giàu lòng yêu nước và có một



Nhân dân Nam Bộ vót gậy làm vòng quyết kháng chiến

tinh thần dũng cảm rất cao, đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn nhiệt liệt nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ vùng lên chống giặc. Với những vũ khí thô sơ như gậy tầm vông, giáo mác, mọi tầng lớp nhân dân miền Nam không phân biệt già trẻ, trai gái, nghề nghiệp, tôn giáo, chiến đấu quyết liệt với giặc, giữ từng ngôi nhà, từng góc phố, cướp súng giặc bắn vào đầu giặc, giam chân chúng trong thành phố một thời gian khá lâu rồi mới chủ động rút lui giữ lực lượng.

Sau khi được tiếp viện, giặc Pháp từ Sài Gòn đánh rộng ra chiếm các đô thị ở Nam Bộ và một số vùng ở miền Nam Trung Bộ. Chúng còn hèn mạt núp sau lưng quân Anh đi tước khí giới quân Nhật và dùng cả tù binh Nhật để đánh ta. Nhưng chúng chỉ kiểm soát được các đô thị và các đường giao thông chính, còn nông thôn rộng lớn vẫn nằm trong tay nhân dân.



Lê Văn Tám lao mình vào đốt kho xăng của giặc

Nhiều trận đánh bất ngờ, nhiều cuộc phá hoại sau lưng địch đã diễn ra, nhiều gương hi sinh quả cảm anh dũng tuyệt vời đã xuất hiện. Nhân dân Sài Gòn—Chợ Lớn còn ghi mãi hình ảnh của em Lê Văn Tám tự tắm dầu làm bó đuốc sống xông thẳng vào thiêu hủy kho xăng đạn của giặc ở Thị Nghè.

Để chỉ viện cho cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, một phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến sôi nổi khắp cả nước. Hàng nghìn thanh niên yêu nước hăng hái tòng quân và gia nhập đoàn quân «Nam tiến». Các «quỹ nuôi quân», «quỹ Nam Bộ kháng chiến», các «Hội mẹ chiến sĩ» lần lượt ra đời...

Cả nước đã hướng về miền Nam ruột thịt, tỏ rõ quyết tâm đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

3. Đấu tranh chống bọn Tưởng Giới Thạch và bè lũ phản cách mạng trong nước.

Trong khi quân đội của thực dân Pháp khởi hấn ở miền Nam thì ở miền Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch và bè lũ tay sai của chúng cũng tìm mọi cách để lật đổ chính quyền nhân dân của ta. Để tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là thực dân Pháp xâm lược, Đảng và Chính phủ đã mềm dẻo trong việc đối phó với quân đội Tưởng Giới Thạch: vừa kiên quyết trong việc giữ vững độc lập và chủ quyền của dân tộc, vừa bình tĩnh không sa vào âm mưu khiêu khích của chúng. Đối với bọn tay sai thì vạch trần bộ mặt bán nước, hại dân của chúng và thẳng tay trừng trị bọn phản động⁽¹⁾.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh gay go, phức tạp chống bè lũ Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc và thực dân Pháp xâm lược ở miền Nam đã làm cho chính quyền nhân dân được giữ vững, chủ quyền dân tộc được bảo đảm, uy tín của Đảng và Chính phủ ở trong nước và trên thế giới được nâng cao.

4. Đấu tranh chính trị tranh thủ thời gian.

Đến đầu năm 1946, thực dân Pháp đánh rộng ra miền Nam Trung Bộ, chiếm cả hai nước Lào và Cam-pu-chia. Quân

(1) Việc đưa ra ánh sáng vụ âm mưu đảo chính và vụ án phố Ôn Như Hầu (Hà Nội) ngày 12-7-1946 đã đánh dấu sự tan rã và sự phá sản hoàn toàn của bọn phản cách mạng tay sai của Mĩ — Tưởng ở nước ta.

Anh đã rút hết khỏi miền Nam để một mình giặc Pháp hoành hành. Pháp còn bí mật điều đình với bọn Tưởng Giới Thạch để tay chân chúng ở miền Bắc.

Nhưng Pháp đang gặp nhiều khó khăn : lực lượng của chúng suy yếu sau chiến tranh thế giới thứ hai ; chúng phải đối phó với phong trào cách mạng ở các thuộc địa khác ; nhân dân Pháp bắt đầu căm phẫn và kịch liệt phản đối «cuộc chiến tranh bẩn thỉu» ở Đông Dương, nhất là nhân dân miền Nam ta đã phá vỡ kế hoạch đánh mau thắng mau của chúng, buộc chúng phải kéo dài chiến tranh.

Tình hình trên buộc Pháp phải thương lượng với Chính phủ ta, và ngày 6-3-1946, hai bên kí bản Hiệp định sơ bộ ở Hà Nội. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước tự do nằm trong Liên hiệp Pháp, có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng. Chính phủ ta thuận để cho quân Pháp vào thay quân Quốc dân Đảng Trung Hoa ở miền Bắc. Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, và giữ nguyên vị trí của mình. Hiệp định kí chưa ráo mực thì thực dân Pháp đã có hành động bội ước. Tuy nhiên do cuộc đấu tranh kiên quyết và bền bỉ của nhân dân ta, ngày 6-7-1946, cuộc đàm phán chính thức giữa ta và Pháp vẫn mở ra trên đất Pháp. Cuộc đàm phán không mang lại kết quả vì thực dân Pháp trước sau chỉ muốn đặt lại ách thống trị của chúng trên đất nước ta, trái hẳn với lập trường trước sau như một của Đảng và Chính phủ ta là địch phải công nhận độc lập, chủ quyền của nước Việt Nam. Nguyên cơ một cuộc chiến tranh ác liệt, quy mô, kéo dài đang đến gần. Hồ Chủ tịch lại kí với chính phủ Pháp Tạm ước 14-9-1946. Ta công nhận cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa trên đất nước Việt Nam : hai nước cam kết tôn trọng những quyền tự do dân chủ của kiều dân mỗi bên ; đình chỉ cuộc xung đột vũ trang và tiếp tục cuộc đàm phán.

Việc kí Hiệp định sơ bộ và Tạm ước giúp cho ta có được thời gian quý báu để chuẩn bị lực lượng chiến đấu lâu dài. Và khi thực dân Pháp cố ý làm nổ ra chiến tranh thì nhân dân cả nước ta bước vào cuộc kháng chiến.

CÂU HỎI

1. Giặc Pháp đã có âm mưu trở lại chiếm đóng nước ta ngay từ khi chiến tranh thế giới chưa chấm dứt như thế nào ?
2. Đế quốc Anh đã dùng túng thủ thực dân Pháp khiêu khích nhân dân ta ở Sài Gòn, Chợ Lớn ra sao ?
3. Đồng bào miền Nam đã anh dũng chống giặc như thế nào ? Và đã làm thất bại kế hoạch xâm lược của giặc ra sao ? Nhân dân cả nước đã nhiệt liệt ủng hộ cuộc kháng chiến của miền Nam như thế nào ?
4. Ở miền Bắc, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh thắng lợi chống bọn Tưởng Giới Thạch và bè lũ phản cách mạng như thế nào ?
5. Vì sao có việc kí kết Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9, và việc kí kết đó có lợi cho ta như thế nào ?

BÀI 6

TỪ KHI KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ ĐẾN CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC THU ĐÔNG 1947

I— NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC

1. Thực dân Pháp bội ước và cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

Mặc dù Tạm ước 14-9-1946 đã được kí kết, thực dân Pháp vẫn không ngừng khiêu khích ở khắp nơi. Ngày 19-11-1946, chúng đã ngăn cản việc thu thuế của ta ở Hải Phòng, gây sự, bắn phá ở cảng này. Chính phủ ta gắng sức dàn xếp gìn giữ hòa bình. Ba hôm sau, giặc Pháp lại mở đợt tấn công mới, chúng nã đại bác liên tiếp vào các khu phố của đồng bào ta làm nhiều người chết và bị thương.

Sang tháng 12, địch khiêu khích ta ngày càng trắng trợn hơn ở ngay giữa thủ đô Hà Nội. Ngày 17-12-1946, chúng vượt qua ụ gác của ta ở phố Hàng Bún Hà Nội bắn vào trụ sở tự



Việt Nam (trên đất liền) trước ngày toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946

vệ của ta rồi dùng xe tăng, xe bọc thép tàn sát nhân dân ta. Ngày 18-12-1946, chúng chiếm trụ sở Bộ Tài chính và một số cơ quan khác của ta. Ngày 19 chúng gửi tối hậu thư đòi trước vũ khí của tự vệ ta và buộc ta phải giao việc giữ gìn trật tự an ninh ở thủ đô cho chúng. Ở những nơi khác, chúng cũng đã bí mật ra lệnh cho quân đội chúng đánh úp ta vào đêm hôm đó.

Đề bảo vệ độc lập, chủ quyền của nhân dân ta, Hồ Chủ tịch đã quyết định kêu gọi toàn dân đứng dậy kháng chiến:

«Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kể đàn ông, đàn bà, bất kể người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước».

Tối 19-12-1946, tại Hà Nội và các nơi, quân và dân ta đã bắt đầu vùng dậy chống xâm lược. Và cũng từ hôm đó, nhân dân ta đã ghi thêm những trang hết sức vẻ vang vào lịch sử dân tộc.

2. Cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân ta trong các đô thị.

Tháng 12-1946, khi cuộc kháng chiến toàn quốc của ta bắt đầu, địch đã đóng quân sẵn ở một số đô thị quan trọng trên đất nước ta, như Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng v.v... Vì thế địch tấn công ta ồ ạt, định trong một thời gian ngắn tiêu diệt lực lượng ta, thực hiện chiến lược đánh mau, thắng mau. Trước sức tấn công mạnh mẽ của địch, quân và dân ta trong các đô thị đã anh dũng đứng lên chống giặc.

Ở Hà Nội, trung đoàn Thủ đô được thành lập trong khói lửa của chiến tranh đã giữ vững cuộc chiến đấu cho đến đầu năm 1947. Ở Nam Định, quân ta cũng đã bao vây địch ngót ba tháng liền ở trong nhà máy sợi. Ở Huế, Đà Nẵng... quân ta đã liên tiếp tấn công địch và dồn chúng vào thế phòng ngự và bị động. Ở các đô thị, đồng bào tiếp tế, thông tin cho các chiến sĩ, làm công tác phá hoại, thực hiện tiêu thổ kháng chiến, làm cho quân thù bị điều đứng vì thiếu điện, thiếu nước, thiếu rau ăn; đồng bào nông thôn thì vui vẻ đón tiếp đồng bào tản cư.

Đến khoảng đầu tháng 3-1947, quân ta lần lượt rút lui khỏi các đô thị. Cuộc chiến đấu trong các thành phố chấm dứt. Chúng ta đã giam chân địch được một thời gian khá dài, tiêu hao một phần lực lượng địch và bảo toàn được lực lượng ta. Địch tuy có chiếm được một số thành phố nhưng đã phải trả một giá rất đắt, và ở nhiều nơi thực tế chúng chỉ chiếm những đóng gạch vụn.



Lực lượng vũ trang Thủ đô anh dũng chiến đấu

3. Toàn dân xây dựng lực lượng, xây dựng hậu phương để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Trong thời gian địch bị giam chân ở các thành phố, công nhân ta đã di chuyển hàng ngàn tấn máy móc vật liệu về nơi an toàn để xây dựng các xưởng chế tạo vũ khí cung cấp cho kháng chiến. Ở nông thôn, mặc dù máy bay địch khủng bố, nông dân vẫn cố gắng đầy mạnh sản xuất thóc lúa, hoa màu, trồng bông, nuôi tằm để cung cấp cho tiền tuyến và hậu phương. Các cơ quan lãnh đạo cũng đã chuyển đến nơi an toàn.

Về mặt chính trị, hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập, cùng với Mặt trận Việt minh đoàn kết và động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Thành phần Chính phủ cũng được mở rộng thêm. Các Ủy ban kháng chiến các cấp được thành lập. Chúng ta tiếp tục xây dựng thêm lực lượng vũ trang. Tóm lại, chúng ta đã hăng hái bắt tay ngay vào việc tổ chức lực lượng, bước đầu xây dựng nông thôn ta thành hậu phương để kháng chiến lâu dài.

CÂU HỎI

1. Sau khi đã kí Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9, thực dân Pháp đã có những hành động phản bội lời cam kết như thế nào? Thái độ của ta như thế nào?
2. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu, quân và dân ta đã chiến đấu trong các đô thị như thế nào? Kết quả của cuộc chiến đấu đó được đánh giá như thế nào?
3. Chúng ta đã làm những gì để xây dựng hậu phương, chuẩn bị kháng chiến lâu dài?

II— CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC THU ĐÔNG 1947.

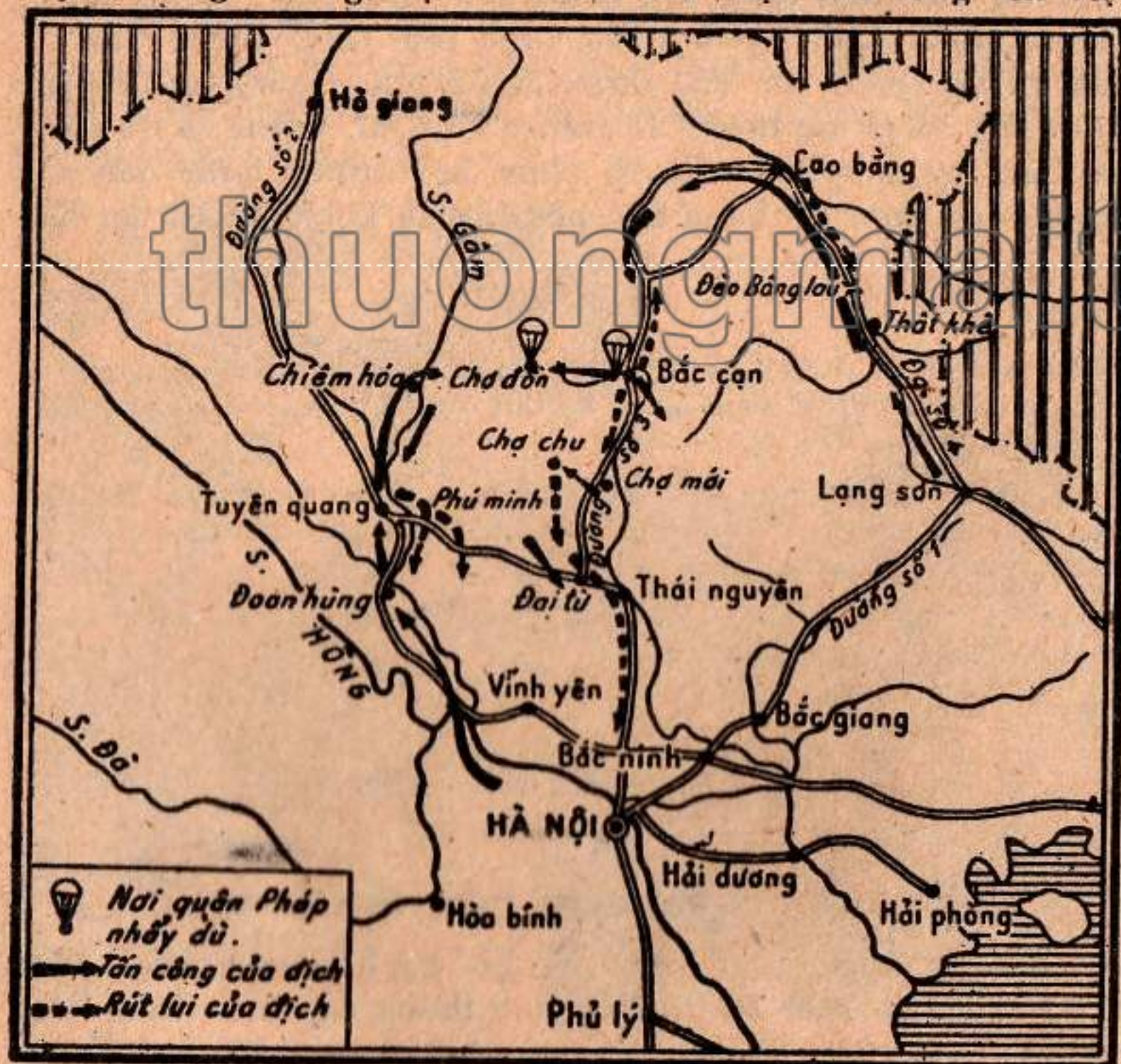
1. Khó khăn và âm mưu mới của Pháp.

Sau khi kiểm soát được các đô thị lớn, quân địch đánh rộng ra, kiểm soát các đường giao thông chính ở đồng bằng và biên giới Việt Trung. Nhưng chúng cũng không đủ sức

để chiếm rộng hơn nữa, và ngay đối với vùng đã chiếm cũng không làm chủ được hoàn toàn. Về chính trị, chúng chuẩn bị thành lập một chính phủ bù nhìn tay sai, đưa ra chiêu bài độc lập giả hiệu hòng lừa bịp nhân dân ta và thực hiện âm mưu «dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh». Mặt khác, chúng cũng ra sức chuẩn bị một cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc là căn cứ địa kháng chiến, nhằm tiêu diệt các cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực của ta.

2. Địch tấn công lên Việt Bắc và chiến thắng lớn của ta.

Ngày 7-10-1947, với hơn hai vạn quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương, địch bắt đầu mở cuộc tấn công lên Việt



Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947

Bắc. Chúng cho quân nhảy dù xuống chiếm một số vị trí: Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn; đồng thời cho một cánh quân đi đường thủy theo sông Lô lên Tuyên Quang, và một cánh quân đi đường bộ lên Cao Bằng, Bắc Cạn làm 2 gọng kìm tấn công các cơ quan đầu não của ta. Nhưng địch đã bị ta chặn đánh ở khắp nơi. Những toán nhảy dù của địch bị ta cô lập, bao vây, đánh tía dần. Nhiều tàu chiến và ca-nô của địch đã bị ta phục kích đánh đắm tại Đuan Hùng. Một đoàn xe cơ giới của địch cũng bị ta chặn đánh và phá hủy ở đèo Bông Lau. Hai gọng kìm của địch đã bị bẻ gãy, chúng đành phải rút quân. Trên đường rút lui, chúng còn bị đánh một trận toại bời ở Khe Lau trên sông Lô.

Cuối tháng 12-1947, cuộc tấn công của địch bị thất bại. Địch bị diệt 3300 tên, mất 18 máy bay, 54 tàu chiến và ca-nô, nhiều xe các loại và vũ khí đạn dược. Căn cứ địa Việt Bắc của ta vẫn được giữ vững, các cơ quan trung ương và quân chủ lực được bảo toàn, tinh thần quân dân ta được nâng cao.

Điều căn bản nhất là âm mưu của địch muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng đã hoàn toàn thất bại. Chiến thắng Việt Bắc, cuộc thử thách lớn đầu tiên của quân và dân ta, đã chứng minh rằng đường lối kháng chiến trường kỳ của ta là hoàn toàn đúng.

3. Sự chuyển hướng của địch từ tấn công sang phòng ngự và kế hoạch đối phó của ta.

Sau chiến dịch Việt Bắc, Pháp không đủ sức để mở ngay những trận tấn công mới. Chúng bèn thay đổi kế hoạch, chia quân ra chiếm đóng để phòng ngự những vùng đã chiếm được ở Nam Bộ, một phần Trung Bộ và Bắc Bộ. Các vùng tạm chiếm đầy dẫy đồn bốt địch. Địch thực hiện chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch, nhằm phá tinh thần kháng chiến và bần cùng hóa nhân dân.

Bên cạnh hoạt động quân sự, địch còn ra sức xây dựng chính quyền tay sai ở các địa phương và chuẩn bị thành lập một chính phủ bù nhìn trung ương, sử dụng nó để bắt người,

cướp của của nhân dân ta để lại đánh nhân dân ta. Đó là âm mưu hết sức thâm độc «dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh». Thỉnh thoảng chúng mở những trận đánh thọc sâu vào một số vùng tự do và căn cứ lớn của ta như Nga Sơn (Thanh Hóa), Tam Quan (Bình Định), Đồng Tháp Mười (Nam Bộ) để thăm dò lực lượng và quấy rối hậu phương của ta. Nhìn chung hoạt động của địch nhằm củng cố những vùng đã chiếm được nhưng đồng thời địch vẫn chuẩn bị những cuộc tấn công quy mô mới khi có điều kiện, hòng kết thúc nhanh chóng chiến tranh.

Trái với địch, quân và dân ta sau chiến thắng Việt Bắc đã lớn mạnh hơn về mọi mặt: tinh thần kháng chiến được củng cố, vũ khí và kinh nghiệm có thêm nhiều. Để đối phó với âm mưu mới của địch, chúng ta chủ trương phát triển chiến tranh du kích rộng rãi, biến hậu phương địch thành tiền phương ta. Bộ đội ta chia thành những đơn vị nhỏ, đi sâu vào các vùng địch tạm chiếm, tuyên truyền giữ vững tinh thần kháng chiến, giúp dân đánh du kích, chống giặc càn quét, bảo vệ sản xuất (như dùng mưu tay không bắt địch, dùng đơn gánh giết giặc, chặn đánh các đường giao thông, phá các đồn lẻ, phá tề). Mọi thứ vũ khí thô sơ như bẫy dả, dao găm, tên nỏ, v.v... đều được sử dụng. Nhân dân còn rào làng cấm chông xây dựng thành những làng kháng chiến.

Kết quả ta đã gây cho địch nhiều thiệt hại, làm cho địch không sao ổn định được hậu phương của chúng. Trong khi đó thì chính quyền kháng chiến của ta vẫn được bảo vệ, bộ đội và du kích ta lại dần dần mạnh thêm.

CÂU HỎI

1. Vì sao địch mở chiến dịch Việt Bắc? Ta đã phá vỡ chiến dịch đó như thế nào?
2. Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc?
3. Sau cuộc tấn công lớn lên Việt Bắc bị thất bại, địch thay đổi kế hoạch như thế nào? Tại sao? Chúng ta đã làm gì để đối phó với kế hoạch mới của địch?

TỪ SAU CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC 1947 ĐẾN CHIẾN THẮNG BIÊN GIỚI 1950

1. Phong trào thi đua yêu nước đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện.

Để tiếp sức cho tiền tuyến và đẩy mạnh các mặt kháng chiến, từ giữa năm 1948, Đảng và Chính phủ đã phát động phong trào thi đua yêu nước nhằm động viên lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của toàn dân. Nông dân thi đua sản xuất lương thực, trồng khoai, sản thêm. Công nhân thi đua sản xuất vũ khí và các hàng cần thiết cho đời sống như vải, xà phòng, giấy. Nhân dân thi đua đi học Bình dân học vụ. Học sinh thi đua học tập. Văn nghệ sĩ đi sâu vào quần chúng, sáng tác trong thực tế kháng chiến để phục vụ kháng chiến, phục vụ sản xuất. Bộ đội thi đua luyện quân lập công. Phong trào thi đua yêu nước đã lôi cuốn toàn dân tham gia ngày càng rộng rãi vào cuộc kháng chiến, và đẩy mạnh mọi mặt của cuộc kháng chiến. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố thêm. Toàn dân tuyệt đối tin tưởng ở Chính phủ và tham gia vào cuộc kháng chiến ngày càng đông đảo. Phong trào thi đua yêu nước đã đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện của ta.

2. Hoàn cảnh quốc tế mới. Ta chuẩn bị tiến lên giành thắng lợi mới.

Năm 1949 và 1950, tình hình thế giới có nhiều biến chuyển lớn ảnh hưởng tốt đến cuộc kháng chiến của ta. Ngày 1-10-1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời.

Đầu năm 1950, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác chính thức công nhận nước ta và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

Phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp đòi «chấm dứt cuộc chiến tranh bẩn thỉu» ở Đông Dương cũng phát triển

manh mẽ (1). Nhân dân các thuộc địa Pháp cũng bắt đầu có những cuộc đấu tranh mạnh mẽ chống chiến tranh ở Việt Nam, chống đưa lính nước họ sang làm bia đỡ đạn ở Việt Nam.

Tình hình trên càng làm cho Pháp thêm khó khăn và đẩy chúng tích cực xin viện trợ của đế quốc Mĩ hơn nữa; Mĩ công nhận chính phủ bù nhìn Bảo Đại do Pháp lập ra năm 1949, cử các phái đoàn viện trợ quân sự, kinh tế đến Đông Dương. Được sự viện trợ của Mĩ, thực dân Pháp đề ra một kế hoạch quân sự mới. Một mặt chúng ra sức củng cố những vị trí của chúng dọc biên giới Việt — Trung, mặt khác chúng còn ra sức củng cố và mở rộng vùng chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt chúng chiếm các vùng nhiều thóc lúa (Hà Bắc, Vĩnh Phúc, Hải Hưng). Song song với hoạt động quân sự, địch còn ra sức xây dựng chính quyền và xây dựng quân đội bù nhìn của Bảo Đại.

Do tình hình thế giới phát triển thuận lợi, do sức ta đã lớn mạnh lên sau một năm cầm cự với địch, từ đầu năm 1949, không những ta đẩy mạnh hoạt động quân sự và đấu tranh chính trị mà còn bồi dưỡng và xây dựng được lực lượng kháng chiến. Ta đã xây dựng những trung đoàn, đại đoàn chủ lực, đồng thời tiếp tục xây dựng các lực lượng dân quân du kích. Năm 1949, Chính phủ ra sắc lệnh giảm tô, quy định việc cấp công điền và tạm cấp ruộng đất của thực dân, Việt gian, và ruộng đất vắng chủ cho dân cấy nghèo; năm 1950 lại ra sắc lệnh giảm tức, hoãn nợ cũ của nông dân, và ban hành quy chế lĩnh canh để bảo vệ quyền lợi của nông dân. Tất cả những việc làm này cùng với việc khuyến khích hướng dẫn nông dân lập tổ đời công đẩy mạnh sản xuất đã làm cho đời sống nông dân được cải thiện, lực lượng kháng chiến thêm hùng hậu, và thực hiện được khẩu hiệu «Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng».

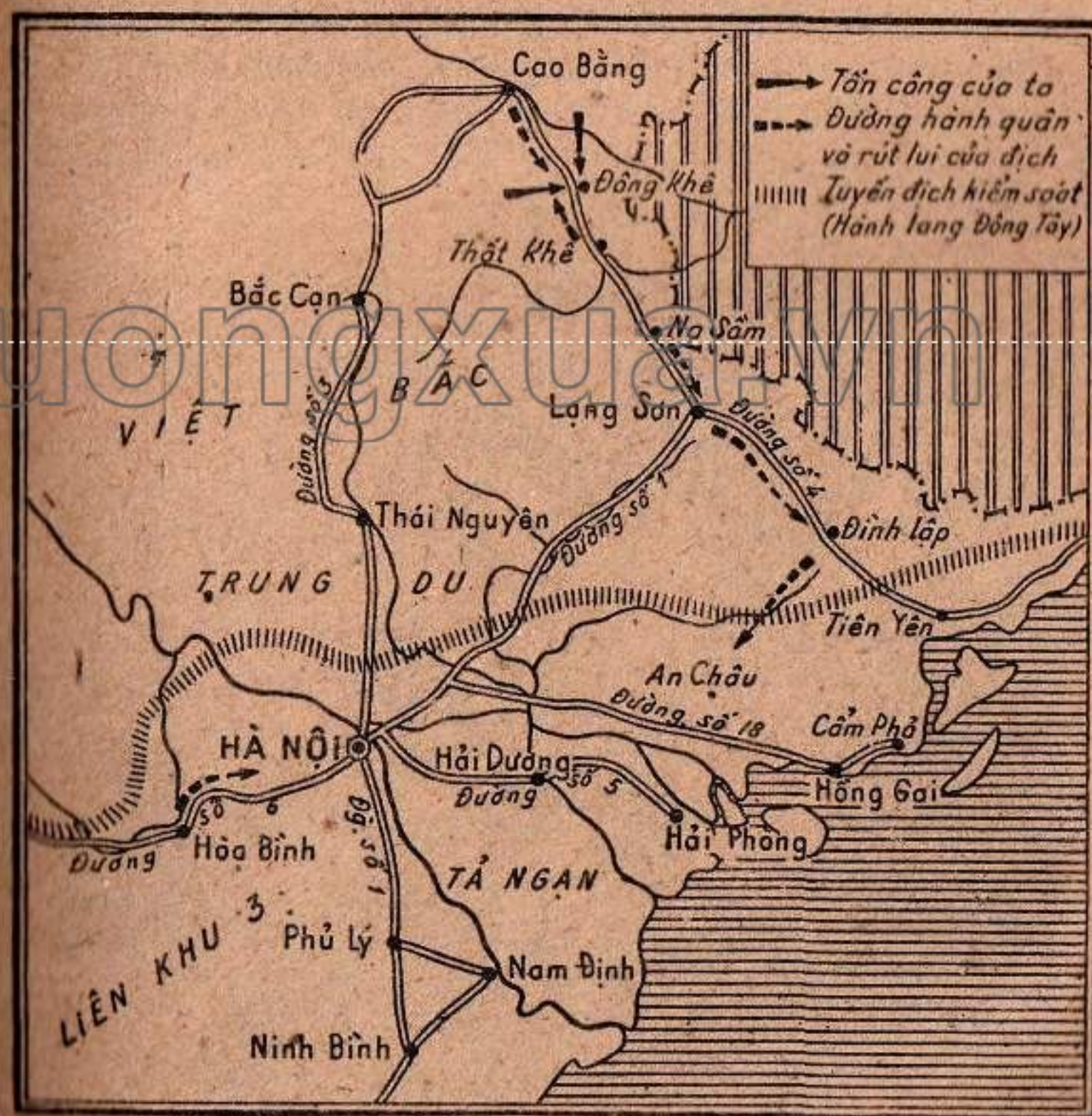
3. Chiến tranh Biên giới thu đông 1950.

Kế hoạch quân sự của địch nhằm củng cố việc chiếm đóng biên giới và mở rộng chiếm đóng đồng bằng và trung du Bắc

(1) Năm 1950, chi Rày-mông Đêng đã nằm trên đường sắt chặn một chuyến xe lửa chở vũ khí đưa xuống tàu sang Việt Nam; anh Hăng-ri Mac-tanh, một lính thủy Pháp đã kiên quyết từ chối không sang đánh nhau ở Việt Nam.

Bộ, đã gây cho ta nhiều khó khăn trong việc tiếp tế cho căn cứ địa, việc liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy ta chủ động mở chiến dịch Biên giới.

Ngày 16-9-1950, ta bắt đầu tấn công vào Đông Khê, một vị trí quan trọng của địch trên đường số 4. Trận đánh diễn ra rất ác liệt, anh hùng quân đội La Văn Cầu bị đạn vào tay đã nhờ đồng đội chặt tay đi để tiếp tục chiến đấu và lập công lớn trong trận này. Sau khi Đông Khê bị tiêu diệt, hệ thống phòng ngự của địch ở biên giới bị cắt làm đôi. Địch nung kế phải rút khỏi Cao Bằng và cho quân từ Lạng Sơn lên yểm hộ



Chiến thắng Biên giới thu đông 1950

cuộc rút lui. Ta dự đoán đúng kế hoạch của địch nên đã bố trí để chặn đánh địch trên đường đi của chúng, chia cắt chúng ra từng bộ phận, bao vây và tiêu diệt, toàn thể bộ tham mưu của hai cánh quân địch bị bắt sống. Địch hốt hoảng, rút lui một loạt các vị trí trên đường số 4: Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn, v.v...

Phối hợp với chiến trường Biên giới, ta đã đánh địch ở khắp nơi, buộc chúng rút khỏi Lao Cai, Hòa Bình, thu nhiều thắng lợi ở trung du, đồng bằng Bắc Bộ và các chiến trường miền Nam. Tổng cộng, chúng ta đã tiêu diệt 11 500 địch, phá hủy và thu rất nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng; ta đã giải phóng được miền biên giới trên một đoạn dài 750 km, mở thông đường liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa; ta đã giữ vững và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, nối liền được Việt Bắc với các liên khu III, IV.



Hồ Chủ tịch trong chiến dịch Biên giới 1950

Chiến thắng Biên giới đã đánh dấu một bước tiến mới của cuộc kháng chiến của ta: chúng ta đã bắt đầu chủ động đánh địch trên chiến trường chính ở Bắc Bộ và đã tạo ra một đà biến chuyển mạnh mẽ, mở ra một giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

CÂU HỎI

1. Đảng và Chính phủ phát động phong trào thi đua yêu nước nhằm mục đích gì?
2. Tình hình thế giới năm 1949 và 1950 có ảnh hưởng thế nào đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam?
3. Kế hoạch quân sự của địch trong thời kì này nhằm âm mưu gì?
4. Tại sao ta chủ động mở được chiến dịch Biên giới? Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên giới?

BÀI 8

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VỀ MỌI MẶT, CHUẨN BỊ ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN SANG GIAI ĐOẠN MỚI

I — NHỮNG THẮNG LỢI CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ CỦA TA ĐẦU NĂM 1951

1. Đảng Lao Động Việt Nam ra đời và những thắng lợi chính trị của ta.

Quân dân ta rất phấn khởi sau chiến thắng Biên giới. Tình hình kháng chiến phát triển mạnh, đòi hỏi có sự lãnh đạo công khai của Đảng. Tháng 2-1951 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định Đảng ra công khai hoạt động với tên mới là Đảng Lao Động Việt Nam, đó là một thắng lợi chính trị to lớn của ta. Việc Đảng ra công khai lãnh đạo kháng chiến đã làm tăng thêm lòng tin tưởng của toàn dân. Đảng đã đề ra chính sách về

mọi mặt để đẩy mạnh thêm cuộc kháng chiến. Tháng 3-1951, Đại hội thống nhất Việt minh — Liên Việt toàn quốc đã quyết định thống nhất thành một mặt trận chung là Mặt trận Liên Việt. Việc này đã làm cho khối đoàn kết toàn dân được mở rộng và củng cố, khiến ta có cơ sở phá mọi âm mưu chia rẽ về chính trị của địch.

Cũng trong đầu năm 1951, tình hình kháng chiến của các nước bạn Lào, Khor-me đã tiến mạnh thêm. Trong hoàn cảnh đó, cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa những lực lượng kháng chiến của cả ba nước, vì vậy khối Liên minh nhân dân Việt—Khor-me—Lào được thành lập. Việc này đã phá tan âm mưu của địch chia rẽ nhân dân ba nước Đông Dương. Đó là thắng lợi chính trị lớn thứ ba của ta đầu năm 1951.

Cùng với chiến thắng Biên giới thu đông 1950, các thắng lợi chính trị đầu năm 1951 đã đánh dấu một bước chuyển biến mới của cuộc kháng chiến của ta.

2. Đẩy mạnh hoạt động kinh tế và văn hóa phục vụ kháng chiến.

Năm 1951, ta tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh tế và văn hóa nhằm xây dựng một hậu phương vững chắc phục vụ cuộc kháng chiến đang phát triển mạnh. Nhân dân ta đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tích cực chống lại âm mưu cướp bóc mùa màng, phá hoại sản xuất của địch. Nhân dân ta phải sản xuất ban đêm, tổ chức cất giấu lương thực thật kỹ. Mặc dù có khó khăn như vậy, nhưng nhờ phong trào thi đua nên sản xuất của ta vẫn phát triển. Năm 1952, Chính phủ lại phát động cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm để đông viên nhân dân đẩy mạnh sản xuất về mọi mặt.

Cũng để đẩy mạnh sản xuất xây dựng nền kinh tế kháng chiến vững mạnh, trong năm 1951 Chính phủ đã ban hành chính sách thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thành lập ngân hàng quốc gia, tổ chức mậu dịch quốc doanh. Những việc này đã làm cho nền tài chính của ta ổn định hơn, việc đóng góp của nhân dân được hợp lý hơn, giá hàng tiêu dùng

được ổn định hơn; nhờ vậy việc chi tiêu cho kháng chiến cũng được đầy đủ hơn mà đời sống nhân dân lại được cải thiện. Ta còn tổ chức việc đấu tranh kinh tế với địch có kết quả, một mặt ngăn chặn không cho hàng địch tràn vào vùng kháng chiến, mặt khác lãnh đạo tốt việc buôn bán giữa vùng ta và vùng địch, chỉ mua những hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc men, v.v... và bán lâm thổ sản của ta vào vùng địch. Trong các vùng tạm chiếm, ta còn đẩy mạnh việc phá hoại kinh tế của địch.

Cùng với công tác kinh tế, công tác văn hóa cũng được đẩy mạnh để phục vụ kháng chiến. Năm 1950, nền giáo dục phổ thông được cải tổ thành một hệ thống giáo dục 9 năm với chương trình và nội dung giảng dạy mới theo ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân, phục vụ sản xuất. Các trường phổ thông và số học sinh tăng rất nhanh. Phong trào bình dân học vụ tiếp tục phát triển. Việc chăm lo sức khỏe của nhân dân cũng được chú ý, phong trào « vệ sinh yêu nước » được đẩy mạnh.

Tất cả những công việc trên đã làm cho hậu phương ta vững mạnh, lực lượng kháng chiến ta phát triển thêm, tạo điều kiện cho ta thu được những chiến thắng mới.

3. Ta tiếp tục mở các chiến dịch mới tấn công địch trên các chiến trường.

Đầu năm 1951 ta chủ động tấn công địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Mở đầu là chiến dịch Trung Du (1-1951), quân ta đánh vào hệ thống phòng ngự của địch ở Vĩnh Phú. Tiếp đó là chiến dịch đường số 18 (3-1951) kéo dài trên một mặt trận từ Phả Lại qua Đông Triều, qua Uông Bí đến Hòn Gai. Ta đã tiêu diệt 14 vị trí của địch, buộc chúng phải rút khỏi thị trấn Uông Bí.

Cuối tháng 5-1951 ta lại mở chiến dịch Hà — Nam — Ninh (chiến dịch Quang Trung) là chiến dịch lớn đầu tiên ở đồng bằng. Ta đã tiêu diệt toàn bộ lực lượng địch đóng ở thị xã

Ninh Bình, làm tan rã một phần cơ sở nguy quân, nguy quyền ở ba tỉnh.

Phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, quân ta đã chống can thẳng lớn ở Bình—Trị—Thiên (Trung Bộ) ở Long—Châu—Hà (Nam Bộ).

CÂU HỎI

1. Đầu năm 1951, ta đã có những thắng lợi chính trị gì? Tại sao nói việc Đảng Lao động Việt Nam ra công khai là một thắng lợi chính trị to lớn?
2. Vì sao năm 1951 đã đẩy mạnh hoạt động kinh tế và văn hóa? Ta đã có những thành tích gì về mặt kinh tế và văn hóa trong năm 1951? Những hoạt động đó đã có tác dụng gì đối với cuộc kháng chiến?
3. Những thắng lợi mới về quân sự của ta trên chiến trường diễn ra ở đâu? Kết quả như thế nào?

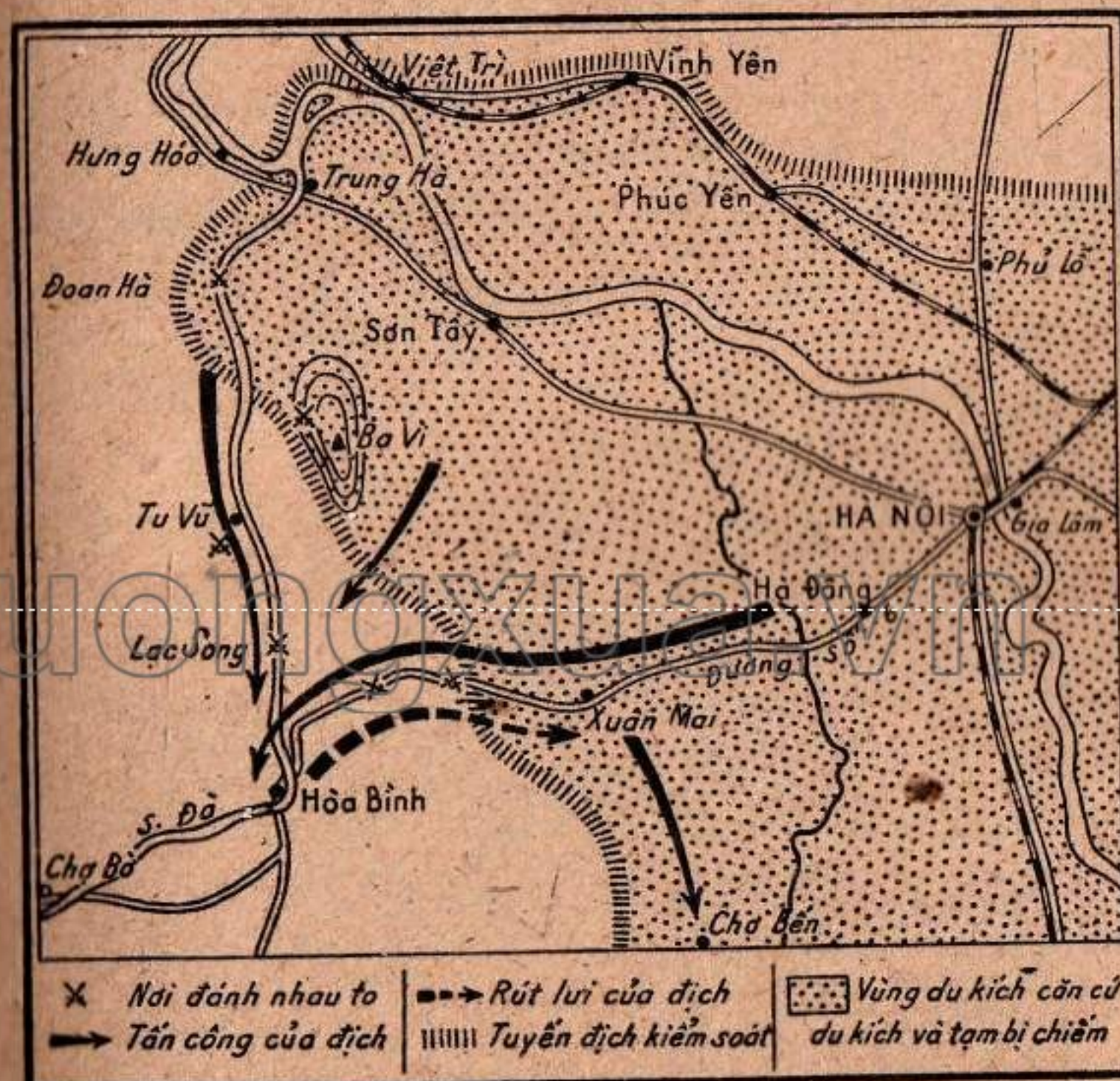
II — CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA TA TIẾN THÊM MỘT BƯỚC MỚI

1. Chiến dịch Hòa Bình.

Tháng 11-1951 theo kế hoạch của Đơ Tat-si-nhi, địch mở cuộc tấn công ra Hòa Bình, hòng giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính và cô lập căn cứ địa Việt Bắc của ta. Địch đã tiến quân theo đường số 6 và theo sông Đà, đóng một loạt vị trí ở Hòa Bình, xung quanh Hòa Bình và theo phòng tuyến sông Đà.

Với lực lượng kháng chiến đã được củng cố và phát triển từ sau chiến dịch Biên giới, quân ta đã mở một chiến dịch phản kích lại địch. Ở mặt trận chính, quân ta bao vây địch ở Hòa Bình, liên tiếp tấn công các vị trí địch trên phòng tuyến sông Đà và chặn đánh địch trên đường số 6. Anh hùng Củ Chính Lan đã dũng cảm đánh xe tăng, lập nên chiến công rực rỡ trên đường số 6 này. Mặt khác, bộ đội chủ lực của ta đã luồn vào vùng sau lưng địch để phát triển mạnh chiến tranh

du kích. Ở khắp nơi trong vùng địch hậu Nam Định, Phát Diệm, Hưng Yên, Thái Bình, Tả ngạn và Hữu ngạn sông Hồng..., du kích đã phá hàng trăm đồn bốt của giặc; nguy quân, nguy quyền bị tan rã hàng mẩu, hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ của địch bị phá hoại phần lớn. Các căn



Chiến dịch Hòa Bình Đông xuân 1951 — 1952

cứ du kích và khu du kích của ta lại mở rộng. Vì thế tháng 2-1952, địch buộc phải rút lui khỏi Hòa Bình. Ta đã chặn đánh và truy kích kịch liệt. Kết quả trong toàn chiến dịch ta đã diệt và làm bị thương hơn 22 000 tên, làm tan rã một phần lớn nguy quân, nguy quyền, mở rộng các căn cứ du kích ở đồng bằng Bắc Bộ, tạo điều kiện cho chiến tranh du kích phát

triển. Chúng ta vẫn giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính.

2. Từ sau chiến dịch Hòa Bình đến chiến thắng Tây Bắc 1952.

Sau khi thất bại ở Hòa Bình, Pháp vội vàng tập trung quân để liên tiếp mở nhiều cuộc can quét lớn hòng phá các căn cứ và khu du kích của ta, lập lại nguy quyền và gây lại ảnh hưởng chính trị của chúng.



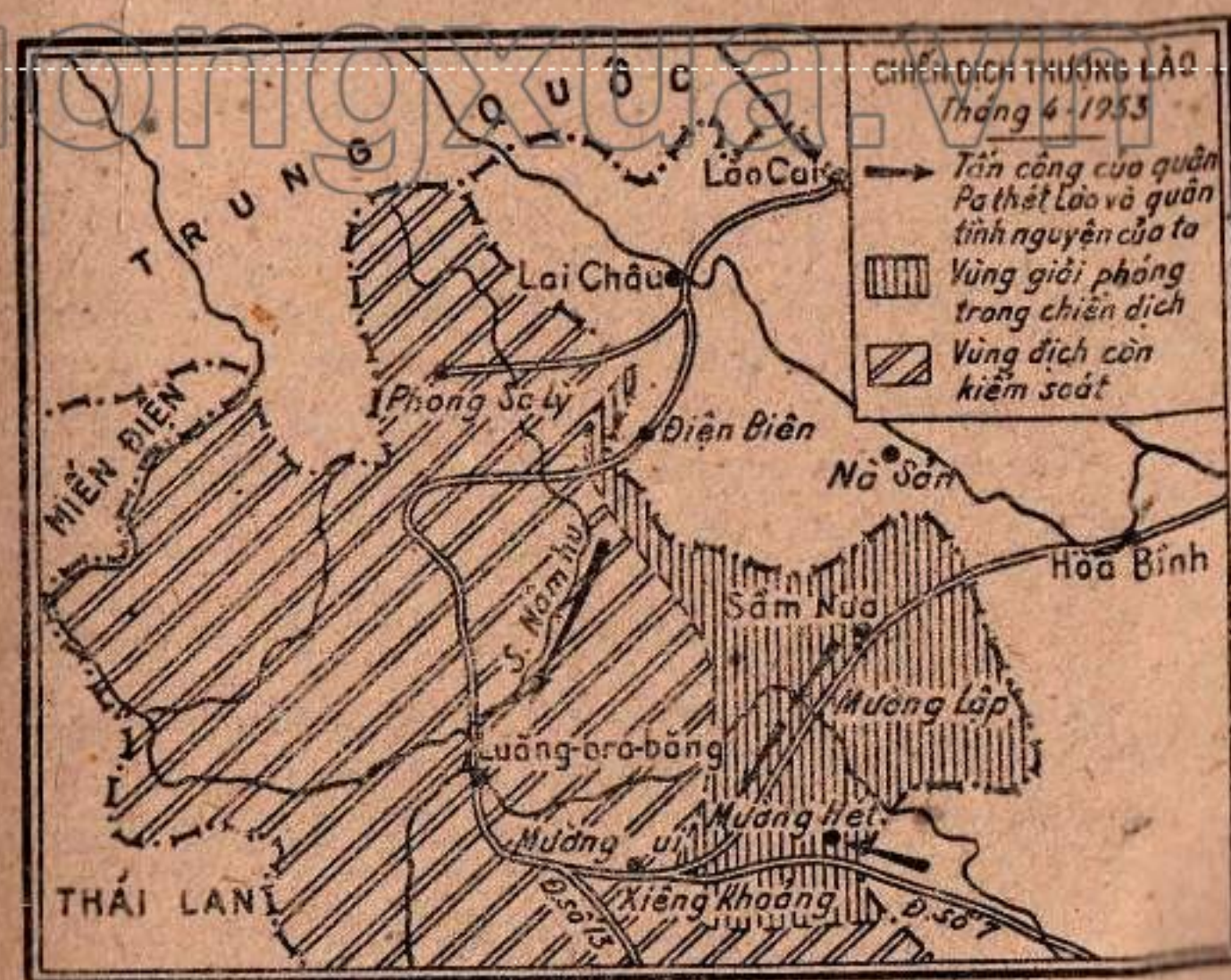
Chiến dịch Tây Bắc 1952

Song chiến tranh du kích đã phát triển mạnh: nhờ kinh nghiệm đã thu được trong chiến dịch Hòa Bình, nhờ lực lượng du kích và bộ đội địa phương đã trưởng thành, ta đã phá được những cuộc can quét lớn, tiếp tục phá vùng chiếm đóng của địch ở đồng bằng Bắc Bộ. Phối hợp với chiến trường

chính, trên khắp các chiến trường toàn quốc, chiến tranh du kích cũng đã gây khó khăn cho địch, tiêu hao sinh lực địch và giam chân địch (Bình—Trị—Thiên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ). Các hình thức đánh du kích cũng ngày càng phong phú: hầm chông, hố mìn, đánh dọn thổ v.v... Lúc này hệ thống phòng ngự với vành đai trắng của địch đã mất tác dụng, nhân dân trong vùng tạm chiếm vẫn lọt ra vùng tự do, mang thóc ra đóng thuế nông nghiệp cho Chính phủ và đi dân công.

Trên cơ sở thắng lợi như vậy, tháng 10-1952, ta chủ động mở chiến dịch Tây Bắc. Quân ta vượt sông Hồng đánh vào Nghĩa Lộ, rồi vượt sông Đà, đánh sâu vào vùng Sơn La, Lai Châu. Sau hai tháng chiến đấu, ta tiêu diệt trên 6000 địch, giải phóng gần hết tỉnh Sơn La, một phần tỉnh Lai Châu, với gần 23 vạn đồng bào các dân tộc Tây Bắc.

Phối hợp với chiến dịch Tây Bắc, trong suốt mùa đông, xuân, hè 1952—1953, quân và dân ta đánh mạnh khắp các



Chiến dịch Thượng Lào 1953

chiến trường khác trong toàn quốc và thu những thắng lợi liên tiếp. Chiến tranh du kích cũng tiếp tục phát triển ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình—Tri—Thiên, Liên khu V, Nam Bộ. Các chiến trường Lào và Miên cũng hoạt động mạnh. Đặc biệt, quân và dân Lào với sự giúp đỡ của quân tình nguyện ta, đã quét sạch địch ra khỏi một vùng rộng lớn ở Sầm Nưa và Xiêng Khoảng.

Thế là ta vẫn tiếp tục giữ vững quyền chủ động, còn địch thì ngày càng thất bại liên tiếp.

3. Phát động quần chúng giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất trong kháng chiến.

Tình hình kháng chiến phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải bồi dưỡng hơn nữa lực lượng nông dân là một lực lượng chủ yếu của kháng chiến. Ngày 12-4-1953, Chính phủ ban hành sắc lệnh phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng đấu tranh mạnh mẽ với giai cấp địa chủ đòi giảm tô, giảm tức. Tháng 12-1953, Quốc hội thông qua luật cải cách ruộng đất, xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ.

Những biện pháp ấy đã bước đầu mang lại quyền lợi thiết thực cho nông dân. Nó đã gây một niềm phấn khởi to lớn cho nông dân và quân đội là những người nông dân mặc áo lính, và làm cho lực lượng kháng chiến tăng lên gấp bội, tạo điều kiện cho cuộc kháng chiến phát triển đến bước quyết định năm 1953 — 1954.

CÂU HỎI

1. Vì sao ta mở chiến dịch Hòa Bình? Trong chiến dịch này ta đã tấn công ở những mặt nào? Kết quả của chiến dịch?
2. Sau chiến dịch Hòa Bình, chiến tranh du kích của ta đã phát triển như thế nào? Vì sao?
3. Vì sao năm 1953 ta chủ trương phát động quần chúng giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất? Tác dụng của việc đó đối với kháng chiến như thế nào?

CHIẾN CUỘC ĐÔNG — XUÂN 1953 — 1954 VÀ CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

I — BƯỚC ĐẦU CỦA CHIẾN CUỘC ĐÔNG—XUÂN 1953—1954

1. Tình hình địch vào giữa năm 1953 và kế hoạch Na-va.

Năm 1953, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã được 8 năm. Ta càng đánh, càng mạnh, càng giành được thế chủ động. Địch càng đánh, càng yếu, càng khốn đốn bị động. Những chiến thắng liên tiếp của ta đã làm cho chúng hao binh tổn tướng (trong 8 năm, ta đã giết và bắt gần 39 vạn tên địch); chiến tranh du kích của ta phát triển đã làm lực lượng của địch phải dần mỏng để chống đỡ, thế bị động của địch lại càng trầm trọng. Tình thế ấy đã làm cho quân lính của địch hoang mang đến cực độ.

Ở Pháp, tình hình cũng không có gì tốt đẹp cho bọn thực dân xâm lược. Cuộc chiến tranh ở Đông Dương đã kéo dài 8 năm mà vẫn không thu được kết quả gì cả, ngược lại ngày thêm tổn phí. Phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp cũng như của nhân dân thế giới chống «cuộc chiến tranh bẩn thỉu» ở Đông Dương ngày càng lên cao, làm cho nội bộ bọn thực dân xâm lược mâu thuẫn gay gắt.

Cùng trong thời gian ấy, đế quốc Mĩ bị đánh bại ở Triều Tiên, tìm cách can thiệp sâu vào Đông Dương. Một mặt, chúng tăng cường viện trợ cho thực dân Pháp và bọn bù nhìn; mặt khác, chúng ép Pháp phải mở rộng quyền «độc lập» giả hiệu cho bù nhìn, phải để cho Mĩ nắm nguy quân, nguy quyền và trực tiếp chỉ huy cuộc chiến tranh Đông Dương. Giữa năm 1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, tướng Pháp Na-va được chỉ định làm tổng chỉ huy các lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Thực dân Pháp đặt ra «kế hoạch Na-va» gồm hai bước:

1. Trong thu đông 1953 và xuân 1954, giữ vững thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược ở



miền Nam, đồng thời ra sức mở rộng nguy quân và tập trung binh lực để cố gắng xây dựng một lực lượng cơ động mạnh.

2. Thu đông năm 1954 với lực lượng cơ động đã được tăng cường nhiều và lúc đó đang có khí thế chiến thắng, sẽ chuyển toàn bộ lực lượng ra Bắc, mở các cuộc tiến công chiến lược giành những thắng lợi quân sự lớn, làm áp lực buộc ta phải nhận đàm phán hòa bình theo những điều kiện do chúng đề ra.

Kế hoạch Na-va này chính là kế hoạch của Mĩ, do Mĩ duyệt và chỉ đạo thực hiện. Với kế hoạch này, cả Pháp lẫn Mĩ đều chủ quan tưởng rằng chỉ trong 18 tháng chúng sẽ giành lại được thế chủ động và sẽ chuyển bại thành thắng trên chiến trường Đông Dương.

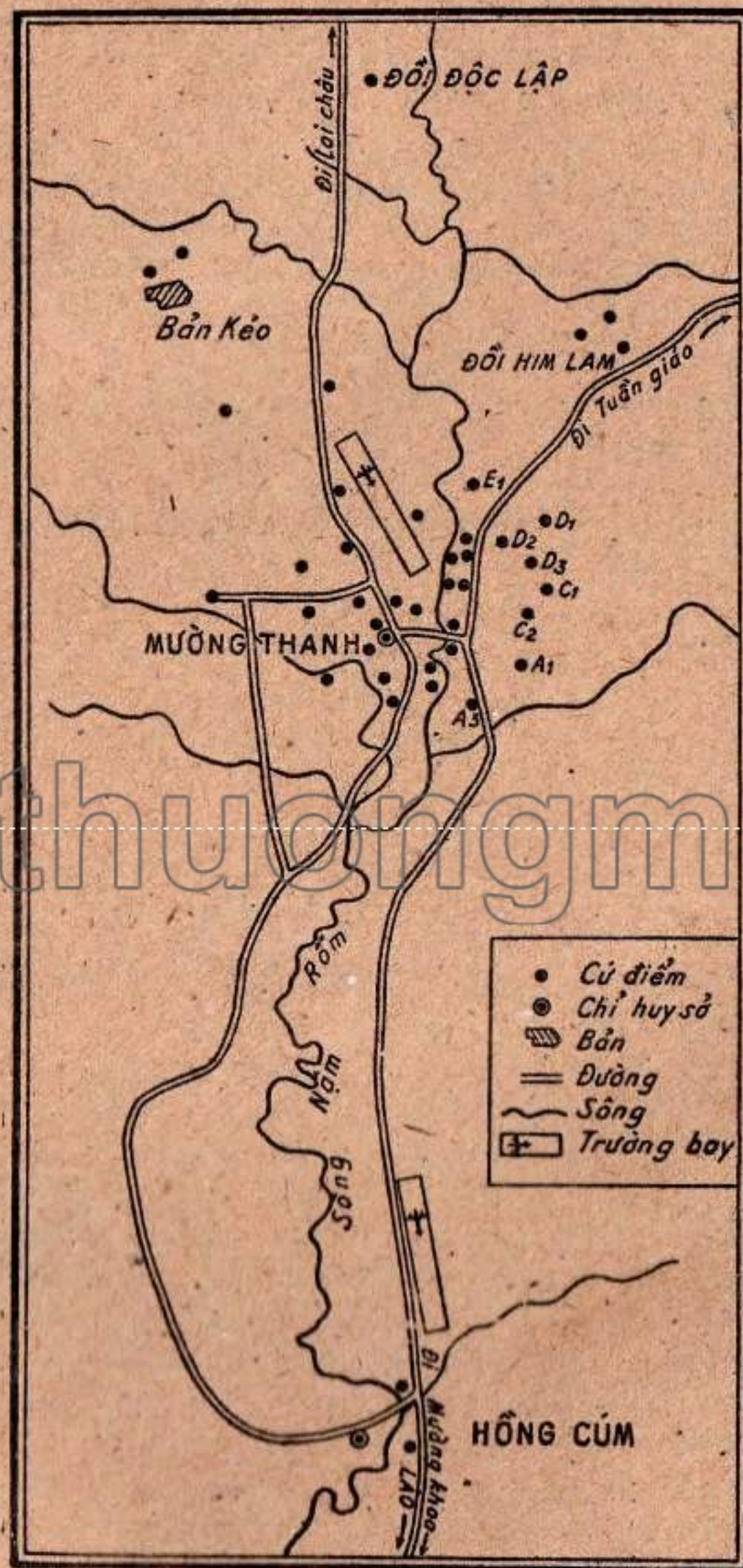
Để thực hiện kế hoạch vô cùng thâm độc đó, địch tăng cường lực lượng từ Pháp sang, từ Triều Tiên đến, ra sức phát triển nguy quân, và tập trung 41 liên đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ. Đế quốc Mĩ giúp cho Pháp 80% chi phí để thực hiện kế hoạch này.

Ngay từ tháng 11-1953, địch đã cho quân đánh ra Ninh Bình, Nho Quan, định thu hút chủ lực ta mà tiêu diệt; chúng cũng đã cho quân nhảy dù đánh chiếm Điện Biên Phủ.

2. Chiến cuộc Đông — Xuân 1953 — 1954, kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

Trong khi địch gặp khó khăn lúng túng thì ta lại có nhiều thuận lợi. Thắng lợi quân sự của ta, đặc biệt là thắng lợi bước đầu của cải cách ruộng đất, đã cổ vũ tinh thần kháng chiến của quân dân ta. Quân đội ta lại mới được chỉnh huấn nên tinh thần chiến đấu lên rất cao. Trước kế hoạch của địch, chúng ta phát động mạnh mẽ chiến tranh du kích để giam chân địch và đối phó với địch khi chúng tấn công. Còn bộ đội chủ lực sẽ chủ động tấn công địch vào những nơi sơ hở để buộc chúng phải phân tán ra đối phó (phá âm mưu tập trung quân của chúng).

Thực hiện chủ trương này, ta mở chiến cuộc Đông—Xuân 1953—1954 bao gồm một loạt chiến dịch và kết thúc bằng chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.



Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Đầu tiên, ta mở chiến dịch Tây Bắc vào tháng 12-1953 giải phóng được Lai Châu và bao vây Điện Biên Phủ buộc địch phải đem quân tăng viện cho vị trí này. Cũng trong tháng 12-1953, quân đội Pa-thét Lào phối hợp với quân tình nguyện của ta tấn công địch ở Trung Lào, giải phóng Khăm Muộn. Ta còn phối hợp với quân đội kháng chiến Miền đánh vào Đông Miền buộc địch phải tập trung thêm quân ở đây. Thế là ta đã chủ động và làm cho quân địch bị phân tán dần.

Nhưng vì vẫn còn giữ được Điện Biên Phủ nên địch cho rằng kế hoạch Na-va đã được thực hiện một phần. Tháng 1-1954 chúng liền mở chiến dịch đánh vào vùng tự do Liên Khu V của ta. Ta một mặt để cho bộ đội địa phương và du kích đối phó với địch, một mặt đem chủ lực tấn công vào Tây Nguyên giải phóng tỉnh Kon Tum và buộc địch phải bỏ dở chiến dịch của chúng để đem quân lên đối phó. Quân ta còn phối hợp với quân tình nguyện Lào đánh mạnh ở Thượng Lào, giải phóng tỉnh Phong Sa Li làm cho Điện Biên Phủ hoàn toàn bị cô lập.

Trong khi lực lượng chính quy của ta đánh địch ở các nơi thì chiến tranh du kích được phát động mạnh mẽ. Ở Nam Bộ, du kích đã tiêu diệt và bức rút hàng trăm đồn bót. Ở Bắc Bộ, đường số 5 bị du kích cắt đứt; khắp mọi nơi, du kích phá tề, trừ gian, lãnh đạo nhân dân chống càn quét... làm cho địch vô cùng khốn đốn.

Trên chiến trường cả nước đã diễn ra một sự phối hợp quy mô rộng lớn giữa mặt trận chính và mặt trận sau lưng địch. Kế hoạch Na-va định tập trung binh lực, bình định địch hậu, đánh phá vùng tự do của ta để tiến lên giành chủ động đã bị thất bại một phần lớn. Thế chủ động vẫn hoàn toàn thuộc về ta.

Đến đây, thời kì đầu của chiến cuộc Đông—Xuân 1953—1954 chấm dứt, ta chuyển sang thời kì thứ hai: tiêu diệt Điện Biên Phủ, một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch ở Đông Dương, khâu chính của kế hoạch Na-va.

CÂU HỎI

1. Vì sao năm 1953 địch đề ra kế hoạch quân sự Na-va? Nội dung kế hoạch Na-va như thế nào?

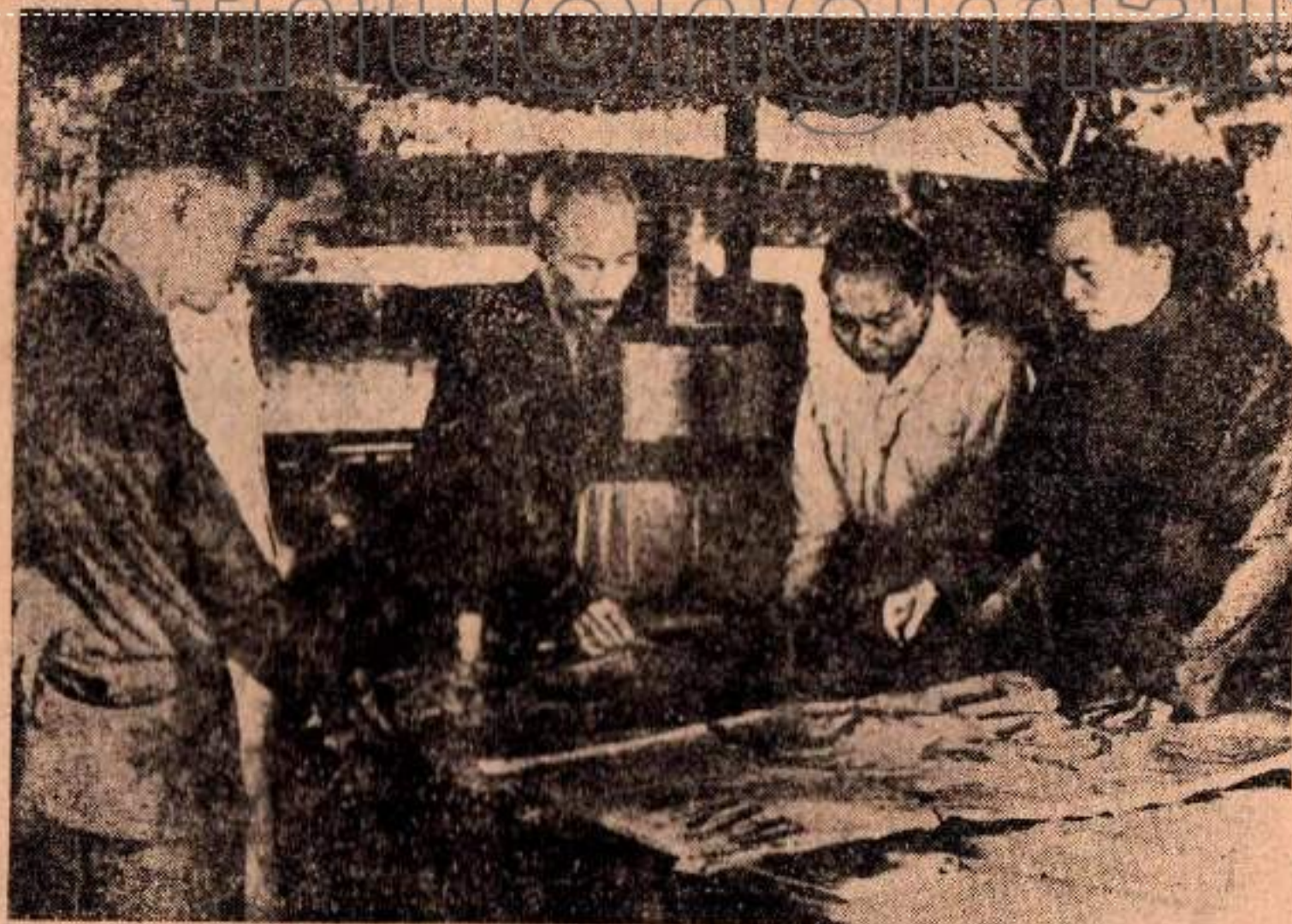
2. Vì sao năm 1953 Mỹ có âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương? Mỹ đã giúp Pháp thực hiện kế hoạch Na-va như thế nào?
3. Ta đã chủ trương đối phó với kế hoạch Na-va như thế nào? Ta có những thuận lợi gì?
4. Ta đã bước đầu phá tan kế hoạch Na-va như thế nào?

II — CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Để có thể tấn công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nhân dân ta đã dốc hết sức người, sức của ra chuẩn bị chiến dịch vĩ đại này.

Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm kiên cố nhất của địch ở Đông Dương. Ta lại chưa có kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm bao giờ. Hơn nữa Điện Biên Phủ lại ở miền núi rừng xa căn cứ địa của ta, việc giao thông vận tải, việc tiếp tế lương thực và vũ khí rất khó khăn. Chúng ta đã phải huy động hàng chục vạn dân công miền xuôi, miền ngược, vùng tự do, vùng



Trung ương Đảng bàn kế hoạch đánh Điện Biên Phủ

địch hậu, dùng đủ mọi cách chuyên chở (gánh, xe đạp thồ, thuyền bè...) để tải hàng vạn tấn lương thực, vũ khí lên mặt trận. Hàng vạn dân công đã cùng với công binh ngày đêm xẻ núi, vạch rừng, mở đường để đưa trọng pháo, cao xạ lên Điện Biên, mặc dù bom địch dội xuống núi rừng như mưa.

2. Diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau khi chuẩn bị xong, ngày 13-3-1954 ta mở cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ. Trước đó mấy ngày, du kích và bộ



Đoàn xe đạp thồ phục vụ chiến trường Điện Biên Phủ

đội địa phương đã đánh hai trường bay Cát Bi và Gia Lâm phá 78 phi cơ của địch, làm khó khăn cho địch trong việc tiếp tế vận tải bằng đường hàng không cho Điện Biên Phủ.

Đợt tấn công thứ nhất từ 13 đến 17-3-1954. Quân ta đánh vào khu Bắc gồm 3 vị trí Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo. Cuộc chiến đấu ở đồi Him Lam đêm 13-3-1954 diễn ra rất ác liệt, pháo ta đã át được pháo địch. Ngày hôm sau, ta đã chiếm đồi Độc Lập, còn địch ở vị trí Bản Kéo phải ra hàng.

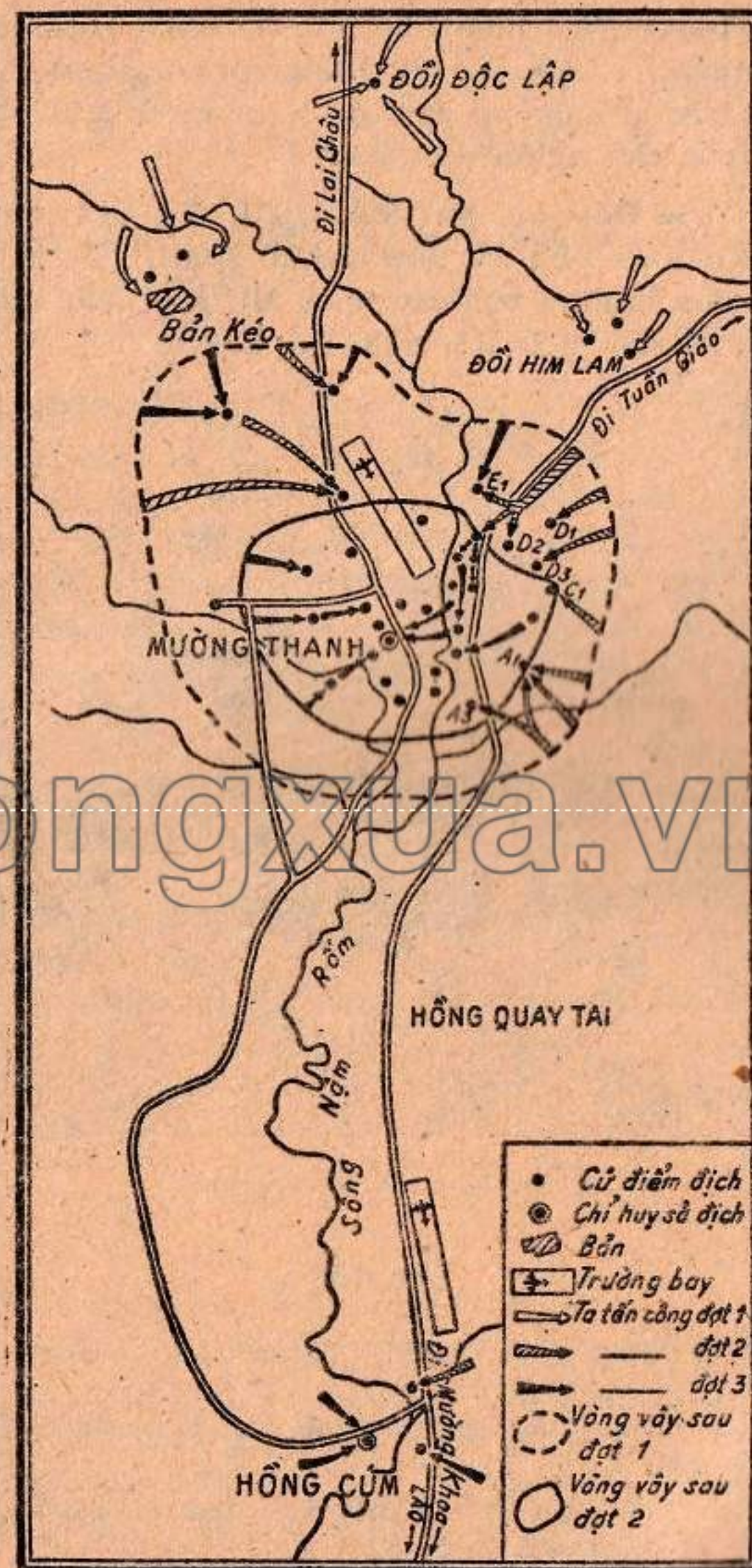
Đợt tấn công thứ hai từ 30-3 đến 24-4-1954 đánh vào khu Đông Mường Thanh và khu sân bay Mường Thanh. Đây là đợt gay go nhất. Bộ đội ta đã đào hàng trăm cây số giao thông hào, nhờ đó đã có thể tiến sát vị trí địch mà vẫn tránh được bom đạn. Đặc biệt các trận trên đồi A1, C1 diễn ra rất ác liệt, địch và ta giành nhau từng tấc đất, có khi trong 4, 5 ngày liền mỗi bên giữ một nửa đồi. Chúng ta đã bắn phá sân bay, cao xạ của ta hoạt động rất tích cực làm cho máy bay địch hoạt động rất khó khăn, nhất là việc tiếp tế cho Điện Biên Phủ bị ngăn trở.

Ngày 1-5, ta mở đợt tấn công cuối cùng đánh vào khu trung tâm Mường Thanh và khu Hồng Cúm ở phía Nam. Ngày 7-5, ta đánh bắt địch khỏi đồi A1 và bắt đầu cuộc tổng công kích. Chiều 7-5, toàn bộ quân địch và cả tên tướng Đơ Ca-xơ-ri chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã đầu hàng. Sau 55 ngày, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

3. Kết quả và ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ.

Toàn bộ chiến cuộc Đông—Xuân năm 1953—1954, mà đỉnh cao là chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi một cách vẻ vang. Trong cả chiến cuộc này, 112.000 quân địch đã bị tiêu diệt, ta phá hủy và hạ hàng trăm máy bay, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn. Riêng ở chiến dịch Điện Biên Phủ ta đã tiêu diệt và bắt sống 16.000 địch, bắn rơi và bắn hỏng trên 60 máy bay.

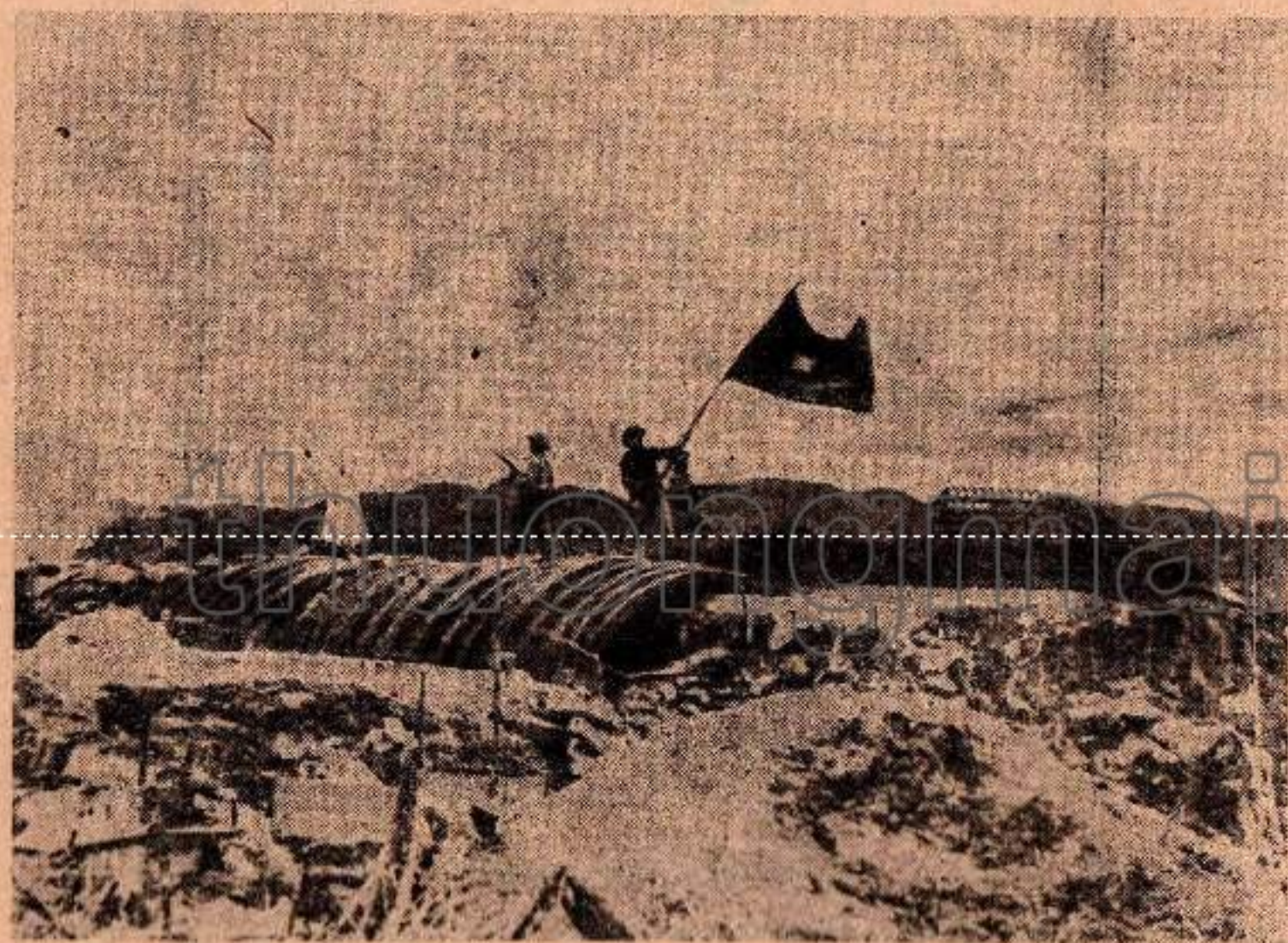
Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mĩ, là một trong những trận tiêu diệt lớn nhất trong lịch sử đấu tranh của các dân tộc bị áp bức chống một quân đội nhà nghề của bọn thực dân.



Các đợt tấn công của ta vào Điện Biên Phủ

Chiến thắng Điện Biên Phủ là niềm phấn khởi và tự hào của toàn quân và toàn dân ta, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Chiến cuộc Đông—Xuân 1953—1954, đặc biệt chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã đập tan kế hoạch Na-va của thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ, góp phần quyết định vào thắng lợi của ta ở Hội nghị Giơ-ne-vơ.



Chiếm hầm của Đơ Ca-xơ-ri

CÂU HỎI

1. Vị trí Điện Biên Phủ quan trọng như thế nào trong kế hoạch của địch ?
2. Ta đã khắc phục khó khăn như thế nào để chuẩn bị chiến dịch Điện Biên Phủ ?
3. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã diễn biến như thế nào ? Kết quả và ý nghĩa của chiến dịch đó ?

HỘI NGHỊ GIƠ-NE-VƠ VÀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

1. Việc triệu tập Hội nghị Giơ-ne-vơ và tình hình trước ngày Hội nghị.

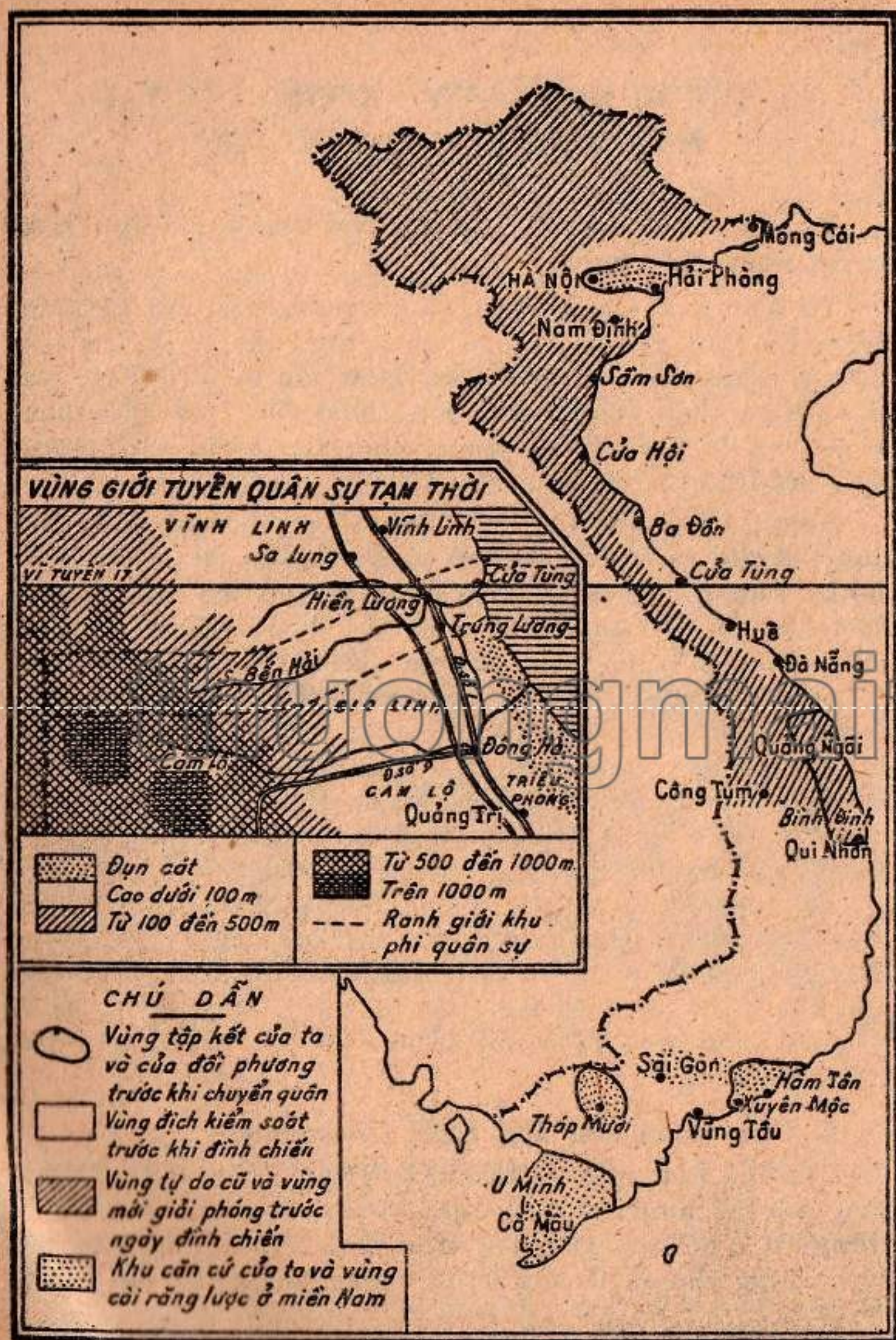
Từ đầu cuộc kháng chiến và cả trong suốt thời kì kháng chiến, Hồ Chủ tịch đã nêu rõ lập trường của ta là sẵn sàng thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam trên cơ sở thừa nhận độc lập và thống nhất đất nước của chúng ta. Nhưng đế quốc Pháp vẫn cố tình đeo đuổi chiến tranh, hòng đặt lại ách thống trị lên đầu lên cổ nhân dân ta.

Nhưng vào cuối năm 1953 bước sang đầu năm 1954, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến mới có lợi cho ta. Phong trào bảo vệ hòa bình thế giới lên cao, và đang tập trung đòi giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Đại hội Công đoàn thế giới lần thứ ba đã quyết định lấy ngày 19-12-1953 làm « Ngày quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam ». Phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Đông Dương ngày càng dâng cao và mở rộng. Nhưng quan trọng và quyết định là tình hình trong nước, ta chiến thắng liên tiếp trên các mặt trận và đang gây cho địch nhiều khó khăn lớn; trong các vùng địch tạm chiếm lúc này cũng đang có một phong trào đấu tranh chống bắt lính, nguy quân, nguy quyền tan rã từng mảng. Trong tình hình ấy, bọn hiếu chiến Pháp—Mỹ buộc phải nhận lời đề nghị của Liên Xô triệu tập một cuộc hội nghị ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) vào ngày 26-4-1954 để bàn về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương.

2. Diễn biến của Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Đến dự hội nghị có Liên Xô, Trung Quốc (1), Mỹ, Anh, Pháp và các nước có liên quan. Phái đoàn ta do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu. Lập trường của ta là hòa bình, thống nhất, độc lập và dân

(1) Trong Hội nghị phái đoàn Trung Quốc có những thỏa hiệp với Pháp phân bồi lại quyền lợi của Cách mạng ba nước Đông Dương.



Tình hình nước ta (trên đất liền) trong ngày đình chiến 7-1954

chủ. Ta đã đưa ra những đề nghị cụ thể đòi Pháp không những phải ngừng bắn mà còn phải công nhận chủ quyền độc lập của ta; không những phải giải quyết vấn đề Việt Nam mà phải giải quyết cả các vấn đề Cam-pu-chia, Lào. Trái lại, Pháp chỉ muốn bàn về việc ngừng bắn mà thôi. Chúng không muốn giải quyết vấn đề quyền độc lập tự do của các dân tộc Đông Dương. Cuộc đấu tranh trong hội nghị rất gay go. Phái đoàn ta đã kiên trì đấu tranh, vừa giữ vững lập trường, vừa tìm ra biện pháp để có thể đi đến kí kết một hiệp nghị. Trái lại, bọn Mĩ cố sức phá hoại Hội nghị. Ngoại trưởng Mĩ bỏ Hội nghị ra về. Trong khi ấy ở chiến trường Việt Nam, Pháp ngày càng thua đậm, phải rút một lúc hàng trăm vị trí ở đồng bằng Bắc Bộ. Nhân dân Pháp lại phản đối chiến tranh ngày càng mạnh, cử hàng trăm đoàn đại biểu đến Giơ-ne-vơ đòi Pháp phải kí kết với ta. Chính giữa lúc đó tin chiến thắng Điện Biên Phủ của ta đưa đến Hội nghị như một quả bom dội vào đầu bọn hiếu chiến Pháp-Mĩ. Từ đó Hội nghị tiến hành có kết quả hơn trước. Và đến 21-7-1954 thì Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được kí kết.

3. Nội dung và ý nghĩa lịch sử của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã quyết định việc chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương. Hiệp nghị công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam cũng như của Cam-pu-chia, Lào. Đối với Việt Nam, Hiệp nghị quy định ngày ngừng bắn, thời gian chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời là vĩ tuyến 17, cấm hai bên trả thù những người cộng tác với đối phương... và quy định ngày 20-7-1956 một cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước ta sẽ được tổ chức để thống nhất Việt Nam.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ là một thắng lợi bước đầu của nhân dân Việt Nam và nhân dân Đông Dương. Nó đã kết thúc cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Một nửa đất nước ta đã được hoàn toàn giải phóng, có điều kiện để kiến thiết vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Hiệp nghị là cơ sở

pháp lí cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Nó đã ngăn chặn được âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của bọn đế quốc hiếu chiến do Mỹ cầm đầu. Nó còn là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ trên thế giới và là một sự cổ vũ đối với nhân dân các nước bị áp bức đang đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân.

CÂU HỎI

1. Nguyên nhân vì đâu mà có Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954?
2. Lập trường của ta và của địch ở Hội nghị như thế nào? Vì sao cuối cùng thực dân Pháp phải kí kết Hiệp nghị?
3. Trình bày tóm tắt nội dung Hiệp nghị Giơ-ne-vơ và qua đó nêu lên những thắng lợi bước đầu của ta.

CHƯƠNG III

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM

BÀI 11

TÌNH HÌNH NƯỚC TA VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN TA SAU KHI HÒA BÌNH LẬP LẠI

1. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

Sau khi Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được kí kết, chúng ta đã nghiêm chỉnh thi hành lệnh ngừng bắn. Tất cả các lực lượng vũ trang của ta đã ngừng bắn theo đúng ngày giờ quy định. Các chiến sĩ của ta ở miền Nam đã tạm biệt gia đình, quê hương, đồng bào để chuyển quân ra Bắc đúng thời hạn. Từ binh Pháp đã được Chính phủ ta giao trả đầy đủ. Trái lại,

đối phương đã giữ lại một số người bị bắt trong kháng chiến không chịu trao trả cho ta. Chúng ta đã lần lượt tiếp quản tốt các khu vực chiếm đóng cũ của Pháp ở miền Bắc. Ngày 10-10-1954, bộ đội ta đã tiến vào thủ đô Hà Nội giữa rừng cờ và hoa của đồng bào. Đến ngày 16-5-1955, những đơn vị cuối cùng của quân Pháp đã rời khỏi Hải Phòng. Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng.

Khi chuyển giao cho ta các đô thị, Pháp và tay sai tìm cách lấy đi rất nhiều tài sản công cộng, máy móc của các nhà máy, thiết bị của các cơ quan, trường học, bệnh viện. Nhưng nhân dân, đặc biệt là công nhân vùng tạm bị chiếm đã đấu tranh mạnh mẽ bằng nhiều hình thức, như đòi Pháp phải để máy móc lại hoặc tìm cách cất giấu máy móc để sau trao lại Chính phủ ta. Nhờ vậy mọi hoạt động ở vùng vừa được giải phóng đã nhanh chóng trở lại bình thường. Đời sống được ổn định ngay.

Nhìn chung lại, sau 300 ngày thi hành Hiệp định, chúng ta đã thực hiện đúng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch sau hòa bình mới lập lại là « Quyết làm đúng những điều đã kí kết với Chính phủ Pháp, đồng thời đòi Chính phủ Pháp phải làm đúng những điều họ đã kí kết với ta ».

2. Đế quốc Mỹ âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

Hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã làm thất bại âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương của đế quốc Mỹ, nhưng đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ những âm mưu và hành động đen tối của chúng. Chúng tìm cách hất cẳng dần Pháp ra khỏi Đông Dương. Ngay từ khi Hiệp nghị sắp được kí kết, Mỹ đã buộc Chính phủ Pháp phải đưa tên bán nước Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền bù nhìn. Mỹ lại lập khối xâm lược Đông Nam Á và đặt miền Nam Việt Nam dưới quyền bảo hộ của khối này. Sau đó, Mỹ đã liên tiếp đưa nhiều cố vấn, huấn luyện viên quân sự và vũ khí vào miền Nam, giúp chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng quân đội bù nhìn, thẳng tay khủng bố, tàn sát nhân dân miền Nam. Chính quyền Ngô Đình Diệm theo lệnh đế quốc Mỹ đã từ chối không chịu hiệp thương với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa để bàn việc tổ chức tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc vào tháng 7-1956 như Hiệp nghị Giơ-ne-vơ quy định.

Tất cả những sự việc trên nói rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai nhằm phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, muốn chia cắt lâu dài nước ta, biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ xâm lược của đế quốc Mỹ.

3. Nhiệm vụ cách mạng mới của nhân dân ta ở hai miền.

Ngày 19-5-1955 việc tập kết chuyển quân của hai bên đã hoàn thành. Nước ta tạm thời chia làm hai miền. Miền Bắc nước ta đã được hoàn toàn giải phóng khỏi bàn tay của bọn đế quốc. Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc lúc này là phải đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành căn cứ cách mạng của cả nước. Còn ở miền Nam thì Mỹ Diệm đã lập nên một chính quyền độc tài phát-xít tay sai của đế quốc để áp bức bóc lột khủng bố tàn sát nhân dân, phá hoại sự nghiệp thống nhất nước nhà của ta. Vì thế nhân dân miền Nam phải làm cách mạng đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Thế là mỗi miền có một nhiệm vụ cụ thể khác nhau, nhưng cả hai miền đều có một nhiệm vụ chung là đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai để giải phóng miền Nam nhằm hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước và tiến tới thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

CÂU HỎI

1. Việc thi hành Hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã đưa lại cho ta những thắng lợi gì?
2. Sau khi Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được kí kết, đế quốc Mỹ có âm mưu gì đối với miền Nam Việt Nam? Chúng đã làm những gì để thực hiện âm mưu đó?
3. Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và miền Nam sau khi hòa bình lập lại như thế nào?

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC

I — KHÔI PHỤC KINH TẾ VÀ HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT (1955 — 1957)

1. Tình hình kinh tế miền Bắc sau khi hòa bình lập lại.

Khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đứng trước một nền kinh tế kiệt quệ và lạc hậu.

Nông thôn các vùng tạm bị chiếm bị tàn phá nặng, ruộng đất bị bỏ hoang, nhiều nơi còn là vành đai trắng đầy những mìn và dây thép gai, lò cốt; trâu bò bị giết hại nhiều, nông cụ bị phá hủy. Ở thành thị, công nghiệp và thủ công nghiệp không phát triển, hàng hóa đều nhập của nước ngoài. Còn ở vùng tự do ta có phát triển nông nghiệp và thủ công nghiệp, nhưng cũng không được bao nhiêu. Trong tất cả các ngành kinh tế nói chung, còn lậm ấn theo lối riêng lẻ. Kinh tế quốc doanh chiếm phần nhỏ bé. Trong kháng chiến chúng ta mới tiến hành cải cách ruộng đất ở một số xã. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến còn đè nặng lên đầu lên cổ tuyệt đại đa số nông dân. Vì thế việc khôi phục kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân là một đòi hỏi cấp bách của miền Bắc được giải phóng.

2. Khôi phục kinh tế và cải cách ruộng đất thắng lợi (1955 — 1957).

Đứng trước tình hình đó, từ năm 1955, Đảng và Chính phủ đề ra chủ trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đồng thời đẩy mạnh cải cách ruộng đất để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Bắc và bước đầu cải thiện đời sống của nhân dân. Kết quả là qua cải cách ruộng đất, trên 81 vạn héc-ta ruộng đất, 10 vạn trâu bò và 2 triệu nông cụ đã được chia cho nông dân lao động. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến đã vĩnh viễn bị xóa bỏ.

« Người cày có ruộng » một ước mơ bao đời của nông dân ta, đến nay đã được thực hiện.

Nông dân hăng hái phá vỡ ruộng hoang, bảo đảm cây cấy ruộng đất của đồng bào bị địch cưỡng ép di cư vào Nam. Các hệ thống nông giang, đề điều bị địch phá hoại trong thời kì kháng chiến đã được sửa chữa; trâu bò được nuôi thêm nhiều; các tổ đổi công bắt đầu phát triển, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất. Đến cuối năm 1957, tổng sản lượng nông nghiệp đã đạt mức trước chiến tranh.

Các xí nghiệp công nghiệp quan trọng, như mỏ than Hồng Gai, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy xi măng Hải Phòng... lần lượt được khôi phục. Một số nhà máy mới được xây dựng thêm như nhà máy chè Phú Thọ, nhà máy cà hộp Hải Phòng, nhà máy cơ khí Hà Nội, nhà máy gỗ dán Cầu Đuống, nhà máy diêm Thống nhất, nhà máy thuốc lá Thăng Long v.v... Cuối năm 1957, đã có 97 xí nghiệp do Nhà nước quản lí. Đối với các nhà tư sản dân tộc, Chính phủ giúp đỡ và hướng dẫn họ tiếp tục sản xuất góp phần vào việc khôi phục kinh tế, đồng thời đấu tranh chống việc đầu cơ tích trữ và hạn chế sự bóc lột của họ đối với công nhân.

Về mặt giao thông vận tải, ta đã xây dựng lại gần 700 km đường sắt bị phá hoại, trong đó có con đường xe lửa Hà Nội — Lạng Sơn là quan trọng nhất. Thương nghiệp được phát triển — mở thêm nhiều cửa hàng mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán, việc buôn bán với nước ngoài được mở mang, tính đến năm 1957 ta đã đặt quan hệ buôn bán với tất cả 27 nước trên thế giới.

Đến cuối năm 1957, tổng sản lượng nông nghiệp, thủ công nghiệp, công nghiệp của ta đã xấp xỉ mức năm 1939 là năm sản lượng cao nhất trước chiến tranh; 1/4 số nông hộ vào tổ đổi công, thợ thủ công cũng được tổ chức thành tổ sản xuất hay hợp tác xã thủ công nghiệp. Thành phần kinh tế quốc doanh đã phát triển, chiếm 10% tổng sản lượng công nông nghiệp và nắm các ngành then chốt trong nền kinh tế quốc dân. Giá các hàng chính được ổn định. Nhờ vậy đời sống nhân dân đã bước đầu được giải quyết, nạn thất nghiệp căn bản không còn nữa.

CÂU HỎI

1. Tình hình kinh tế miền Bắc nước ta sau khi hòa bình lập lại như thế nào? Tình hình ấy đòi hỏi chúng ta phải làm gì?
2. Kết quả cụ thể và ý nghĩa thắng lợi của cải cách ruộng đất?
3. Chúng ta đã làm những gì để khôi phục kinh tế? Kết quả của việc khôi phục kinh tế?

II — KẾ HOẠCH 3 NĂM CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA (1958—1960) VÀ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 — 1965)

1. Kế hoạch 3 năm cải tạo, phát triển kinh tế, văn hóa (1958 — 1960) và củng cố chính quyền nhân dân.

Đầu năm 1958, công cuộc khôi phục kinh tế nói chung đã hoàn thành thắng lợi. Đảng và Nhà nước lãnh đạo nhân dân bước vào thực hiện kế hoạch 3 năm (1958 — 1960) nhằm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, phát triển văn hóa.

Ở nông thôn, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp được tiến hành rộng khắp. Đến cuối năm 1960 đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa: 85% nông hộ, 76% diện tích ruộng đất đã được hợp tác hóa. Nhờ làm ăn tập thể, những biện pháp kĩ thuật ngày càng được sử dụng nhiều như làm phân bón, nông cụ cải tiến, làm thủy lợi. Vụ mùa năm 1959 năng suất bình quân đạt gần 25 tạ một héc-ta. Sản lượng lúa là hơn 5 triệu tấn (năm 1939: 2.407.000 tấn). Cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề cá đều phát triển.

Thợ thủ công cũng được tổ chức thành hợp tác xã thủ công nghiệp. Đối với giai cấp tư sản dân tộc, Chính phủ tổ chức những xí nghiệp công tư hợp doanh để đưa họ vào cách làm ăn mới. Đến giữa năm 1960, 97,2% hộ tư sản ở miền Bắc đã vào công tư hợp doanh.

Nền công nghiệp và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng phát triển nhanh chóng. Năm 1957, mới có 97 xí nghiệp quốc doanh, đến năm 1960 đã có 172 xí nghiệp quốc doanh và trên

500 cơ sở công nghiệp địa phương. Sản lượng công nghiệp quốc doanh chiếm 49,5% tổng giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp. Năm 1960, mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán chiếm 90% tổng giá trị bán buôn bán lẻ.

Những tiến bộ về mặt kinh tế tạo điều kiện cho văn hóa, giáo dục phát triển. Nạn mù chữ được xóa bỏ về căn bản ở miền xuôi đối với những người lớn dưới 50 tuổi; hơn 10 triệu người đã biết đọc, biết viết. Tổng số học sinh phổ thông tăng 80% so với năm 1957. Chúng ta đã có 9 trường đại học với 11070 sinh viên. Các ngành văn hóa khác và ngành y tế cũng phát triển mạnh.

Song song với tất cả những hoạt động kinh tế và văn hóa nói trên, chính quyền dân chủ nhân dân đã không ngừng được củng cố. Ta đã tổ chức bầu cử lại hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp. Để bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tháng 5-1955, Khu tự trị Thái Mèo⁽¹⁾ được thành lập, tiếp đó tháng 8-1956, Khu tự trị Việt Bắc cũng ra đời. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thành lập tháng 9-1955. Quân đội nhân dân được xây dựng thành chính quy hiện đại, lực lượng công an và dân quân tự vệ được phát triển rộng rãi khắp các địa phương. Uy tín chính trị của nước ta không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

Bản Hiến pháp mới của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được ban hành đầu năm 1960 đã khẳng định những thành tích về mọi mặt và đánh dấu sự trưởng thành của nhà nước ta.

Nhìn chung lại, sau kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa (1958—1960), bộ mặt miền Bắc nước ta đã thay đổi về căn bản; các giai cấp bóc lột về căn bản đã bị thủ tiêu, quan hệ người bóc lột người hầu như không còn nữa. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và nửa xã hội chủ nghĩa đã chiếm đại bộ phận trong nền kinh tế quốc dân.

3. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961—1965).

Trên cơ sở thắng lợi của kế hoạch 3 năm (1958—1960), Đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng lao động Việt Nam

⁽¹⁾ Sau đổi là Khu tự trị Tây Bắc. Hiện nay đã bỏ cấp khu.

(9-1960) đã vạch ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đề phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961—1965).

Nội dung chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất nhằm «phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội».

Sau khi kế hoạch 5 năm được công bố, phong trào «cải tiến quản lý và cải tiến kỹ thuật» trong nông nghiệp đã nâng cao dần năng suất lao động và sản lượng cây trồng. Tính đến cuối năm 1965 đã có 80% hợp tác xã sản xuất nông nghiệp chuyển lên bậc cao, nhiều hợp tác xã đã đạt hoặc vượt năng suất 5 tấn lúa trên một héc-ta. Đồng thời, cuộc vận động «3 xây, 3 chống» ở các xí nghiệp công nghiệp và các ngành kinh tế quốc doanh đã nâng cao ý thức quản lý và quyền làm chủ xí nghiệp của người công nhân. Giá trị sản lượng công nghiệp từ 33,5% năm 1960 tăng lên 39,7% vào năm 1965. Những cơ sở đầu tiên về cơ khí, luyện kim, hóa chất được xây dựng và dần dần đi vào sản xuất. Hàng trăm xí nghiệp công nghiệp địa phương được xây dựng. Trên miền Bắc đã dần dần hình thành một nền công nghiệp vừa khai thác vừa chế biến, bao gồm nhiều ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ.

Về văn hóa, đến năm 1963 hầu hết nhân dân miền Bắc nước ta đều đã biết đọc, biết viết. Ngành bồi dưỡng văn hóa phát triển nhanh. Các trường phổ thông trong 5 năm qua tăng hơn 30%. Năm học 1959—1960 có 6240 trường với hơn 1,5 triệu học sinh, đến năm học 1964—1965 có 9300 trường với hơn 2,6 triệu học sinh. Nền văn học, nghệ thuật với nội dung xã hội chủ nghĩa và tinh chất dân tộc ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Đến tháng 12-1965, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Ban chấp hành trung ương Đảng đã nhận định: «Trải qua hơn mười năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh⁽¹⁾».

⁽¹⁾ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng (12-1965).

CÂU HỎI

1. Vì sao chúng ta tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp? Kết quả và ý nghĩa của công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp?
2. Ta đã cải tạo công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh như thế nào?
3. Trong thời kì 1958 — 1960, nền kinh tế của ta đã phát triển như thế nào?
4. Ý nghĩa thắng lợi của công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, từ 1958 đến 1960?
5. Nội dung chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 — 1965). Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch ấy đã đưa lại những biến đổi gì trong đời sống kinh tế và văn hóa của miền Bắc nước ta?

BÀI 13

MIỀN NAM TIẾP TỤC CUỘC CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1954 — 1965)

I — MIỀN NAM SAU KHI HÒA BÌNH LẬP LẠI VÀ CUỘC ĐẤU TRANH ANH DUNG CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NAM CHỐNG MĨ — DIỆM

I. Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mĩ.

Sau khi hòa bình lập lại, Chính phủ ta luôn luôn thi hành đúng đắn những điều khoản của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ và nhiều lần đề nghị với chính quyền miền Nam mở hội nghị hiệp thương để bàn vấn đề thống nhất Tổ quốc. Nhưng đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai không ngừng phá hoại Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta và biến miền Nam nước ta thành một thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng.

Để thực hiện âm mưu đó, đế quốc Mĩ đã đưa tên tay sai Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống và giúp tên này dựng nên ở miền Nam một chế độ độc tài, phát-xít vô cùng tàn bạo. Dưới chế độ ấy, mọi quyền tự do dân chủ tối thiểu của con người đều bị thủ tiêu. Hơn cả những tên bạo chúa hồi trước,

lũ sát nhân Mĩ — Diệm đã áp dụng những hình thức tra tấn, giết người man rợ nhất như treo cổ, mổ bụng, moi gan, chọc tiết hay chôn sống người... Từ những vụ thảm sát Duy Xuyên, chợ Đước, Mỏ Cày, Hương Điền, Đá Bàn, Phú Lợi... đến những cuộc càn quét đẫm máu để dồn dân lập «ấp chiến lược», với bom na-pan, chất độc hóa học và máy chém, Mĩ — Diệm đã gieo rắc cho đồng bào miền Nam không biết bao nhiêu tang tóc và đau thương.

Về kinh tế, dưới chiêu bài «viện trợ», đế quốc Mĩ đã biến miền Nam thành nơi đưa vốn vào kinh doanh, và là nơi tiêu thụ hàng hóa thừa ế của chúng. Nền kinh tế miền Nam vì vậy bị suy sụp nghiêm trọng, các ngành nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp đều bị bế tắc, tiền tệ mất giá và giá sinh hoạt không ổn định. Thuế má hết sức nặng nề. Nạn thất nghiệp lan tràn, 2 triệu người lao động không có công ăn việc làm.

Văn hóa, giáo dục ở miền Nam càng bị thảm hơn nữa. Sách báo, phim ảnh, vũ nhạc dâm ô, cuồng loạn của Mĩ tràn vào đầu độc thanh niên và thiếu niên miền Nam. Trong khi đó, trường học thiếu thốn, nhiều trẻ em đến tuổi đi học mà không được học.

Thêm vào đó, đế quốc Mĩ đã xây dựng ở miền Nam một bộ máy quân sự khổng lồ. Chà đạp trắng trợn Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, Mĩ đã đưa vào miền Nam hàng vạn sĩ quan và binh lính, hàng ngàn máy bay, hàng trăm tàu chiến, hàng vạn tấn vũ khí để giúp chính quyền Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu «dùng người Việt đánh người Việt». Chúng đã lập ra ở miền Nam Bộ chỉ huy quân sự Mĩ và đã tiến hành một «cuộc chiến tranh không tuyên bố» để chống lại nhân dân miền Nam. Ngoài ra chúng còn xây dựng các căn cứ không quân, hải quân, các con đường chiến lược... vạch ra kế hoạch «bình định» miền Nam trong vòng 18 tháng.

Chính sách cướp nước và bán nước của bè lũ Mĩ — Diệm đã làm cho miền Nam nước ta sau khi hòa bình lập lại đã trở thành một thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mĩ. Đời sống nhân dân miền Nam ngày càng khốn khổ, xã hội miền Nam rối loạn và ngừng trệ.

2. Cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam chống ách thống trị của Mĩ—Diệm (1954—1960).

Trước tình hình đó, đồng bào miền Nam vốn giàu truyền thống yêu nước bất khuất, đã kiên quyết đấu tranh chống ách thống trị của Mĩ—Diệm.

Mục tiêu cuộc đấu tranh ngay sau khi hòa bình lập lại là đòi thi hành Hiệp nghị Giơ-ne-vơ, đòi hòa bình thống nhất, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, đòi đảm bảo những quyền lợi thiết thân của nhân dân như tự do đi lại, giảm tô, giảm tức, cải thiện sinh hoạt, tự do lập nghiệp đoàn, v.v... Phong trào đòi hòa bình thống nhất đầu tiên nổ ra ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Huế, rồi lan ra nhiều nơi khác. Tiếp đó là những phong trào đấu tranh chống Mĩ—Diệm bày tỏ «trung cầu dân ý», tuyên cử Quốc hội riêng rẽ, «tố cộng, diệt cộng» v.v...

Đặc biệt, nông dân đã đứng dậy đấu tranh chống trở ngại «cải cách điền địa» của Mĩ—Diệm để bảo vệ những quyền lợi đã giành được trong thời kỳ kháng chiến, «kiên quyết giữ nguyên canh ruộng đất» chống địa chủ tăng tô, v.v...

Giai cấp công nhân đã nêu cao vai trò tiên phong của mình trong phong trào đấu tranh chung và trong những cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi tăng lương, đòi tiền phụ cấp, chống Mĩ—Diệm chia rẽ các nghiệp đoàn. Ngày 1-5-1956, 15 vạn công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn, Chợ Lớn đã phối hợp tổ chức mít-tinh và biểu tình kỷ niệm ngày Quốc tế lao động.

Trong phong trào đấu tranh ngày càng lên cao của đồng bào miền Nam, Mĩ—Diệm đã đối phó bằng những thủ đoạn cực kỳ tàn bạo, như đưa ra đạo luật 10-59 «đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật» lê máy chém đi khắp nơi để tàn sát và đe dọa đồng bào ta.

Nhưng bạo lực của kẻ thù đã đẩy nhân dân miền Nam đến chỗ phải dùng bạo lực cách mạng để quét đổ chúng.

Đêm 17-1-1960, quần chúng nhân dân Bến Tre với gậy gộc, giáo mác, súng ống các loại nhất tề «đồng khởi» diệt ác ôn, đánh đồn bốt, cướp súng địch, giành quyền làm chủ. Từ Bến Tre, phong trào «đồng khởi» như nước vỡ bờ lan khắp

các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

Thắng lợi của phong trào «đồng khởi» làm lung lay đến tận gốc chế độ nguy quyền tay sai, đẩy cuộc chiến đấu chống Mĩ—Diệm của nhân dân miền Nam sang một thời kỳ mới.

CÂU HỎI

1. Sau khi hòa bình lập lại, đế quốc Mĩ đã làm những gì để biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng?
2. Tại sao xã hội miền Nam ngừng trệ, và đời sống nhân dân ngày càng khốn khổ?
3. Trước dã tâm cướp nước và bán nước của Mĩ—Diệm, nhân dân miền Nam đã đấu tranh như thế nào? Kể những phong trào đấu tranh sau ngày hòa bình lập lại.
4. Tại sao đồng bào miền Nam phải dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai?

II — MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THÀNH LẬP VÀ CAO TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM

1. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập (20-12-1960).

Sang năm 1960, tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển có lợi cho cách mạng miền Nam.

Ở miền Nam, khi thế cách mạng của nhân dân ngày một dâng cao. Trong phong trào «đồng khởi» nhân dân miền Nam đã kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang nổi dậy khởi nghĩa từng phần, làm tan rã hệ thống cai trị của địch trong một vùng nông thôn rộng lớn. Đây là một bước nhảy vọt quan trọng, chuyển cách mạng miền Nam sang thế tiến công, phát triển cao trào cách mạng. Ở miền Bắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thu được nhiều thắng lợi. Đến tháng 9-1960, Đại hội lần thứ ba của Đảng Lao động Việt Nam thành công rực rỡ đã có một tiếng vang không những ở miền Bắc mà cả đến miền Nam.

Ở bên ngoài, tình hình thế giới phát triển ngày càng có lợi cho cách mạng miền Nam. Bên cạnh sự lớn mạnh không ngừng của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang cao như vũ bão làm cho hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân tiếp tục tan rã từng mảng lớn. Bộ mặt ghê tởm của đế quốc Mỹ là tên trùm của chủ nghĩa thực dân mới ngày càng phơi trần và bị nhân dân thế giới phỉ nhổ. Cách mạng thế giới ở thế tiến công liên tục vào chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân.



Các em thiếu nhi dân tộc Pa kô (Tây Nguyên) vót chống chuẩn bị chống Mỹ-ngụy

Trước tình hình đó, ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời để lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, nên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, cả một số đồng binh lính và nhân viên chính quyền Diệm đều nhiệt liệt hoan nghênh và hưởng ứng. Mặt trận đã trở thành trung tâm đoàn kết tất cả lực lượng yêu

nước ở miền Nam và là người đại diện chân chính của nhân dân miền Nam Việt Nam. Rồi ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang tự vệ có từ trước đổi tên là Giải phóng quân; và đến đầu năm 1962, Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam.



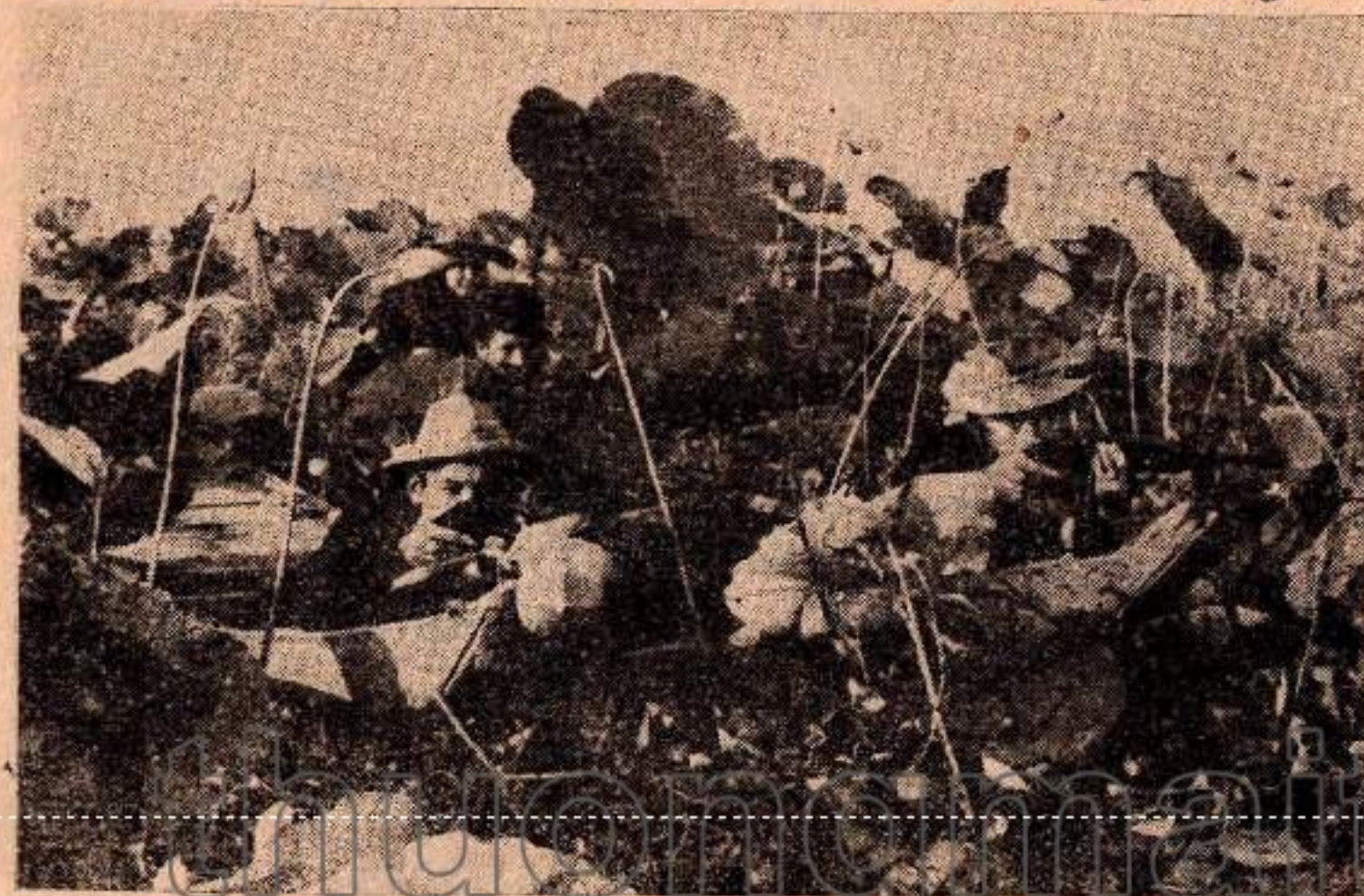
Quân giải phóng đánh chiếm xe tăng địch

Đảng theo chủ nghĩa Mac — Lê-nin, cũng được thành lập và tham gia Mặt trận làm cho uy tín của Mặt trận không ngừng nâng cao trong nước và trên thế giới.

2. Cao trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam.

Sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam thành lập, phong trào đấu tranh ở miền Nam phát triển mạnh mẽ với một quy mô chưa từng thấy. Từ miền rừng núi đến miền đồng bằng và thành thị, đâu đâu cũng có phong trào quật khởi của quần chúng, đâu đâu cũng có bóng cờ của Mặt trận. Nhân dân đã đứng lên đấu tranh mạnh mẽ với địch, tổ chức những cuộc mít-tinh, biểu tình rộng lớn chống các âm mưu, chính sách của Mỹ — Diệm, đòi các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống. Phong trào đấu tranh vũ trang chống lại những cuộc can quét đẫm máu của Mỹ—Diệm không ngừng

phát triển. Đầu năm 1963, chiến thắng vang dội Ấp Bắc đã nêu cao tinh thần chiến đấu vô cùng dũng cảm của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Từ đó, với phong trào «thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công», quân dân miền Nam ngày càng thu



Du kích Đồng Tháp Mười phục kích địch

thêm những thắng lợi lớn: Sóc Trăng, Lộc Ninh, Hiệp Hòa, Chà Lã, Biên Hòa, Bình Giả, v.v... Hàng vạn quân địch bị loại ra khỏi vòng chiến đấu, và hàng trăm quân Mỹ bỏ mạng. Hàng vạn vũ khí của Mỹ — Diêm đã lọt vào tay nhân dân. Hàng trăm đồn bốt, máy bay, xe tăng, tàu chiến của địch đã bị Quân giải phóng phá hủy. Số binh lính của địch mang theo vũ khí trở về với nhân dân ngày càng nhiều. Ngô Đình Diệm bị quan thầy Mỹ phế bỏ. Nguy quyền miền Nam càng khủng hoảng mục nát. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, những trại tập trung trá hình gọi là «khu trừ mật», «ấp chiến lược» lần lượt sụp đổ. Nguy quyền ở các thôn xã tan rã từng mảng lớn. Vùng giải phóng và vùng kiểm soát của Mặt trận tiếp tục mở rộng nhanh chóng (1). Ở vùng giải

(1) Tính đến giữa năm 1965, đã có 4/5 đất đai và trên 10 triệu nhân dân miền Nam được giải phóng.

phóng, chính sách Mặt trận được thực hiện, đời sống kinh tế và văn hóa dần dần đổi mới. Nhiều xã có tổ đổi công, có trường học, nhà y tế, đội văn nghệ... Ở miền núi, nhiều nơi đã có chữ viết. Kế hoạch bình định miền Nam trong 18 tháng để thực hiện cuộc «chiến tranh đặc biệt» của Mỹ rõ ràng là đã hoàn toàn phá sản. Chúng đã phải nói đến đánh lâu dài mới mong «bình định» được miền Nam Việt Nam. Đồng bào miền Nam anh hùng thật xứng đáng là «Thành đồng Tổ quốc».



Quân giải phóng miền Nam Việt Nam xông lên tiêu diệt bộ binh địch

3. Đồng bào miền Bắc và nhân dân thế giới nhiệt liệt ủng hộ cách mạng miền Nam.

Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam vì vậy đã được nhân dân cả nước hết lòng hết sức ủng hộ. Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các chính đảng, đoàn thể đã liên tục tố cáo, lên án âm mưu xâm lược và gây chiến của đế quốc Mỹ. Hàng triệu đồng bào khắp nơi từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến rừng núi đã tham gia các cuộc

đấu tranh chống Mĩ—Diệt tàn sát và giết hại nhân dân miền Nam. Biến căm thù thành hành động, đồng bào miền Bắc đã đem hết nhiệt tình lao động để xây dựng miền Bắc thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam. Phong trào kết nghĩa Bắc—Nam; phong trào thi đua «Vi miền Nam ruột thịt», «Ngày thứ bảy vì đấu tranh thống nhất» đã gắn chặt đồng bào ruột thịt hai miền trong công cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là đế quốc Mĩ. Tất cả nhân dân miền Bắc đều hướng về «Tuyên đầu Tổ quốc», kẻ vai sát cánh với đồng bào miền Nam, hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam cho đến khi thắng lợi hoàn toàn.



Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thăm đơn vị quân giải phóng vừa chiến thắng trận Bàu Bàng ngày 15-7-1965

Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam để thống nhất Tổ quốc là một bộ phận của cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống đế quốc Mĩ. Vì vậy, nhân dân toàn thế giới ngày càng tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa và

anh dũng của nhân dân ta. Ngày 20-7, ngày kỉ niệm kỉ kết Hiệp nghị Giơ-ne-vơ đã trở thành ngày «Quốc tế đoàn kết với lao động và nhân dân miền Nam Việt Nam chống đế quốc Mĩ xâm lược bảo vệ hòa bình».

CÂU HỎI

1. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam thành lập trong hoàn cảnh (trong nước và thế giới) nào?
2. Chủ trương của Mặt trận ra sao và ảnh hưởng của Mặt trận đã phát triển như thế nào?
3. Trình bày một vài nét về cao trào cách mạng của nhân dân miền Nam sau khi Mặt trận Dân tộc giải phóng ra đời.
4. Nhân dân miền Bắc đã làm gì để thiết thực ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam?
5. Nhân dân toàn thế giới đối với cách mạng miền Nam như thế nào?

BÀI 14

TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC ĐỂ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, BẢO VỆ MIỀN BẮC TIẾN TỚI HÒA BÌNH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1965 — 1975)

I — NHÂN DÂN HAI MIỀN NAM BẮC LIÊN TIẾP ĐÁNH BẠI NHỮNG ÂM MƯU XÂM LƯỢC TÀN BẠO CỦA ĐẾ QUỐC MĨ

1. Đánh bại «chiến tranh phá hoại» ở miền Bắc và «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam.

Trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, đế quốc Mĩ đã đi từ thất bại này đến thất bại khác và đang đứng trước một nguy cơ bị thất bại hoàn toàn.

Để cứu vãn tình thế, đế quốc Mĩ liền lĩnh mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc và chuyển sang «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam.

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ liên tiếp đưa nhiều máy bay vào đánh phá một số tỉnh trên miền Bắc nước ta. Lần đầu tiên, quân và dân miền Bắc, đọ sức với các lực lượng không quân hiện đại của Mỹ, đã anh dũng, bình tĩnh đánh trả chúng quyết liệt. Kết quả là quân dân ta đã bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương 3 chiếc khác và bắt sống một giặc lái.

Hành động điên cuồng của Mỹ đã không uy hiếp nổi tinh thần của nhân dân miền Bắc, mà trái lại càng khơi sâu thêm lòng căm thù của đồng bào ta đối với chúng. Với phong trào thi đua «Mỗi người làm việc bằng hai» nhân dân miền Bắc nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu, để xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa thành hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.

Sau 4 năm chiến đấu anh dũng, nhân dân miền Bắc đã giành được thắng lợi vẻ vang. Hàng ngàn máy bay phản lực Mỹ đã bị bắn rơi trên miền Bắc (1). Trong khói lửa chiến tranh, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa căn bản vẫn được giữ vững và một số ngành lại được phát triển thêm. Đến năm 1967 số nông hộ của hợp tác xã nông nghiệp đã chiếm 93,7% tổng số hộ nông dân lao động; hợp tác xã bậc cao chiếm 88,8% số hộ đã vào hợp tác xã. Sản xuất công nghiệp căn bản được giữ vững, công nghiệp địa phương phát triển mạnh. Những nhu cầu thiết yếu nhất của sản xuất và chiến đấu được bảo đảm, đời sống thời chiến của nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế chẳng những không bị ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ. Mạch máu giao thông của ta từ hậu phương ra tiền tuyến không phút nào ngừng trệ.

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân vào, trực tiếp xâm lược nước ta (2). Với «Chiến tranh cục bộ», đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã tự phơi trần bộ mặt cướp nước và bán nước.

Mùa khô 1965—1966 và mùa khô 1966—1967 đế quốc Mỹ huy động gần toàn bộ lực lượng của chúng để phản công

(1) Tính từ 5-8-1964 đến 1-11-1968 quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3 243 máy bay Mỹ gồm 47 kiểu thuộc loại tối tân nhất.

(2) Cuối năm 1965, số quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ đưa vào miền Nam đã lên đến 20 vạn.

quân ta hòng nhanh chóng tiêu diệt các đơn vị chủ lực Quân giải phóng, kết thúc chiến tranh, buộc ta phải đầu hàng chúng.

Thực tế chiến trường đã diễn ra ngược hẳn lại với dự kiến của chúng. Do tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh, tinh thần chiến đấu của binh lính Mỹ ngày càng giảm sút; trái lại quân dân ta, sau mười năm chiến đấu, đã lớn mạnh về mọi mặt. Cả hai cuộc phản công mùa khô của đế quốc Mỹ đều bị quân dân ta đánh trả mưu trí, dũng cảm, làm cho thất bại thảm hại. Từ giữa năm 1967 đế quốc Mỹ buộc phải chuyển sang thế phòng ngự chiến lược và không tổ chức được một cuộc hành quân nào đáng kể.



Canh giữ bầu trời sẵn sàng bắn rơi máy bay Mỹ

Đầu xuân năm 1968, quân dân miền Nam, thừa thắng vùng dậy như bão táp, đánh liên tục, đánh khắp nơi trên các chiến trường miền Nam, kể cả những nơi đô thị, thị trấn và những sào huyệt cuối cùng của giặc Mỹ và tay sai. Quân ta đã làm chủ thành phố Huế 25 ngày, làm chủ một phần Sài Gòn, giải phóng thêm 1,2 triệu đồng bào, tiêu diệt và làm tan

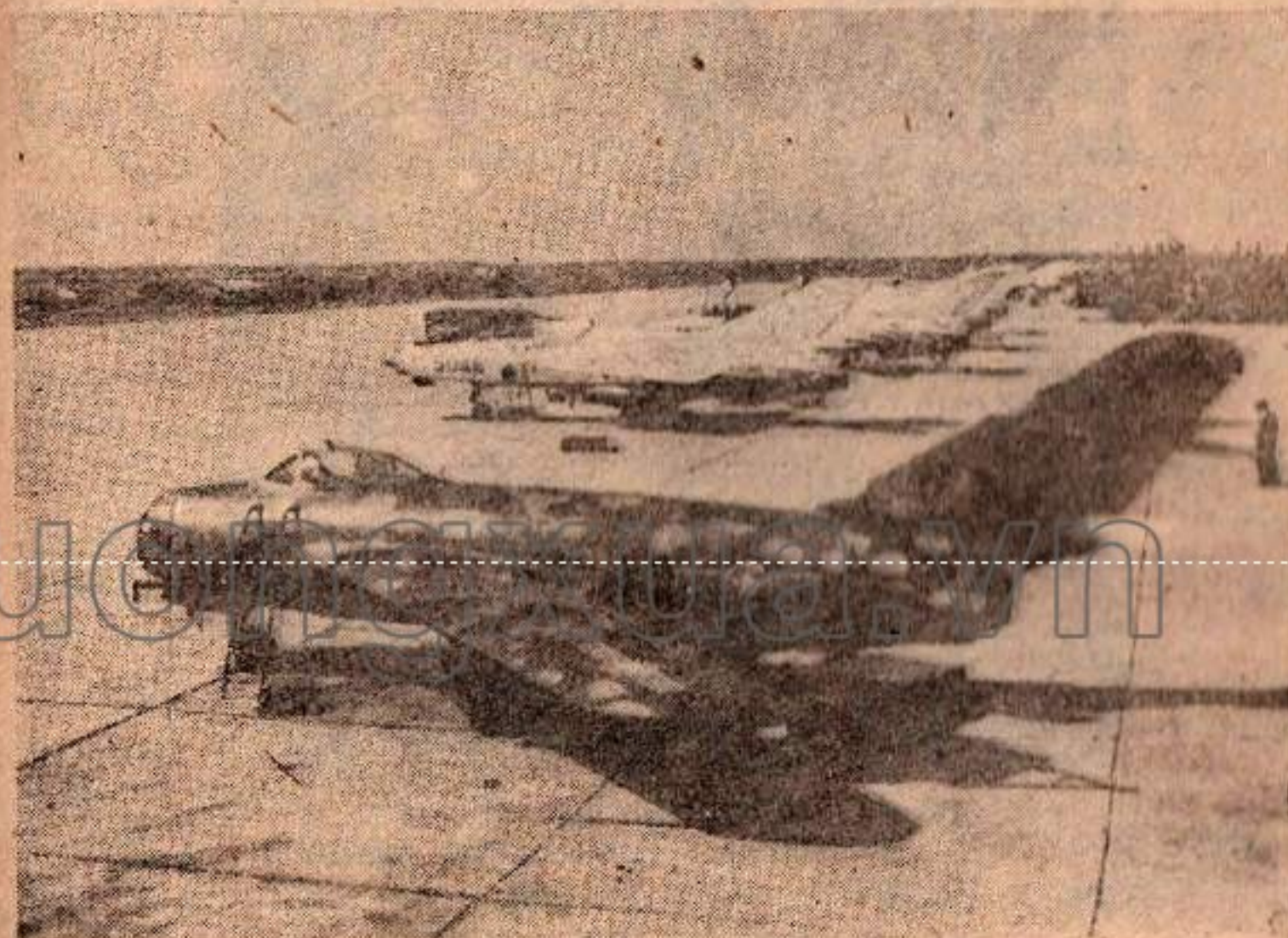
rã hơn 20 vạn tên địch, phá hủy và bắn rơi 1800 máy bay. Lực lượng cách mạng lớn mạnh vượt bậc. Trong cả năm 1968, quân và dân miền Nam đã loại ra ngoài vòng chiến đấu 63 vạn tên địch trong đó có 23 vạn Mĩ và chư hầu. Tiếp sau đó, 6 tháng đầu năm 1969 quân dân miền Nam đã diệt và bắt 33 vạn tên địch trong đó có 14,5 vạn Mĩ và chư hầu⁽¹⁾. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng. Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều nơi. Các cải cách dân chủ được thực hiện.



Tên lửa Hà Nội chuẩn bị chiến đấu

(1) Qua 2 mùa khô 1965 — 1966 và 1966 — 1967, nhân dân miền Nam đã loại ra ngoài vòng chiến đấu đến 29 vạn tên địch, trong đó có 12,8 vạn quân Mĩ và chư hầu.

Uy tín và địa vị của Mặt trận Dân tộc giải phóng không ngừng được củng cố trên trường quốc tế. «Thắng lợi đầu xuân của quân và dân miền Nam đã đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế rất có lợi, và không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai...»⁽¹⁾.



Đoàn X không quân nhân dân miền Bắc sẵn sàng xuất kích

Chiến thắng vang dội ở cả hai miền buộc đế quốc Mĩ phải hạn chế ném bom miền Bắc, nói chuyện với Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Pa-ri. Ngày 1-11-1968, Mĩ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và bắn phá trên toàn miền Bắc. Rồi ngày 18-1-1969 Mĩ phải thừa nhận đại diện của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tham dự Hội nghị thương lượng bốn bên tại Pa-ri.

(1) Điện của Hồ Chủ tịch gửi đồng bào miền Nam ngày 4-2-1968.



*« O du kích nhỏ giương cao súng
Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu
Ra thế to gan hơn bèo búng,
Anh hùng đâu cứ phải mày râu ! »*

Thơ TỐ HỮU

2. Đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" ở miền Nam và "chiến tranh phá hoại" lần thứ hai ở miền Bắc.

Bị thua đau, đế quốc Mĩ càng điên cuồng giãy giụa. Đầu năm 1969 tổng số quân viễn chinh Mĩ ở miền Nam lên đến 543.482 tên (con số cao nhất). Chính thời gian này Nich-xon thay Giôn-xon lên cầm quyền ở Mĩ. Vào Nhà trắng Nich-xon đưa ra chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» nhằm rút quân Mĩ về nước để quân nguy thay thế, nhưng có sự yểm trợ

mạnh của mọi loại vũ khí Mĩ, kéo dài và mở rộng dần cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Đầu năm 1970, đế quốc Mĩ dùng Lon-non lật đổ chính phủ của Xi-ha-nuc ở Cam-pu-chia, đưa quân Mĩ và quân nguy sang xâm lược Cam-pu-chia. Đầu năm 1971 chúng lại kéo quân sang xâm lược Nam Lào. Chiến tranh đã lan rộng ra toàn bán đảo Đông Dương.

Nhân dân miền Nam Việt Nam, sau khi thu được những thắng lợi to lớn trong cả năm 1968, đã từng bừng mở Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam, nhất trí bầu ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (6-1969).

Sự kiện lịch sử này làm nức lòng nhân dân cả nước. Hai miền thi đua sản xuất chiến đấu, quyết tâm đánh bại chiến lược «Việt Nam hóa chiến tranh» của đế quốc Mĩ.

Giữa lúc đó, Hồ Chủ tịch từ trần (3-9-1969). Tinh cảm sâu nặng của mọi người đối với lãnh tụ vô vàn kính yêu, đã nhân ý chí và sức mạnh chiến đấu lên gấp bội.

Nhân dân miền Nam phối hợp với nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào anh em, đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng lần lượt đánh bại mọi cuộc hành quân của bọn Mĩ nguy, đẩy chúng vào thế bị động lung tung.

Mùa xuân năm 1972, quân dân miền Nam Việt Nam bất ngờ mở cuộc tấn công với quy mô lớn giáng vào đầu Mĩ nguy suốt từ Quảng Trị tới Cà Mau.

Trong 5 tháng tiến công và nổi dậy, 28 vạn tên địch bị bắt và bị giết, từng mảng hệ thống «bình định» bị phá tung, hàng triệu đồng bào ta được giải phóng.

Bị thất bại chua cay ở miền Nam, đế quốc Mĩ liền giở trò đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân lần thứ hai từ 16-4-1972. Ngay từ những ngày đầu tiên, chúng đã dùng cả B52 đánh vào thành phố Hải Phòng. Chúng ném bom dã man các vùng đông dân và liên tiếp đánh phá hệ thống đê điều. Trước khi đánh phá miền Bắc, đầu năm 1972 Nich-xon đã đến Bắc Kinh, bàn bạc với bọn cầm quyền phản động Trung Quốc chống lại cách mạng Việt Nam (1).

(1) Xem thêm sách Trắng về quan hệ Việt Nam — Trung Quốc 30 năm qua.



*Bác Hồ nói chuyện trong buổi họp
của Hội đồng Chính phủ cuối năm 1967.*

- Ngày 18-2-1972, khi Hội nghị Pa-ri sắp đi vào giai đoạn kết thúc, Nich-xơn đích thân ra lệnh cho các «pháo đài bay» ném bom Hà Nội. Tiếp đó, suốt 12 ngày đêm, đế quốc Mỹ đã dùng B52 ném bom đánh phá man rợ Hà Nội, Hải Phòng và một số thị trấn khác ở miền Bắc.

Quân dân miền Bắc, dày dạn kinh nghiệm, bình tĩnh đánh địch quyết liệt, thu được thắng lợi vẻ vang: hạ 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 B52, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm giặc lái.

Bị thất bại thảm hại, Nich-xơn buộc phải bỏ cuộc, kết thúc cuộc tập kích chiến lược vào miền Bắc, xin trở lại thương lượng để kí kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

CÂU HỎI

1. Tại sao đế quốc Mỹ phải chuyển sang «chiến tranh cục bộ» ở miền Nam? «Chiến tranh cục bộ» đã tạo ra những khó khăn gì cho Mỹ? Kết quả của «chiến tranh cục bộ» như thế nào?
2. «Việt Nam hóa chiến tranh» là gì? Âm mưu thâm độc của «Việt Nam hóa chiến tranh» là gì? Đế quốc Mỹ bị thất bại trong «Việt Nam hóa chiến tranh» như thế nào?
3. Tại sao đế quốc Mỹ hai lần đánh phá miền Bắc? Tình hình miền Bắc qua hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ như thế nào? Chứng minh sự thất bại của đế quốc Mỹ qua hai lần đánh phá miền Bắc.

II— HỘI NGHỊ PA-RI VÀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

I. Diễn biến của Hội nghị Pa-ri.

Cuối năm 1967 đầu năm 1968, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến chuyển mới có lợi cho ta. Phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ, đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Đông Dương ngày càng dâng cao và mở rộng. Trên chiến trường Việt Nam đế quốc Mỹ bị đánh đau ở cả hai miền Nam Bắc. Vì vậy, chúng buộc phải thương lượng hòa bình với ta tại Pa-ri.

Đến dự Hội nghị Pa-ri có 4 đoàn: Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa (do Bộ trưởng Xuân Thủy làm trưởng đoàn, có cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ); đoàn đại biểu chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (do Bộ trưởng Nguyễn Thị Bình làm trưởng đoàn); đoàn đại biểu chính phủ Mỹ và đoàn đại biểu ngụy quyền Việt Nam cộng hòa.

Lập trường của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là:

Mĩ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Mĩ phải tôn trọng quyền tự quyết và bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình, thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ. Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình. Phái đoàn Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được sự ủng hộ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân cách mạng trên thế giới đã kiên trì đấu tranh giữ vững lập trường, đồng thời tìm ra biện pháp để có thể đi đến kí kết một hiệp nghị. Trái lại phía Mỹ và phía Việt Nam cộng hòa cố sức phá hoại hội nghị làm cho Hội nghị Pa-ri kéo dài mấy năm liền mà không tiến triển được bao nhiêu.

Tháng 10-1972 miền Nam ta thắng rất lớn. Nich-xơn thì sắp bước vào những tuần lễ cuối cùng của cuộc giành giật lá phiếu để ở lại Nhà trắng thêm một nhiệm kì nữa. Vì vậy để quốc Mỹ phải thỏa thuận với ta thảo ra một bản hiệp định đình chiến và sẽ kí kết với nhau vào tháng 10-1972. Nhưng phía Mỹ cố tình lẩn tránh rồi ngày 18-12-1972 bất ngờ mở cuộc tập kích chiến lược bằng pháo đài bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều nơi khác. Cuộc tập kích bị quân và dân miền Bắc trừng phạt đích đáng. Mỹ buộc phải trở lại Hội nghị Pa-ri để thảo luận những yêu cầu ta nêu ra. Ngày 27 tháng 1 năm 1973 tại Pa-ri, bộ trưởng ngoại giao bốn bên đã kí chính thức Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

2. Nội dung và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri.

Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như hiệp định năm 1954 về Việt Nam đã công nhận.

Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu về quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Việc



Quang cảnh phòng họp tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Pa-ri trong buổi lễ kí chính thức Hiệp định Pa-ri sáng 27-1-1973



Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
Nguyễn Duy Trinh kí hiệp định Pa-ri



Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa
miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình kí Hiệp định Pa-ri

bảo đảm những nguyên tắc về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là :

«a) Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và được tất cả các nước tôn trọng.

«b) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

«c) Các nước ngoài sẽ không được áp đặt bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào đối với nhân dân miền Nam Việt Nam.

Hiệp định quy định Mỹ phải từ bỏ chính sách xâm lược nước ta, và sau hai tháng kể từ ngày kí quân đội Mỹ phải rút khỏi nước ta.

Việc đạt được một hiệp định như vậy là một thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Đây là kết quả của mấy chục năm đoàn kết chiến đấu đầy hi sinh gian khổ và vô cùng dũng cảm của quân và dân Việt Nam trong cả nước.

Hiệp định đã được kí kết, nhưng bọn Mỹ ngụy vẫn chưa từ bỏ âm mưu phá hoại Hiệp định. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta còn phải tiếp tục cho đến thắng lợi hoàn toàn.

CÂU HỎI

1. Nguyên nhân vì đâu mà có Hội nghị Pa-ri năm 1968 ?
2. Lập trường của ta và của địch ở Hội nghị Pa-ri như thế nào ? Vì sao cuối cùng ta đã thắng lợi ?
3. Trình bày tóm tắt nội dung Hiệp định Pa-ri và qua đó nêu lên những thắng lợi của ta ?

III— NHÂN DÂN VIỆT NAM ĐẤU TRANH BẢO VỆ HIỆP ĐỊNH PA-RI

Sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết, chúng ta chủ trương nêu cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc, tôn trọng và nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pa-ri. Trái lại, đế quốc Mỹ vẫn thực hiện âm mưu «Việt Nam hóa chiến tranh» trong

hoàn cảnh mới, tiếp tục dùng nguy quyền Sài Gòn làm công cụ của chủ nghĩa thực dân mới. Chúng thực hiện công thức: quân nguy + cố vấn và viện trợ Mỹ để chiếm giữ lâu dài miền Nam nước ta.

Cả năm 1973 Mỹ Thiệu tập trung mọi lực lượng, mọi phương tiện, lấy «bình định» và lấn chiếm làm biện pháp chủ yếu, hòng xóa bỏ vùng giải phóng, xóa bỏ chính quyền cách mạng, xóa bỏ lực lượng vũ trang nhân dân.

Trước tình hình nghiêm trọng như vậy, Trung ương Đảng ta quyết định: «Địch không thi hành hiệp định, tiếp tục chiến tranh Việt Nam hóa, thực chất là chiến tranh thực dân kiểu mới hòng chiếm lấy cả miền Nam, thì ta không có con đường nào khác là phải tiến hành chiến tranh cách mạng, tiêu diệt chúng, giải phóng miền Nam»⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, từ tháng 4 đến tháng 10 năm 1974, nhân dân miền Nam nổi dậy liên tục tiến công địch, chiếm lại các vùng đất bị cướp đoạt, mở rộng vùng giải phóng, củng cố chính quyền cách mạng.

Những thành công to lớn của ta về nhiều mặt đã dồn bọn địch vào thế bị động, lúng túng. Nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu đứng trước một cuộc khủng hoảng toàn diện và sâu sắc.

Trong lúc khi thế đấu tranh của nhân dân miền Nam lên rất mạnh thì nhân dân miền Bắc từng bước vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngay sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết, nhân dân miền Bắc ra sức lao động hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định đời sống nhân dân. Trong hai năm (1973 — 1974) miền Bắc đã cung cấp hàng chục vạn chiến sĩ cho tiền tuyến. Công tác chuẩn bị, sẵn sàng chiến đấu tiến hành tích cực. Miền Bắc quyết tâm phấn đấu trở thành hậu phương hùng mạnh, chi viện với mức cao nhất cho cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam.

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1973.

IV— CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, căn cứ vào tình hình phát triển mạnh mẽ của cách mạng trong cả nước, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp một cuộc hội nghị lịch sử, nhất trí đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975 — 1976)⁽¹⁾.

Bộ Chính trị chỉ thị cho các lực lượng vũ trang phải đánh địch liên tục và có những đòn tiến công lớn trong năm 1975 để tiến lên tổng công kích giải phóng hoàn toàn miền Nam năm 1976.

Cuối cùng Bộ Chính trị còn dự kiến một kế hoạch cực kì quan trọng là: nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Những năm 1973 — 1975 bọn phản động Trung Quốc tìm nhiều cách cản trở nhân dân ta giải phóng miền Nam. Ngày 19-1-1974 được sự thỏa thuận của Mỹ, Trung Quốc đem quân đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của chúng ta⁽²⁾.

1. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lớn.

Nguy quyền Sài Gòn chia miền Nam thành bốn quân khu⁽³⁾. Tây Nguyên (thuộc quân khu 2 nguy) là một vùng cao nguyên rộng lớn có vị trí rất quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế.

(1) Hội nghị Bộ Chính trị sắp kết thúc thì một tin vui lớn từ miền Nam đưa tới: Ngày 6-1-1975, ta đã giải phóng thị xã Phước Long và toàn tỉnh Phước Long. Đây là tỉnh đầu tiên của miền Nam được giải phóng. Đế quốc Mỹ hùng hổ đe dọa can thiệp nhưng cuối cùng không dám hành động vì đang gặp những khó khăn chồng chất về đối nội và đối ngoại.

(2) Xem thêm sách Trắng về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 30 năm qua.

(3) Quân khu 1: Từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, chúng có 5 sư đoàn chủ lực.

Quân khu 2: Gồm toàn bộ Tây Nguyên và các tỉnh ven biển từ Bình Định đến Bình Thuận, chúng có 2 sư đoàn.

Quân khu 3: Tức miền Đông Nam Bộ, chúng có 3 sư đoàn.

Quân khu 4: Gồm các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, chúng có 3 sư đoàn.

Lực lượng của địch ở Tây Nguyên lên đến 12 vạn quân (trong đó có hơn một sư đoàn chủ lực) chủ yếu đóng giữ ở Kon Tum, Plây Cu, Cheo Reo, Buôn Ma Thuột.

Đầu năm 1975, chúng phán đoán ta chưa đủ sức đánh vào bốn nơi trên hoặc có đánh thì cũng không đánh Buôn Ma Thuột, nơi vùng sâu của chúng và ở quá xa miền Bắc.

Năm được sai lầm của địch, ta tổ chức những trận đánh nghi binh vào Plây Cu, Kon Tum; cắt đứt các đường giao thông từ Tây Nguyên xuống đồng bằng, cắt rời bắc với nam Tây Nguyên; giữ bí mật lực lượng bao vây Buôn Ma Thuột.

Đúng 2 giờ sáng ngày 10-3 ta tập tấp giới bao lửa vào Buôn Ma Thuột. Sau đó bộ binh và xe tăng của ta ào ạt tiến vào chiếm thị xã.



Quân ta đánh chiếm Sở chỉ huy sư đoàn 23 ngày ở Buôn Ma Thuột

Mất Buôn Ma Thuột, địch cho quân nhảy dù phản kích, nhưng càng bị thua đau hơn.

Trước nguy cơ có thể bị tiêu diệt lớn, địch vội vã rút quân khỏi Tây Nguyên về cố thủ đồng bằng.

Lập tức ta tổ chức truy kích bao vây, chặn đánh địch ở mọi ngã. Hơn 10 vạn quân nguy trên Tây Nguyên hầu như bị tiêu diệt hoàn toàn.

Thừa thắng, quân ta tiến về giải phóng luôn các tỉnh Bình Định (1-4), Phú Yên (1-4) Khánh Hòa (3-4). Quân khu 2 nguy bị xóa bỏ.

Chiến thắng Tây Nguyên, làm cho bọn địch choáng váng, hoang mang cực độ, còn quân dân cả nước ta vô cùng phấn khởi.

Với chiến thắng Tây Nguyên, cục diện chiến tranh bước sang một giai đoạn mới. Quân dân ta từ chỗ tiến công từng bộ phận phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn bộ chiến trường miền Nam.

2. Chiến dịch Huế — Đà Nẵng thắng lớn.

Khi Tây Nguyên nổ súng thì những hoạt động phối hợp của quân dân Trị-Thiên, Quảng-Đà bắt đầu diễn ra. Chỉ trong vòng 20 ngày đầu tháng 3-1975, quân ta tiến công nhiều đồn bốt, quân lỵ, chi khu quân sự địch. Hàng trăm đội công tác vũ trang thọc sâu vào vùng địch, phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh.

Ngày 18-3, tỉnh Quảng Trị đồng loạt nổi dậy đánh địch. Ngày 19-3 quân ta kéo vào thị xã Quảng Trị, giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị.

Chỉ trong một thời gian ngắn vừa mất Tây Nguyên vừa mất Quảng Trị, địch phải co cụm lực lượng về phòng thủ Huế — Đà Nẵng.

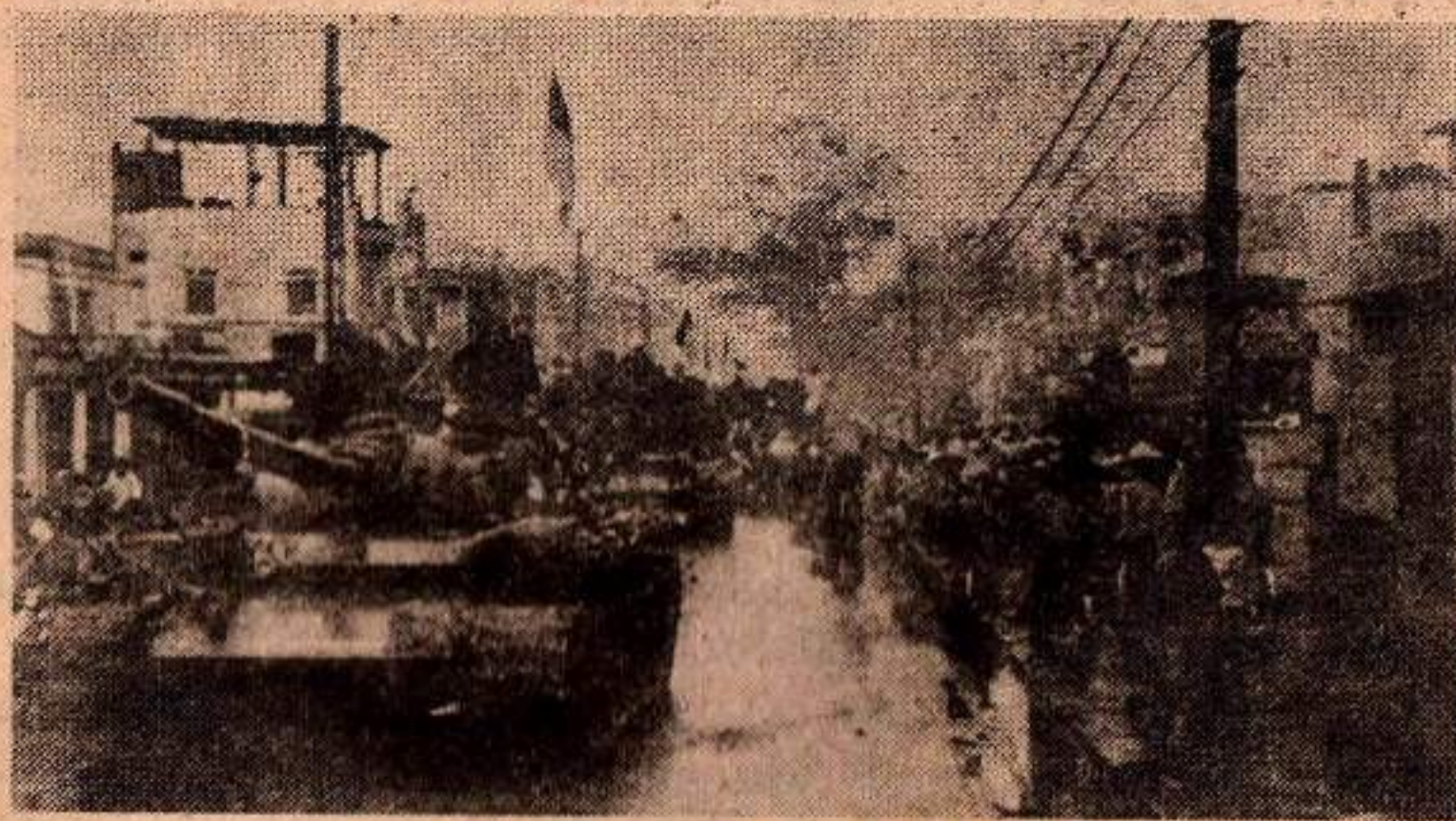
Ngày 22-3 ta bắt đầu tiến công Huế từ nhiều hướng đồng thời chặn đường rút chạy của địch trên đường bộ, trên biển, trên không. Đúng 10 giờ 30 phút ngày 25-3, quân và dân ta đã giải phóng cố đô Huế.

Cùng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ (24-3) và toàn tỉnh Quảng Ngãi (25-3).

Mất chỗ đứng cả mạn bắc và mạn nam, địch tập trung quân về Đà Nẵng, quyết liều chết ở đây. Chúng cho rằng quân ta muốn tiến công Đà Nẵng thì ít nhất phải có một tháng chuẩn bị.



Quân ta tiến vào giải phóng cố đô Huế



Quân ta tiến vào giải phóng Đà Nẵng

Ngày 25-3 Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở trận tiến công căn cứ quân sự liên hợp, hiện đại Đà Nẵng với tư tưởng chỉ đạo «kip thời, nhanh chóng, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng».

Bộ đội địa phương, các binh đoàn chủ lực của ta nhanh chóng áp sát bao vây thành phố.

Bọn địch rối loạn, tranh nhau chạy trốn bằng máy bay.

Sáng ngày 28-3, ngoài đánh vào trong nội dãy, chỉ trong vòng 32 giờ ta đã dũng mãnh tiêu diệt hơn 10 vạn quân địch, thu toàn bộ vũ khí, giải phóng thành phố Đà Nẵng.

Chiến dịch Huế — Đà Nẵng đại thắng đã tiêu diệt 5 sư đoàn chủ lực nguy, xóa bỏ quân khu 1 nguy.

Bè lũ Mỹ Thiệu hết sức kinh hoàng, lâm vào tình trạng gần như tuyệt vọng trước sức mạnh «long trời đất lở» của quân và dân ta.

3. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Trải qua một tháng tiến công và nổi dậy, quân dân ta giành thắng lợi vô cùng to lớn. Sức mạnh của ta nhân lên gấp bội. Trái lại, lực lượng địch về mọi mặt bị giảm sút gần một nửa, phải lui về phòng thủ từ Phan Rang trở vào, trong thế trận đảo lộn, mất tinh thần.

Để cứu nguy cho bọn nguy, đế quốc Mỹ cử tướng Uay-en, tham mưu trưởng lực lượng quân Mỹ đến Sài Gòn trực tiếp chỉ đạo việc phòng thủ.

Chúng lập ra ba tuyến phòng thủ: tuyến trung tâm Sài Gòn, tuyến vòng ngoài (cách Sài Gòn khoảng 30 km) tuyến từ xa (đến Phan Rang).

Chính phủ Mỹ còn cho máy bay viện trợ khẩn cấp mọi thứ cho chính quyền nguy.

Cuối tháng 3-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã khẳng định: «Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... Phải tập trung nhanh nhất lực lượng binh khí kỹ thuật và vật chất, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa» (tức tháng 5-1975).

Từ đầu tháng 4-1975, nhân dân cả nước ra quân như trẩy hội; sẵn sàng hi sinh tất cả sức người, sức của, giành thắng lợi trong trận quyết chiến cuối cùng.

Ngày 9-4, quân ta bắt đầu đánh vào tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch ở Xuân Lộc. Ngày 14-4 ta tiến công địch ở Phan Rang. Cả hai nơi đều có vị trí xung yếu nên địch liều chết chống giữ. Nhiều trận chiến đấu ác liệt đã xảy ra. Ngày 16-4 ta chiếm được Phan Rang. Ngày 21-4, ta giải phóng được Xuân Lộc⁽¹⁾.

Mĩ—nguy rơi vào tình trạng hoảng loạn⁽²⁾.

Toàn thế giới chăm chú theo dõi tình hình Việt Nam.

Ngày 22-4-1975 Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch chính thức của chiến dịch Hồ Chí Minh.

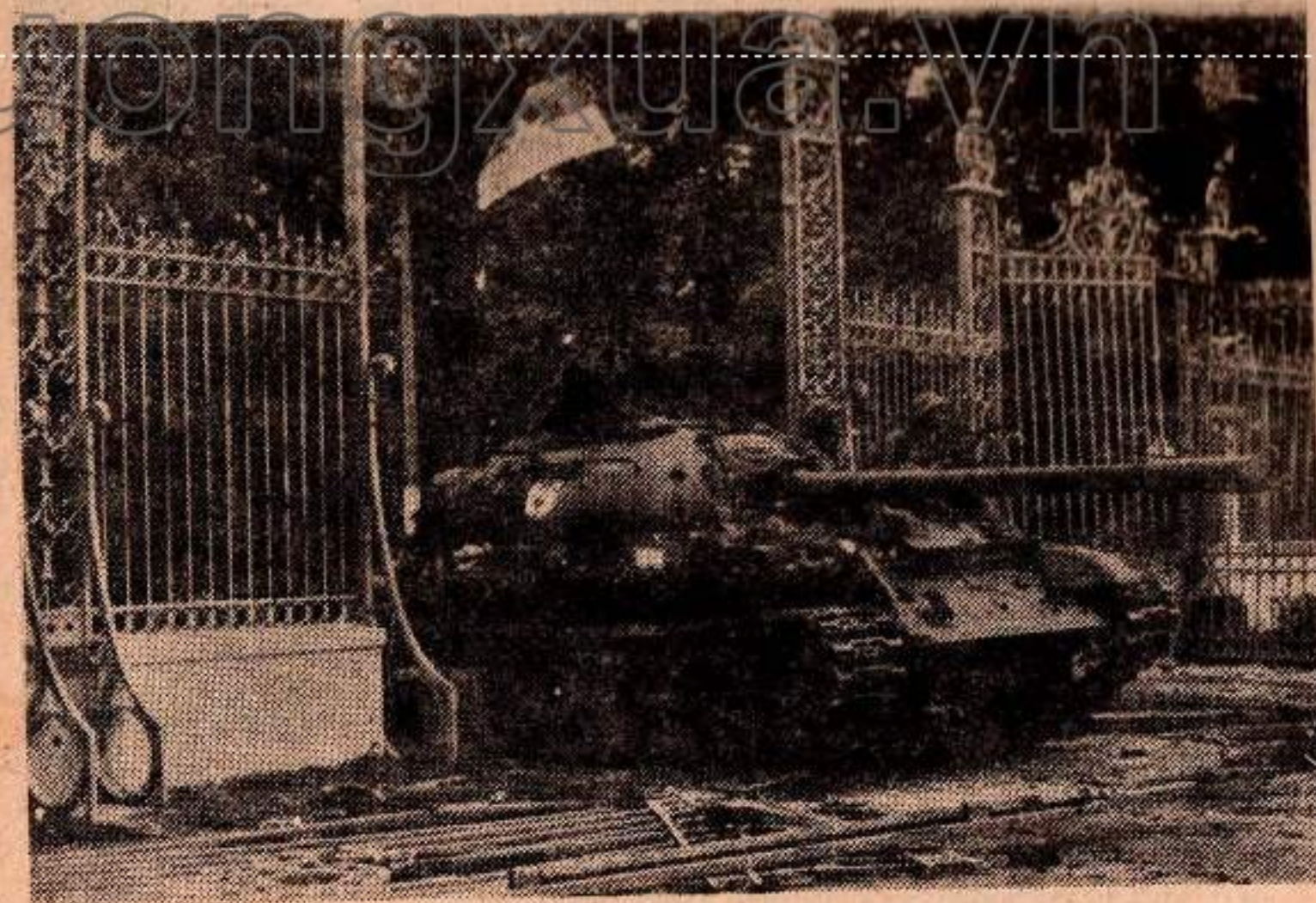
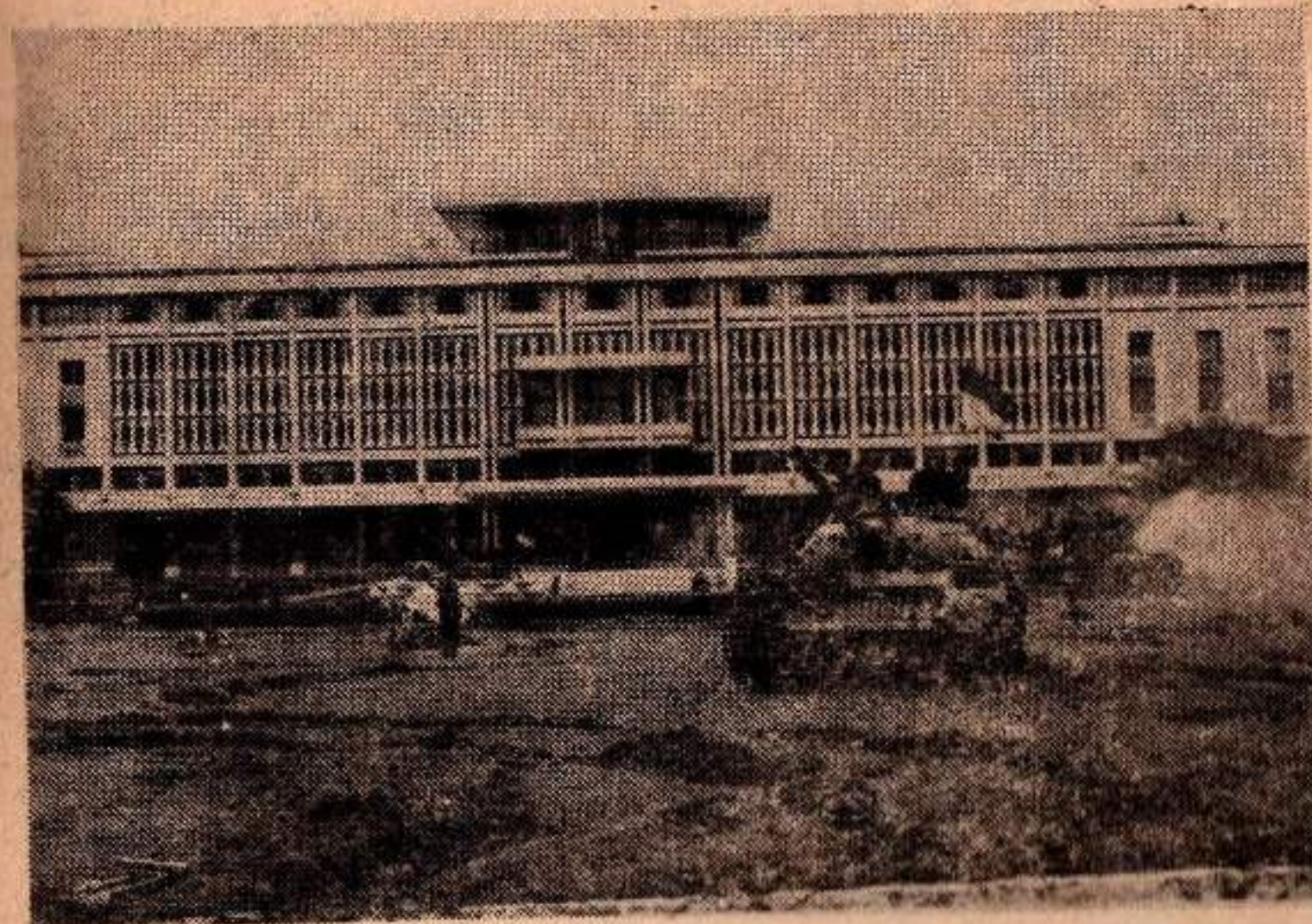
Đúng 17 giờ ngày 26-4, tiếng súng đầu tiên của chiến dịch Hồ Chí Minh nổ ra ở hướng đông. Sáng 27-4 năm quân đoàn chủ lực của ta ở năm hướng đồng loạt đánh vào vùng ven



Quân ủy Trung ương theo dõi diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh

(1) Ngày 17-4-1975 Quân giải phóng Cam-pu-chia tiến vào giải phóng Phnôm Pênh. Bọn nguy Cam-pu-chia đầu hàng không điều kiện. Cách mạng Lào cũng phát triển rất mạnh mẽ.

(2) 18-4 Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ ra khỏi miền Nam 21-4 Tướng Uây-en than thở : «Tình hình quân sự là tuyệt vọng». Chiều 21-4 Nguyễn Văn Thiệu sụt sùi xin từ chức tổng thống nguy.



Quân ta đánh chiếm dinh độc lập nguy

Sài Gòn. Dịch cố gắng chống đỡ nhưng vòng vây vẫn khép chặt dần.

Ngày 29-4 đúng 00 giờ, các quân đoàn của ta được lệnh tổng công kích vào Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của địch. Nhân dân nội ngoại thành chuẩn bị sẵn cờ hoa nào nức, kiên quyết nổi dậy giành quyền làm chủ.

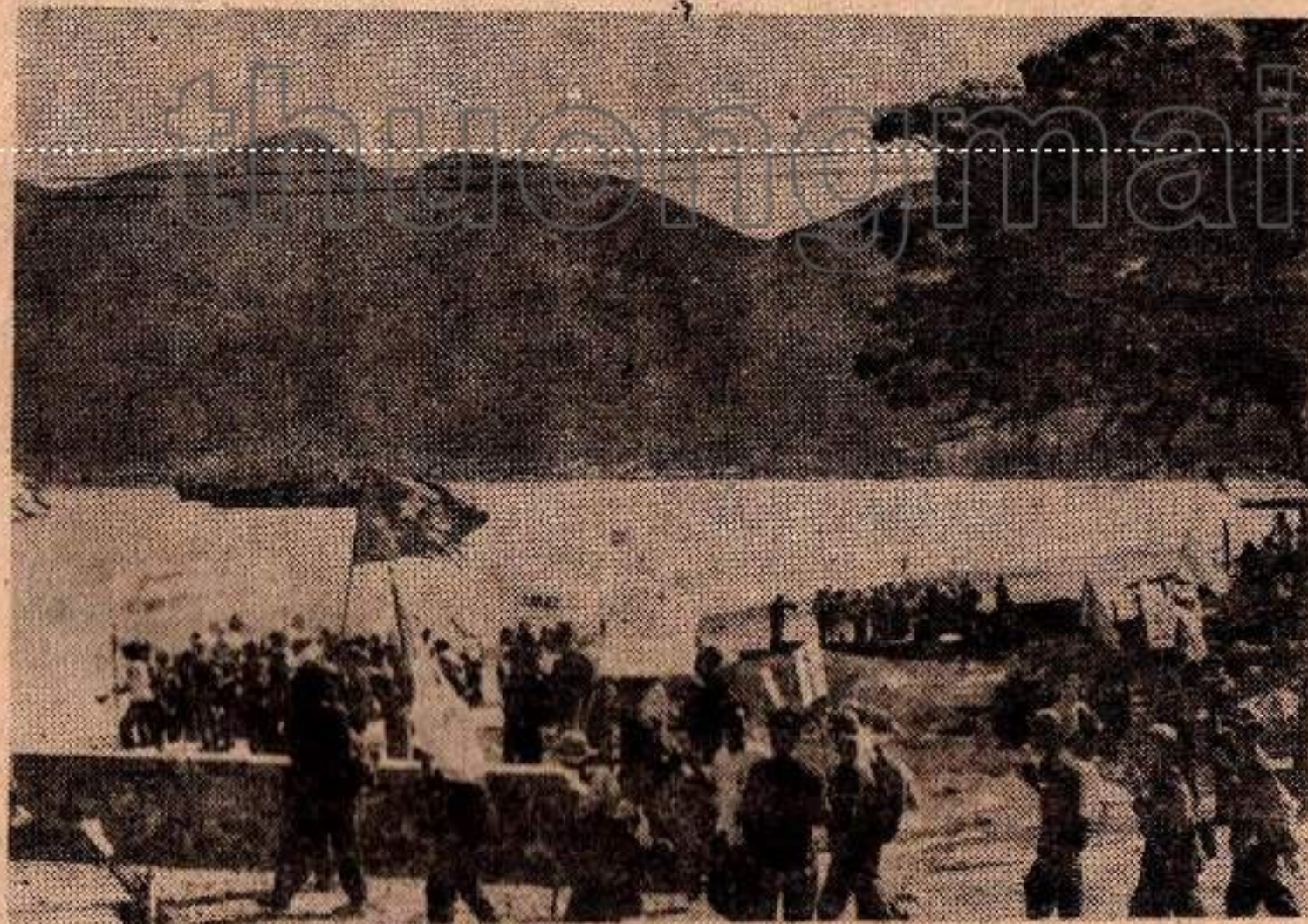
9 giờ 25 phút ngày 30-4 bọn nguy quyền Sài Gòn tuyên bố trên đài xin ngừng bắn... thương lượng.

Quân ta không chấp nhận, vẫn tiến đánh những mục tiêu chủ chốt đã định (1).

11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975 quân ta tiến vào dinh độc lập, bắt giữ toàn bộ bọn đầu sỏ nguy quyền trung ương. Cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống nguy.

Thành phố Sài Gòn đã hoàn toàn giải phóng.

Thừa thắng, quân và dân ta đã tiến công và nổi dậy, giải phóng trọn vẹn các tỉnh và các hòn đảo còn lại ở Nam Bộ.



Công Đảo giải phóng

(1) Năm mục tiêu chủ chốt : dinh độc lập, bộ tổng tham mưu nguy, biệt khu thủ đô, tổng nha cảnh sát, sân bay Tân Sơn Nhất.

4. Ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi.

Sau 55 ngày đêm chiến đấu vô cùng anh dũng đầy mưu trí, sáng tạo, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi vĩ đại đó nói lên nhiều ý nghĩa rất sâu xa :

— Lần đầu tiên trong lịch sử của dân tộc, với một thời gian ngắn, ta đã liên tiếp đánh ba trận tiêu diệt lớn, đập tan bộ máy quân sự khổng lồ, hiện đại của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 110 vạn tên ; giành lại toàn bộ giang sơn đất nước bao gồm cả vùng đất, vùng trời, vùng biển ; khôi phục độc lập chủ quyền, thống nhất quốc gia.



Một tình lớn tại Thủ đô Hà Nội chào mừng giải phóng miền Nam

— Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, một dân tộc đã «đánh thắng hai đế quốc to» (Lời Hồ Chủ tịch). Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của đế quốc Mỹ bị đảo lộn. Chủ nghĩa thực dân mới bị một đòn đả kích rất mạnh. Lực lượng so sánh trên thế giới thay đổi có lợi cho cách mạng. Phong trào cách mạng thế giới có điều kiện tiếp tục phát triển, tiến công ngày càng mạnh mẽ vào dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc. Việt Nam được coi như «tấm gương sáng chói» cho phong trào giải phóng dân tộc và nhân dân bị áp bức noi theo.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 thắng lợi vĩ đại, có tầm vóc lịch sử và thời đại như vậy là do những nguyên nhân sau đây :

— Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (trước là Đảng Lao động Việt Nam) luôn luôn đúng đắn, sáng tạo và độc lập tự chủ. Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, Đảng đã nghiên cứu nắm vững bản chất kẻ thù, tin tưởng và quyết tâm đánh thắng đế quốc Mĩ; đề ra đường lối chính trị ngoại giao, đường lối quân sự, phương pháp cách mạng sáng tạo, phù hợp với từng thời kì; biết mở đầu và biết kết thúc chiến tranh một cách hoàn hảo.

— Sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam, của lòng yêu nước nồng nàn, ý chí thống nhất mạnh mẽ và li tưởng xã hội chủ nghĩa của toàn dân tộc ta. Mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm đường phố là một chiến hào; mọi người không sợ gian khổ hi sinh; một lòng một dạ tin theo Đảng quyết chiến đấu đến cùng vì chân lí «Không có gì quý hơn độc lập, tự do».

— Lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, vô địch. Một đội quân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu; có tinh thần anh dũng tuyệt vời, kỉ luật tự giác nghiêm minh, tổ chức trang bị chặt chẽ hiện đại; nắm vững khoa học quân sự tiên tiến, dày dặn kinh nghiệm tác chiến, liên tiếp đánh thắng mọi âm mưu xảo quyệt của quân thù.

— Tình đoàn kết chiến đấu keo sơn giữa nhân dân ba nước anh em Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

CÂU HỎI

1. Vì sao Đảng ta lại đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975—1976).
2. Sức tiến công của ta và sức chống đỡ của địch trong tháng 3-1975 diễn ra như thế nào? Nhận xét.
3. Chứng minh: Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra thần tốc tuyệt vời.
4. Đảng ta đã lãnh đạo cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 như thế nào?
5. Ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

TỔNG KẾT

BÀI 15

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1975

Trong quá trình đấu tranh lâu dài để dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã sớm có ý thức dân tộc và đã biểu thị một tinh thần yêu nước rất nồng nàn. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, ngót một thế kỉ, nhân dân ta không cam chịu nô lệ đã không ngớt vùng lên kiên quyết cầm vũ khí chống lại bọn cướp nước và bọn bán nước.

Sau khi các cuộc đấu tranh vũ trang cuối thế kỉ XIX của Cần vương lần lượt bị dập tắt, sang những năm đầu thế kỉ XX, ngọn lửa cách mạng giải phóng dân tộc lại bùng lên với những phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy tân và kháng thuế ở Trung Kỳ, v.v... Phong trào trong giai đoạn này nói chung đã bắt đầu mang một màu sắc mới, màu sắc dân chủ tư sản. Những năm sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh cách mạng vẫn tiếp diễn, nhưng chưa tìm ra được một con đường cứu nước đúng đắn.

Chính lúc đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bằng thiên tài trí tuệ và sự hoạt động cách mạng của mình đã kịp thời đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Vượt qua sự hạn chế của chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu và của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã sớm đến với chủ nghĩa Mac—Lê-nin và đi theo con đường cách mạng vô sản. Người nói: «Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản». Người đã có công rất lớn trong việc truyền bá chủ nghĩa Mac—Lê-nin và sáng lập ra một chính đảng Mac—Lê-nin ở Việt Nam mà tiền thân là Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ra đời năm 1925. Rồi ngày 3-2-1930 Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập. Đó là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mac—Lê-nin với phong trào công nhân và cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam, đó là một bước ngoặt vĩ

đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Từ đây, con thuyền cách mạng Việt Nam có một tay lái vững vàng để vượt qua mọi thác ghềnh, đi đến thắng lợi.

Vừa mới ra đời, Đảng ta đã tổ chức và lãnh đạo một phong trào cách mạng sôi nổi và lớn mạnh của quần chúng công nông chưa từng có ở nước ta, đó là phong trào 1930—1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ—Tĩnh. Lần đầu tiên công nhân và nông dân nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã nổi lên lật đổ quyền thống trị của bọn đế quốc và phong kiến ở nhiều nơi trong 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, thành lập chính quyền xô viết. Tuy bị đế quốc Pháp dim trong biển máu, phong trào Xô viết Nghệ—Tĩnh vẫn giữ một vai trò to lớn trong lịch sử giải phóng của dân tộc ta. Đó là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của nhân dân Việt Nam chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

Từ năm 1936, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát-xít và của cuộc chiến tranh thế giới mới, lợi dụng những điều kiện thuận lợi do việc chính phủ của Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp đem lại, Đảng ta đã phát động một phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, đòi cải thiện đời sống, chống phát-xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. Phong trào của Mặt trận Dân chủ do Đảng lãnh đạo đã lôi cuốn được hàng triệu quần chúng tham gia và giáo dục ý thức chính trị cho đông đảo quần chúng. Đó là cuộc tổng diễn tập thứ hai chuẩn bị cho cuộc Cách mạng tháng Tám sau này.

Từ cuối năm 1939, sau khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát-xít Nhật xâm chiếm nước ta câu kết với thực dân Pháp để áp bức dân tộc ta. Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống phát-xít Nhật, Pháp. Đảng đã lập ra Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc nhằm đoàn kết toàn dân để cứu nước. Đảng đã lập các khu căn cứ, xây dựng các lực lượng vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích chống phát-xít Nhật, Pháp. Thế rồi Nhật đảo chính Pháp, Đảng lại chĩa mũi nhọn vào phát-xít Nhật. Mùa thu 1945, phát-xít Nhật bị Hồng quân Liên Xô đánh bại, Đảng đã kịp thời lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám thành công. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

Cách mạng tháng Tám thành công chưa được bao lâu, bọn thực dân Pháp lại quay lại xâm lược nước ta một lần nữa, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mĩ. Chúng ta có chính nghĩa, lại có đường lối kháng chiến «toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh» cho nên chúng ta càng đánh càng mạnh, và cuộc kháng chiến của ta đã tiến lên những bước vững chắc: từ chiến thắng Việt Bắc (1947), Biên giới (1950), Hòa Bình (1951), Tây Bắc (1952) đến cuộc đại phản công Đông—Xuân (1953—1954) kết thúc bằng thắng lợi vĩ đại ở Điện Biên Phủ.

Tuy vậy, năm 1954, lực lượng cách mạng chưa đủ mạnh để giải phóng cả nước; kẻ địch đã bị thua, nhưng chưa bị đánh quy hãn. Do đó, nước ta còn tạm bị chia làm hai miền. Miền Bắc đã được giải phóng hoàn toàn. Miền Nam, đế quốc Mĩ đã hất cẳng thực dân Pháp độc chiếm một nửa nước ta làm thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự. Đồng bào ta ở miền Nam đã đấu tranh rất anh dũng chống đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai của chúng, thu được nhiều thắng lợi to lớn.

Từ cuộc đấu tranh chính trị hợp pháp và không hợp pháp (1954—1958) với phong trào «đồng khởi» (1959—1960) nhân dân miền Nam đã vùng dậy tiến hành đấu tranh vũ trang chống lại chế độ thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ và tay sai, thành lập các tổ chức cách mạng của mình, lập ra Mặt trận Dân tộc giải phóng, người lãnh đạo và đại diện chân chính của nhân dân miền Nam. Từ 1961—1965, nhân dân miền Nam đã tập trung lực lượng phá vỡ hệ thống kim kẹp và phần lớn «ấp chiến lược» của địch, giành quyền làm chủ ở nông thôn, phát triển đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh bại cuộc «chiến tranh đặc biệt» của đế quốc Mĩ và tay sai. Ở miền Bắc, sau khi được hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta đã hoàn thành thắng lợi cải cách ruộng đất, đã hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta.

Trước những thắng lợi to lớn của nhân dân ta ở cả hai miền Nam — Bắc, đế quốc Mĩ điên cuồng, liều lĩnh. Ngày 5 tháng 8 năm 1964, chúng dựng đứng ra «sự kiện vịnh Bắc

Bộ» đề lấy cớ đưa quân đội vào miền Nam và trắng trợn dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc. Đế quốc Mĩ tưởng rằng với sức mạnh của quân viễn chinh chúng có thể bắt nhân dân miền Nam cúi đầu, khuất phục. Cho máy bay tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, chúng tin rằng «không lực Huế Kỳ» sẽ kéo nhân dân miền Bắc «trở lại thời kì đồ đá», không còn sức đề chi viện cho cuộc cách mạng của nhân dân miền Nam. Nhưng bọn xâm lược Mĩ đã tính nhầm. Nhân dân Việt Nam anh hùng đã quyết tâm đứng lên chống Mĩ, cứu nước.

Với lòng dũng cảm và quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, quân và dân hai miền Nam Bắc đã chiến đấu hết sức anh dũng, làm thất bại hoàn toàn cuộc «chiến tranh cục bộ» của đế quốc Mĩ, đánh bại những cố gắng tuyệt vọng của chúng trong kế hoạch «Việt Nam hóa chiến tranh», đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, buộc chúng phải kí kết Hiệp định Pa-ri, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Tuy nhiên, bè lũ Mĩ — Thực dân trắng trợn vi phạm những điều khoản trọng yếu của Hiệp định Pa-ri, tiếp tục gây xung đột vũ trang hành quân lấn chiếm vùng kiểm soát của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, chà đạp lên các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam.

Đầu năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta đã tổng tiến công và nổi dậy ở khắp miền Nam. Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục và vô cùng anh dũng, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh, quân dân ta đã xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chiến tranh, đập tan bộ máy kìm kẹp của địch, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Điềm lại những chặng đường đã qua, chúng ta cảm thấy hết sức tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc ta. Một dân tộc không bao giờ chịu làm nô lệ, một dân tộc đã liên tục và kiên quyết đấu tranh chống đế quốc và bọn phong kiến tay sai trong suốt hơn 100 năm, đã làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, đã đưa cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ đến thắng lợi, và ngày nay lại đánh thắng đế quốc Mĩ, giải phóng hoàn toàn đất nước, mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử Tổ quốc Việt Nam; kỉ nguyên nhân dân ta hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn bộ đất nước.

MỤC LỤC

Trang
2

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ KHI ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG RA ĐỜI ĐẾN NĂM 1975

Chương I

THỜI KÌ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỪ 1930 ĐẾN 1945

Bài 1. Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương	3
Bài 2. Cao trào cách mạng 1930—1931	7
Bài 3. Cao trào dân chủ (1936—1939)	12
Bài 4. Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939—1945)	16
I. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang báo hiệu một giai đoạn mới.	16
II. Nhân dân Đông Dương dưới hai tầng áp bức bóc lột Pháp—Nhật.	20
III. Mặt trận Việt Minh được thành lập.	22
IV. Nhật đảo chính Pháp. Khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa (3-1945—8-1945)	26
V. Cách mạng tháng Tám thành công. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.	29

Chương II

NƯỚC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG ĐẾN CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC PHÁP THẮNG LỢI (9-1945—7-1954)

Bài 5. Nước Việt Nam năm đầu tiên sau cách mạng tháng Tám.	33
Bài 6. Từ khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947.	41

<i>Bài 7.</i>	Từ sau chiến thắng Việt Bắc 1947 đến chiến thắng Biên giới 1950.	49
<i>Bài 8.</i>	Tăng cường xây dựng lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị đưa cuộc kháng chiến sang giai đoạn tổng phản công (1951—1953).	53
<i>Bài 9.</i>	Chiến cuộc Đông — Xuân 1953—1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ.	61
<i>Bài 10.</i>	Hội nghị Giơ-ne-vơ và việc lập lại hòa bình ở Đông Dương	71

Chương III

CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở MIỀN BẮC VÀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN Ở MIỀN NAM

<i>Bài 11.</i>	Tình hình nước ta và nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta sau khi hòa bình lập lại.	74
<i>Bài 12.</i>	Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.	77
<i>Bài 13.</i>	Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1954—1965).	82
<i>Bài 14.</i>	Toàn dân kháng chiến chống Mĩ cứu nước để giải phóng miền Nam bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà (1965—1975).	91

TỔNG KẾT

<i>Bài 15.</i>	Tổng kết lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975.	115
----------------	--	-----

nuongmaitruongxua.v

LỊCH SỬ

LỚP CHÍN PHỔ THÔNG
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

In 40000 cuốn
khổ 14,5 × 20,5cm

tại Công Ty Hợp Doanh In số 4
15/7, Ngô Quyền — Quận 5
Thành phố HỒ CHÍ MINH

In xong tháng 4 - 1985
Nộp lưu chiều tháng 4 - 1985

Giá : 4,00đ